**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

**\* Khái niệm:**

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

**Sông Năm Thôn**

 Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Chữ số (Năm) + Địa danh hành chính (Thôn: Vào cuối thế kỷ XVIII, trên cù lao Năm Thôn (Ngũ Hiệp) có 5 thôn là: An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú, Tân Sơn nên có tên gọi là Năm Thôn).

Sông Năm Thôn là nhánh rẽ của sông Tiền chảy ngang qua cù lao Năm Thôn, dài 15 km, bắt đầu từ Cồn Tròn ở xã Tân Phong, huyện Cai Lậy đến Sông Tiền tại xã Phú Phong, huyện Châu Thành.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

**Khái niệm:**

Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[1]](#footnote-1)

**1. Giồng Quản Tú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Chức vụ ở thôn xã thời xưa (Quản: gọi tắt chức Hương quản trong Hội đồng Hương chức thời xưa. Hương quản có nhiệm vụ trông coi công tác an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Tú).

Giồng Quản Tú là giồng cát mang tên ông Quản Tú, rộng khoảng 30 ha, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy.

**2.** **Giồng Sung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây sung: là loại cây thân gỗ, cao từ 20 - 30 m, được trồng để lấy bóng mát, trang trí, làm cảnh; quả và lá đều ăn được; theo Y học cổ truyền, một số bộ phận của cây, nhất là quả, là vị thuốc chữa một bệnh như táo bón, tiểu đường, tăng huyết áp, viêm họng,…).

Giồng Sung là giồng cát có nhiều cây sung hoặc có cây sung to, rộng khoảng 40 ha, có dạng hình khum tròn mà không trải dài như thường thấy ở giồng cát, tọa lạc tại ấp Bình Phong, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy.

**3.** **Giồng Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Tre).

- Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…

Giồng Tre là giồng cát có nhiều bụi tre, rộng khoảng 30 ha. Giống như Giồng Sung, Giồng Tre có dạng hình khum tròn mà không trải dài như thường thấy ở giồng cát, tọa lạc tại ấp Bình Trị, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò**:

**Khái niệm:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1.** **Gò Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Tên công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa).

Gò Chùa là gò đất mà trên đó có một ngôi chùa, rộng khoảng 3 ha, thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy.

**2.** **Gò Chùa Trường Tháp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Tên công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa Trường Tháp).

Gò Chùa Trường Tháp là gò đất, rộng khoảng 1 ha, mà trên đó có chùa Trường Tháp, tọa lạc tại xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy. Gò này là Di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, người ta phát hiện nhiều gạch, 01 lin ga, 01 bàn nghiền (pesani), 3 đoạn cột đá có thể là hiện vật kiến trúc của ngôi tháp, dấu vết của thời Vương quốc Phù Nam cổ.

**3.** **Gò Da**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây da).

- Cây da: còn gọi là cây đa, là loại thân gỗ to, cao từ 20 - 30 m, tán lá rộng, có thể lan tỏa bao phủ trên diện tích vô cùng rộng, từ cành cây mọc ra rất nhiều rễ khí và chúng sẽ phát triển thành cây khi chạm xuống đất, được dùng làm cây cảnh (kiểng) và lấy bóng mát, nhất là ở đình, chùa, cổng làng,…

Gò Da là gò có cây da cao, to, rộng khoảng 4 ha, ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy.

**4**. **Gò Găng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Găng: là dạng cây thân gỗ nhỏ, có thể cao tới 3 m hoặc 4 m, được trồng làm hàng rào do thân và cành có nhiều gai; lấy gỗ làm trục xe, lược, con quay; quả ngâm hoặc sắc lấy nước dùng gội đầu và giặt quần áo, nhất là những hàng tơ lụa có màu, **hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, tiêu chảy, lỵ,** tiểu vàng, đỏ, gắt[[2]](#footnote-2),…).

Gò Găng là một gò cát mọc toàn cây găng, rộng khoảng 5 ha, nay thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy.

**\* Địa danh Việt gốc Khmer:**

**1. Ba Rài**

Ba Rài là địa danh Việt gốc Khmer: Baray. Theo Vương Hồng Sển, Ba Rài là **“**hồ chứa nước lớn để dùng vào việc dẫn thủy nhập điền[[3]](#footnote-3)”. Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Ba Rài có nghĩa là “hồ chứa nước ngọt[[4]](#footnote-4)”.

Ba Rài là tên rạch, tên cầu, tên chợ, tên khu di tích chiến thắng Ra Rài ở thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

**2.** **Bưng Cây Gáo Ba Làng**

- Bưng: **Bưng là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là “hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...”. Vào mùa mưa ở bưng thường có nhiều cá đồng, cho nên có câu ca dao:**

***Gió đưa, gió đẩy,***

***Về rẫy ăn còng,***

***V****ề bưng ăn cá,*

*Về giồng ăn dưa.*

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**.

- Bưng Cây Gáo Ba Làng rộng khoảng 20 ha, tọa lạc tại nơi giáp ranh giữa ba làng Cẩm Sơn, An Mỹ và Phú Sơn, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc xã Cẩm Sơn và xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

**3.** **Bưng Môn**

Bưng Môn là bưng có nhiều cây môn nước mọc hoang, tọa lạc ở xã Điềm Hy, huyện Châu Thành và xã Tân Phú, huyện Cai Lậy.

**4.** **Tham Rôn**

Tham Rôn là Tiếng Khmer để chỉ cây trôm.

Tham Rôn là tên một con rạch thuộc xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy. Trước năm 1904, tại vàm rạch Tham Rôn có một cây trôm cổ thụ to lớn. Bắc qua rạch Tham Rôn có cầu Tham Rôn.

Nơi đây có nhiều chiến công oanh liệt của quân dân ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

**5**. **Trấp Bèo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Trấp: **là địa danh Việt gốc Khmer: Trap.** Theo quyển *Đại Nam Quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của, trấp là đất bưng cỏ (tiếng Khmer là: Péangtrap - bưng trấp). Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Trấp là “địa hình trũng, ngập nước, nhỏ hơn bưng[[5]](#footnote-5)”) + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước, rễ bung thành chùm, có nhiều loại khác nhau, thường dùng làm thức ăn cho heo/lợn hoặc làm phân xanh).

Trấp Bèo rộng khoảng 2 ha, cách ngã tư Quản Oai về phía tây khoảng vài km, ở xã Phú Cường, huyện Cai Lậy. Có lẽ, ngày xưa cái trấp này có rất nhiều bèo (như bàu Bèo, bàu Súng, bàu Sọ ở huyện Tân Phước). Hiện nay, không còn dấu vết; nhưng con kênh/kinh chảy ngang qua đây được gọi là kênh/kinh Trấp Bèo.

Nơi đây, vào năm 1959, ông Võ Văn Bảy, công an xã Thạnh Phú, huyện Cai Lậy bị tòa án quân sự đặc biệt của chính quyền Sài Gòn xử tử bằng máy chém.

**\* Địa danh Việt có gốc Mã Lai:**

**1**. **Cù Lao Năm Thôn (Ngũ Hiệp)**

Vào cuối thế kỷ XVIII, trên cù lao có 5 thôn là: An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú, Tân Sơn nên có tên gọi là Năm Thôn. Năm 1875, chính quyền thực dân Pháp cho lập một làng trên cù lao Năm Thôn lấy tên là Ngũ Hiệp với ý nghĩa là năm thôn hợp lại. Cù lao có diện tích tự nhiên là 25,8 km², chiều dài khoảng 13,5 km, chiều ngang rộng nhất 2,5 km, nay là xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**2**. **Cù lao Tân Phong**

Cù lao Tân Phong xưa được dân gian gọi là Cồn Cù[[6]](#footnote-6). Trước năm 1808, cù lao Tân Phong có tên là thôn Tân Cù Bình An, tức cồn mới bình an, thuộc tổng Bình Dương, châu Định Viễn, dinh Long Hồ. Năm 1808, thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1836, đổi tên thành thôn Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long. Cù lao nằm trên sông Tiền, phía trên cù lao Năm Thôn, dọc theo chợ nổi Cái Bè, thuộc xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, có diện tích tự nhiên là 24,3 km² [[7]](#footnote-7).

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1. Ấp Chà Là**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây chà là: là một loại cây có gai, thuộc họ cau, chủ yếu sống ở vùng bưng biền, ven sông rạch ẩm thấp. Quả chín có vị ngọt. Vào thời xưa, cuộc sống còn khó khăn, thiếu thốn, chà là là một thứ trái giúp cho người nghèo vượt qua cơn đói. Có thể ăn chà là khi quả còn non và chín. Lúc non hái về luộc lấy hạt hoặc phơi khô giã, lọc lấy hạt ghế vào cơm. Quả chín ngoài việc ăn tươi thì có thể phơi khô rồi giã lọc lấy tinh bột để thay thế đường. Cũng vì thế, đến nay dân gian vẫn còn lưu truyền câu ca dao: Đói lòng ăn hột chà là / Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng).

Ấp Chà Là thuộc xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây chà là.

Ấp Chà Là đông giáp ấp Phú Lợi, cùng xã, tây giáp Ấp 7, xã Mỹ Thành Nam, bắc giáp Ấp 6, xã Thạnh Lộc, nam giáp ấp Phú Hòa, cùng xã; diện tích tự nhiên 157 ha; dân số (năm 2019): 1.620 người, nam 776, nữ 844; được công nhận ấp văn hóa.

**2**. **Ba Dầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba: là nơi hai đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, hoặc là nơi đường giao nhau cùng mức có 3 nhánh đường[[8]](#footnote-8)) + Thực vật (Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 – 50 m, cây thường trồng ngoài trời làm bóng mát, là nguyên liệu cho ngành sơn, vẹc ni, gỗ dùng để đóng đồ nội thất thông thường).

Ba Dầu là ngã ba có nhiều cây dầu ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Ba Dầu còn là tên rạch - rạch Ba Dầu (tên chữ Hán là Du Giang) - nối với rạch Trà Tân và rạch Mù U, rạch Bang Lợi, chảy từ xã Long Tiên xuống các xã Tam Bình và Mỹ Long, huyện Cai Lậy. Hiện tại, rạch Ba Dầu đã được cải tạo lại, nối với Đìa Đưng ở cùng xã, nên còn gọi là kênh/kinh Đìa Đưng. Tại ngã ba này, có chợ Ba Dầu. Đây là chợ cổ tồn tại cho đến ngày nay.

**3**. **Ba Dừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa: là loại cây thân mọc thẳng và không phân nhánh, có chiều cao trung bình từ 15 đến 20m, thậm chí cao đến 30 m. Đây là loại cây đa công dụng, tận dụng được nguồn lợi từ rễ tới ngọn để phục vụ nhu cầu của con người, như giải khát, dùng trong chế biến thực phẩm, chất đốt, xây dựng, đồ gỗ mỹ nghệ, làm thuốc Đông y,... ).

Ba Dừa là ngã ba có cây dừa cao thuộc xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Đây còn là ngã ba rạch Trà Tân, một con rạch quan trọng về giao thông thủy và thủy lợi, dẫn nước ngọt cho các xã Long Tiên, Long Trung, Long Khánh,… thuộc huyện Cai Lậy.

**4**. **Cầu** **Rạch Cóc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hành thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây cóc rừng: là loại thân gỗ nhỏ, cao từ 10 - 15 m, được phân thành nhiều nhánh, gỗ giòn, dễ gãy, quả nhỏ. Lá cóc non thường được làm rau sống vì có vị chua hoặc dùng để nấu canh chua, thái nhỏ để bóp gỏi, mùi khá thơm.Theo y học cổ truyền, lá, quả, vỏ thân được sử dụng làm thuốc, giúp kích thích hệ tiêu hóa, ăn ngon, tiêu thực, giải nhiệt, trị đau họng,…).

Hoặc:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hành thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Cá cóc: là loại cá quý hiếm, cùng họ với cá chép, thường sống ở vực sâu, nước xoáy, trụ cầu, bến phà thuộc sông Tiền, sông Hậu, có thịt thơm ngon, được chế biến thành những món ăn đặc sản).

Cầu Rạch Cóc nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 25 m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, là cầu bắc qua Rạch Cóc (rạch chảy qua vùng có nhiều cây cóc mọc hoặc có nhiều cá cóc) ở xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy.

**5.** **Gian U**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gian) + Thực vật (Cây mù u).

- Gian: là địa hình trũng, ngăn cách, nên gọi là gian[[9]](#footnote-9).

- Cây mù u: Xin xem mục từ Ba U

Gian U gọi tắt từ Gian Mù U, là nơi đất trũng có nhiều cây mù u, thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy. Tại đây, có cầu Gian U và rạch Gian U. Hiện tại, Gian U được gọi trại thành Văn U.

**6**. **Trảng Tranh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Trảng: là vùng đất bằng phẳng, trống trải, thưa cây cối thân gỗ, phổ biến là cây thân cỏ, như tranh, bàng,…) + Thực vật (Cây tranh).

Trảng Tranh là nơi có nhiều cây cỏ tranh mọc, thuộc xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy.

**7.** **Xoài Tư**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Xoài) + Số lượng (Tư).

Xoài Tư là nơi có cây xoài cổ thụ có bốn nhánh to hoặc là nơi có bốn cây xoài to.

Xoài Tư là đồn điền được thành lập khoảng năm 1853 trong khuôn khổ chính sách khai hoang Nam Kỳ, nhất là ở vùng ven Đồng Tháp Mười, do vua Tự Đức đề xướng và quan Kinh lược sứ Nam Kỳ Nguyễn Tri Phương là người chỉ đạo thực hiện. Được biết, đồn điền là hình thức khai hoang do binh lính tiến hành. Lúc bấy giờ, đồn điền Xoài Tư bao gồm một vùng đất kéo dài từ rạch Cái Gáo đến Rạch Ruộng, nay thuộc xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy.

Trong cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp từ năm 1861 - 1866 do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo, đồn điền Xoài Tư là nguồn cung cấp lương thực quan trọng cho nghĩa quân. Binh lính đồn điền cũng là lực lượng nòng cốt của cuộc khởi nghĩa.

Sau khi cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man (4/1866) và thủ lãnh Võ Duy Dương mất (10/1866), đồn điền Xoài Tư bị giải thể. Tuy nhiên, địa danh này đã được Nguyễn Liêng Phong phản ánh trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*:

*Đương khi thiết lập đồn điền,*

*Hãy còn nền chợ ở miền Xoài Tư.*

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. **Rạch** **Cái Rắn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Cái) + Động vật (Rắn: là loài động vật bò sát máu lạnh, có 2 loại rắn: có nọc độc và không có nọc độc)

Có hai cách giải thích về nguồn gốc của địa danh này:

Thứ nhất, vì con rạch này khá to, trong rạch mang nhiều phụ lưu nên gọi là “rạch cái” và vì hình dáng của rạch quanh co như một con rắn khổng lồ bò trên cánh đồng bát ngát nên người dân mới gọi là rạch Cái Rắn.

Thứ hai, xã Phú Nhuận ngày nay trù phú, nhưng đời Gia Long còn hoang vu, có thể gọi là một làng ven Đồng Tháp Mười. Lúc mới lập làng, đình cất lại vàm rạch. Trước cửa đình có một cây đa khổng lồ, xung quanh là một đám rừng rậm rạp. Trong đám rừng trước cửa đình Phú Nhuận có một hang rắn nên gọi rạch là Cái Rắn[[10]](#footnote-10).

Rạch Cái Rắn là con rạch chảy qua xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**1. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)**

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian “thành” (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ “Nhiếp”: 攝 có nghĩa “Thay quyền để thống trị, kiêm quyền”) và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[[11]](#footnote-11).

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

**2**. **Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)**

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

**3**. **Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)**

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[[12]](#footnote-12).

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

**4.** **Quận Cai Lậy:**

Quận Cai Lậy thành lập năm 1904, đầu tiên có 6 tổng: Lợi Trinh (9 làng), Lợi Thuận (8 làng), Lợi Mỹ (8 làng), Lợi Trường (12 làng), Phong Hòa (8 làng), Phong Phú (9 làng).

Năm 1912, cắt ba làng của tổng Lợi Trường là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn để nhập vào quận Châu Thành. Năm 1913, cắt ba tổng Phong Hòa (8 làng), Phong Phú (9 làng) và Lợi Thuận (8 làng) để lập quận Cái Bè.

Nhưng đến năm 1928, quận Cái Bè trả tổng Lợi Thuận về quận Cai Lậy.

5. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956  của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”, tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Ðiềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Ðịnh, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Ðông, Tân Lý Tây, Tân Lý Ðông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Ðăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Ðông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Ðịnh, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Ðông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Ðức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Ðông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Ðiền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận [Bến Tranh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tranh) từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã [Mỹ Tho](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_Tho), là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ** | **DIỆN TÍCH**  **(km²)** | **DÂN SỐ**  **(Người)** |
| **I** | **Thị xã Mỹ Tho** | **8,0** | **109.975** |
| **II** | **Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp** | **225,7** | **67.531** |
| 1 | Hòa Tịnh | 7,7 | 2.604 |
| 2 | Lương Hòa Lạc | 15,0 | 6.464 |
| 3 | Mỹ Tịnh An | 12,1 | 3.230 |
| 4 | Phú Kiết | 11,5 | 3.306 |
| 5 | Phú Mỹ | 46,8 | 5.612 |
| 6 | Tân Bình Thành | 12,5 | 2.458 |
| 7 | Tân Hiệp | 1,0 | 4.571 |
| 8 | Tân Hòa Thành | 20,1 | 3.309 |
| 9 | Tân Hội Đông | 8,4 | 4.118 |
| 10 | Tân Hương | 13,3 | 8.060 |
| 11 | Tân Lý Đông | 40.4 | 4.903 |
| 12 | Tân Lý Tây | 4,5 | 5.368 |
| 13 | Thanh Bình | 12,3 | 2.079 |
| 14 | Thân Cửu Nghĩa | 9,6 | 9.326 |
| 15 | Trung Hòa | 10,5 | 2.123 |
| **III** | **Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp** | **278,4** | **79.124** |
| 16 | Đông Hòa Hiệp | 17,0 | 27.197 |
| 17 | Hậu Mỹ | 60,9 | 10.474 |
| 18 | Hậu Thành | 10,6 | 8.130 |
| 19 | Hiệp Đức | 11,4 | 625 |
| 20 | Hòa Khánh | 25,5 | 10.311 |
| 21 | Hội Cư | 23,1 | 5.304 |
| 22 | Hội Sơn | 4,3 | 170 |
| 23 | Mỹ Thành | 40,6 | 8.273 |
| 24 | Mỹ Thiện | 64,7 | 3.742 |
| 25 | Phú An | 14,2 | 4.523 |
| 26 | Xuân Sơn | 6,1 | 375 |
| **IV** | **Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa** | **363,5** | **101.017** |
| 27 | Bình Phú | 19,3 | 6.863 |
| 28 | Cẩm Sơn | 13,9 | 300 |
| 29 | Long Khánh | 17,9 | 5.024 |
| 30 | Long Tiên | 14,0 | 3.861 |
| 31 | Long Trung | 19,4 | 3.772 |
| 32 | Mỹ Hạnh Đông | 30,1 | 2.000 |
| 33 | Mỹ Hạnh Trung | 10,2 | 4.152 |
| 34 | Mỹ Long | 11,5 | 1.103 |
| 35 | Mỹ Phước Tây | 39,1 | 7.041 |
| 36 | Ngũ Hiệp | 27,3 | 6.039 |
| 37 | Nhị Mỹ | 12,5 | 5.823 |
| 38 | Nhị Quý | 11,8 | 7.344 |
| 39 | Phú Nhuận Đông | 15,6 | 4.980 |
| 40 | Phú Quý | 9,3 | 2.814 |
| 41 | Tam Bình | 16,9 | 4.885 |
| 42 | Tân Bình | 13,0 | 6.724 |
| 43 | Tân Hội | 10,9 | 3.519 |
| 44 | Tân Phú Đông | 5,3 | 675 |
| 45 | Thanh Hòa | 9,9 | 21.588 |
| 46 | Thạnh Phú | 55,6 | 2.510 |
| **V** | **Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An** | **107,3** | **52.208** |
| 47 | Bình Đức | 11,8 | 11.237 |
| 48 | Đạo Thạnh | 6,7 | 6.645 |
| 49 | Long An | 13,6 | 5.254 |
| 50 | Mỹ Phong | 11,1 | 5.456 |
| 51 | Phước Thạnh | 11,5 | 3.125 |
| 52 | Tam Hiệp | 13,6 | 2.749 |
| 53 | Tân Long | 4,9 | 7.208 |
| 54 | Tân Mỹ Chánh | 6,9 | 3.974 |
| 55 | Thạnh Phú | 7,9 | 2.183 |
| 56 | Thới Sơn | 13,8 | 2.148 |
| 57 | Trung An | 5,5 | 2.209 |
| **VI** | **Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan** | **163,1** | **52.664** |
| 58 | An Thạnh Thủy | 17,1 | 4.915 |
| 59 | Bình Ninh | 20,0 | 3.575 |
| 60 | Bình Phan | 9,0 | 5.903 |
| 61 | Bình Phục Nhứt | 18,3 | 5.786 |
| 62 | Đăng Hưng Phước | 14,5 | 6.257 |
| 63 | Hòa Định | 22,0 | 2.700 |
| 64 | Long Bình Điền | 12,1 | 4.331 |
| 65 | Quơn Long | 14,2 | 4.778 |
| 66 | Song Bình | 12,1 | 4.260 |
| 67 | Tân Thuận Bình | 14,9 | 5.579 |
| 68 | Xuân Đông | 8,9 | 4.580 |
| **VII** | **Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu** | **226,5** | **58.791** |
| 69 | An Hữu | 15,0 | 12.047 |
| 70 | An Thới Đông | 7,3 | 6.458 |
| 71 | An Thới Trung | 16,1 | 5.576 |
| 72 | Hòa Lộc | 5,1 | 1.214 |
| 73 | Hưng Thuận | 15,9 | 6.551 |
| 74 | Mỹ Đức Đông | 8,0 | 2.454 |
| 75 | Mỹ Đức Tây | 68,2 | 8.716 |
| 76 | Mỹ Lợi | 42,7 | 1.052 |
| 77 | Mỹ Lương | 13,6 | 5.404 |
| 78 | Thanh Hưng | 34,6 | 9.319 |
| **VIII** | **Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim** | **321,5** | **42.227** |
| 79 | Bàn Long | 10,2 | 385 |
| 80 | Bình Trưng | 6,5 | 1.146 |
| 81 | Điềm Hy | 4,6 | 1.762 |
| 82 | Dưỡng Điềm | 7,0 | 3.384 |
| 83 | Đông Hòa | 95,5 | 6.057 |
| 84 | Hữu Đạo | 4,6 | 941 |
| 85 | Hưng Thạnh Mỹ | 85,9 | Không có số liệu |
| 86 | Kim Sơn | 12,6 | 2.884 |
| 87 | Long Định | 22,6 | 7.599 |
| 88 | Long Hưng | 14,0 | 1.460 |
| 89 | Nhị Bình | 32,9 | 7.409 |
| 90 | Phú Phong | 10,9 | 1.338 |
| 91 | Song Thuận | 9,0 | 1.968 |
| 92 | Vĩnh Kim | 5,2 | 5.894 |

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

**6. Tỉnh Tiền Giang**

**\* Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)**  **(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số**  **(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP**  **Mỹ Tho** | **TX**  **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu**  **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ**  **Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 | |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 | |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 | |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Cai Lậy:**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Cai Lậy ban đầu chỉ là tên một giồng cát nằm ở ấp Hữu Hòa (ngày nay thuộc Phường 1, thị xã Cai Lậy) do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn. Cai cơ Ngô Tấn Lễ là tướng của chúa Nguyễn Ánh. Từ Cai Lễ nói trại thành Cai Lậy. Chợ Cai Lậy được lập từ cuối thế kỷ XVIII.

**Vị trí địa lý:**

Huyện Cai Lậy nằm ở phía tây tỉnh Tiền Giang, phía Bắc giáp huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; phía Đông giáp thị xã Cai Lậy và các huyện Tân Phước, Châu Thành; phía Tây giáp huyện Cái Bè; phía Nam giáp sông Tiền, đối diện huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và một phần của tỉnh Vĩnh Long.

**Diện tích tự nhiên:** 29.599,35 ha.

**Hành chính:**

Huyện có 16 đơn vị hành chính cấp xã: Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận, Bình Phú, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp.

**Lịch sử hình thành:**

Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Cai Lậy ngày nay lần lượt thuộc châu Định Viễn, dinh Long Hồ; đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Cai Lậy được đặt tên là tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là hai tổng Lợi Trinh và Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện Lỵ đặt tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc khu vực trung tâm thị xã Cai Lậy).

Dưới thời thực dân Pháp, năm 1867, hạt Thanh tra Cai Lậy được thành lập, coi huyện Kiến Đăng (cũ), nên còn được gọi là hạt Thanh Tra Kiến Đăng. Năm 1868, hạt Thanh tra Cai Lậy giải thể và nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Năm 1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ. Năm 1870, hạt Thanh tra Cai Lậy dời lỵ sở tới chợ Cái Bè nên được đổi tên là hạt Thanh tra Cái Bè. Năm 1871, hạt thanh tra Cái Bè giải thể; vùng đất Cai Lậy có 2 tổng Lợi Trinh và Lợi Trường thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, Trung tâm hành chính Cai Lậy được thành lập thuộc Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1900, vùng đất Cai Lậy có 3 tổng Lợi Trinh, Lợi Mỹ và Lợi Trường thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1904, quận Cai Lậy thành lập, đầu tiên có 6 tổng: Lợi Trinh, Lợi Thuận, Lợi Mỹ, Lợi Trường, Phong Hòa, Phong Phú. Năm 1912, cắt ba làng của tổng Lợi Trường là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn để nhập vào quận Châu Thành. Năm 1913, cắt ba tổng Phong Hòa, Phong Phú và Lợi Thuận để lập quận Cái Bè. Nhưng đến năm 1928, quận Cái Bè trả tổng Lợi Thuận về quận Cai Lậy.

Quận lỵ Cai Lậy ban đầu thuộc làng Thanh Sơn (tổng Lợi Trinh), vốn là nơi đặt chợ Cai Lậy. Tuy nhiên, sau này thực dân Pháp hợp nhất hai làng Thanh Sơn và Hòa Sơn thành một làng mới, lấy tên là Thanh Hòa. Kể từ đó, quận lỵ Cai Lậy thuộc địa bàn làng Thanh Hòa.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Cai Lậy có các làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

Tổng Lợi Trinh gồm 9 làng: Mỹ Phước Tây (hợp nhất Long Phước và Mỹ Hạnh Tây), Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Bình (hợp nhất Tân An, Tân Long và Bình Chánh), Tân Hội, Nhị Mỹ (hợp nhất Mỹ Tường và Mỹ Trang), Thanh Hòa (hợp nhất Thanh Sơn và Hòa Sơn), Cẩm Sơn;

Tổng Lợi Mỹ gồm 4 làng: Long Khánh (hợp nhất Hòa Thuận, Phú Long và Mỹ Khánh), Long Tiên (hợp nhất Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng), Long Trung (hợp nhất Trà Tân, Tân Thới và Mỹ Đông Trung), Ngũ Hiệp;

Tổng Lợi Trường gồm 4 làng: Tam Bình (hợp nhất Bình Chánh, Bình Chánh Đông và Bình Chánh Trung), Mỹ Long (hợp nhất Mỹ Hậu và Long Điền), Phú Quý (hợp nhất Mỹ Phú và Mỹ Quý Tây), Nhị Quý (hợp nhất Mỹ Quý và Mỹ Quý Đông);

Tổng Lợi Thuận gồm 8 làng: Hội Sơn, Xuân Sơn, Hiệp Đức (hợp nhất Tân Đức và Hiệp Hòa), Phú An (hợp nhất Phú Sơn và An Mỹ), Mỹ Thành (hợp nhất 4 làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ và Giai Phú), Bình Phú, Phú Nhuận Đông (hợp nhất Phú Hưng, Phú Nhuận và Phú Thuận Đông), Thạnh Phú (hợp nhất Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông).

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Cai Lậy, mà là huyện Cai Lậy; không có đơn vị hành chính cấp “tổng”; không gọi “làng” mà là “xã” với 25 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Cai Lậy.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, sau năm 1956, đặt quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường, các làng gọi là xã.

Năm 1961, quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích, đồng thời chuyển tổng Lợi Thuận (gồm 5 xã: Hội Sơn, Xuân Sơn, Phú An, Hiệp Đức và Mỹ Thành) qua quận Sùng Hiếu (tức quận Cái Bè).

Năm 1964, quận lấy lại tên cũ Cai Lậy.

Sau năm 1965, các tổng đều bị giải thể. Quận lỵ Cai Lậy đặt tại xã Thanh Hòa.

Cho tới trước ngày 30/4/1975, quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường có 20 xã trực thuộc quận gồm: Bình Phú, Cẩm Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Mỹ Quý, Phú Nhuận Đông, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú Đông, Thạnh Hòa, Thạnh Phú.

Riêng xã Thạnh Phú, giữa năm 1974, được giao về cho quận Hậu Mỹ mới thành lập quản lý.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Cai Lậy thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì ổn định; trong đó, các xã Hội Sơn, Mỹ Thành, Phú An, Xuân Sơn, Hiệp Đức vẫn do huyện Cai Lậy quản lý (chính quyền Sài Gòn đặt các xã này thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường).

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng cũng chia xã Mỹ Thành thành hai xã là Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam. Năm 1967, huyện Cai Lậy nhận thêm xã Tân Phong từ huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (chính quyền Sài Gòn vẫn đặt xã Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long cho đến ngày 30/4/1975).

Năm 1971, huyện Cai Lậy chia thành hai huyện là Cai Lậy Bắc và Cai Lậy Nam thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Huyện Cai Lậy Bắc gồm 14 xã: Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Bình Phú, Phú Nhuận, Thạnh Phú, Thạnh Hòa, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Tân Hội, Tân Phú Đông, Tân Bình, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây;

Huyện Cai Lậy Nam gồm 13 xã: Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Sơn, Xuân Sơn, Tân Phong, Tam Bình, Ngũ Hiệp.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng hợp nhất hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc thành huyện Cai Lậy, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Nhị Mỹ và Thanh Hòa. Đồng thời, xã Tân Hòa Tây trực thuộc huyện Cai Lậy cũng được thành lập do điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây.

Tháng 3/976, Cai Lậy là huyện của tỉnh Tiền Giang, với huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy. Huyện Cai Lậy có 29 đơn vị hành chính là các xã: Bình Phú, Cẩm Sơn, Hiệp Đức, Hội Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Phú An, Phú Nhuận, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hòa Tây, Tân Hội, Tân Phong, Tân Phú, Thanh Hòa, Thạnh Phú, Xuân Sơn và thị trấn Cai Lậy.

Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 152-CP về việc điều chỉnh một số xã thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang như sau: Chia xã Thạnh Phú thành hai xã lấy tên là xã Thạnh Lộc và xã Phú Cường. Hợp nhất xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thành một xã lấy tên là xã Hội Xuân.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP, theo đó tách một phần diện tích và dân số của huyện Cai Lậy hợp với một phần diện tích và dân số của huyện Châu Thành để thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang. Lúc này, xã Tân Hòa Tây được giao về cho huyện Tân Phước quản lý.

Sau khi thành lập huyện Tân Phước, huyện Cai Lậy có 28 đơn vị hành chính là các xã Ngũ Hiệp, Tam Bình, Tân Phong, Long Trung, Hội Xuân, Hiệp Đức, Long Tiên, Mỹ Long, Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Nhị Quý, Nhị Mỹ, Thanh Hoà, Bình Phú, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Phú Cường, Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam và thị trấn Cai Lậy.

Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Theo đó, huyện Cai Lậy (mới) có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm các xã: Bình Phú (huyện lỵ), Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp. Năm 2020, huyện Cai Lậy có 12 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Thạnh Lộc, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp. Năm 2022, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới.

Đặc sản: ốc gạo Tân Phong, sầu riêng Ngũ Hiệp, chôm chôm Tân Phong,…

**Dân số:** 194.272 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

**- Nông nghiệp:**

**+ Trồng trọt:**

Ngành trồng trọt giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu sử dụng đất chiếm tỷ trọng 80% diện tích tự nhiên, sản phẩm chính là lúa và trái cây. Tổng diện tích canh tác là 23.498 ha, 61% diện tích là canh tác cây lâu năm.

Cây lúa chiếm 39% diện tích canh tác với tổng diện tích canh tác 8.903 ha.

Cây lâu năm trên địa bàn chiếm diện tích 14.306 ha, chủ lực là vườn cây ăn trái tại các xã phía Nam, trong đó các cây trồng quan trọng là:

- Cây sầu riêng được xem là cây ăn trái quan trọng nhất trên địa bàn, có diện tích 10.455 ha.

- Cây mít thái siêu sớm cũng đang là đối tượng được quan tâm mở rộng diện tích canh tác, đến năm 2020, trồng được 765,96 ha.

*-* Chôm chôm tập trung chủ yếu tại Tân Phong, diện tích 618 ha, sản lượng 10.417 tấn và đang có khuynh hướng giảm nhẹ do một số diện tích chuyển sang trồng sầu riêng và mít.

- Ngoài ra, các loại cây ăn trái khác có diện tích và sản lượng đáng kể trên địa bàn là xoài, chuối,...

**+ Chăn nuôi:**

Chăn nuôi trên địa bàn huyện phát triển kém so với trồng trọt chiếm 6% trong giá trị tăng thêm nông nghiệp, các sản phẩm chủ lực theo thứ tự là thịt heo, thịt gia cầm và thịt bò.

*Đàn heo* biến động hàng năm trong khoảng 41.000-57.000 con tùy tình hình thị trường và dịch bệnh. Tổng đàn năm 2020 đạt 50.240 con, sản lượng 9.450tấn thịt, phương thức nuôi trên địa bàn chủ yếu là nông hộ với quy mô nhỏ.

*Đàn trâu bò* năm 2020 ước đạt 637 con, đàn bò trong giai đoạn này và đang có khuynh hướng giảm mạnh khoảng 8,6%/năm.

**+ Thủy sản:**

*Về nuôi trồng:*

Diện tích mặt nước nuôi thủy sản năm 2020 là 1.149 ha, trong đó trên 1.000 ha nuôi trong các ao hầm thổ cư và mương vườn tận dụng nuôi cá.

Diện tích nuôi cá da trơn thâm canh khoảng 70-80 ha, phần lớn do các doanh nghiệp thuê đất nuôi tại cồn Tân Hòa (Ngũ Hiệp) và cồn Ông, cồn Tre, cồn Đa (Tân Phong).

*Nghề* *đánh bắt:*

Chủ yếu là khai thác thủy sản trên các sông rạch, năm 2020, đạt 1.131 tấn.

**- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

Do là địa bàn thuần nông, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, quy mô nhỏ và kém đa dạng, chủ yếu là chỉ phát triển trong một số lãnh vực sơ chế hàng nông sản, tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống. Các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng tương đối thấp (khoảng 6%), các cơ sở dưới dạng cá thể có quy mô nhỏ lẻ, bán thủ công, bán cơ giới, sản xuất theo kinh nghiệm hoặc được truyền nghề tại chỗ chiếm tỷ trọng đến 94%. Năm 2021, toàn Huyện có 84 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thu dụng 4.551 lao động.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chủ lực của huyện là ngành xay xát, lau bóng gạo. Đây là ngành phát triển tương đối khá, được xem là ngành chủ lực, có truyền thống phát triển lâu đời và tương đối ổn định do địa bàn Huyện là vùng lúa và nằm trên tuyến kinh tế lúa gạo phát khởi từ khu vực Nam Đồng Tháp Mười theo trục kênh Nguyễn Văn Tiếp. Huyện có một số cơ sở có công suất trên 30 tấn/ngày, một vài doanh nghiệp có công suất 200 tấn/ngày dưới dạng công ty, doanh nghiệp tư nhân đầu tư máy móc, thiết bị khá tốt. Sản lượng gạo xay xát tăng đều, năm 2020, đạt 76.666 tấn xay xát, 128.014 tấn lau bóng gạo.

Ngành sản xuất nước đá phát triển nhằm cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại địa phương. Sản lượng tăng hàng năm, năm 2020, đạt 3.849 tấn.

Ngoài ra, ngành chế biến lương thực - thực phẩm và đồ uống còn bao gồm các sản phẩm khác như bánh mì, bún, bánh tằm, xay bột, hủ tiếu, bún, bánh mì, nước tinh khiết, bánh kẹo,... tuy nhỏ lẻ và manh mún nhưng cũng góp phần đáng kể vào việc làm tăng giá trị sản xuất và sử dụng nhiều lao động tại địa phương.

Ngành cưa xẻ gỗ trên địa bàn huyện trang bị chính là máy cưa CD cũ, mỗi cơ sở sử dụng khoảng 3 lao động. Nguồn gỗ chủ yếu là gỗ cây dừa, cây bạch đàn, ... tại địa phương và một số gỗ súc. Sản lượng tăng nhẹ từ 87 m3 năm 2005 lên 182 m3 năm 2015.

Ngành sản xuất đồ mộc (bàn, ghế, tủ, giường,...) mẫu mã chưa đẹp, sản xuất thủ công, sản lượng tương đối khá.

Ngành may mặc đa số là may đo, phát triển khắp nơi trong huyện, ngoài ra còn có vài cơ sở may gia công với quy mô nhỏ. Sản lượng từ 75.000 sản phẩm năm 2005, lên 83.000 sản phẩm năm 2010, và 104.000 sản phẩm năm 2015.

Ngành cơ kim khí phát triển khá với các sản phẩm: nông cụ cầm tay, đồ tôn sắt tây, tôn xà gồ, gia công hàn tiện, sửa chữa cơ khí, cửa sắt, lan can, cầu thang, sườn nhà… do nhu cầu xây dựng ngày càng lớn. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở có quy mô nhỏ dưới dạng cá thể và được phân bố rải rác ở các xã.

Các ngành sản xuất khác mang tính tiểu thủ công nghiệp, đáng kể nhất là nghề đan lát, lục bình, góp phần giải quyết lao động nông nhàn tại địa phương.

Ngoài ra lĩnh vực đóng gói trái cây trên địa bàn huyện trong thời gian gần đây phát triển nhanh trên cơ sở chợ đầu mối Long Trung và vùng chuyên canh sầu riêng, chủ yếu là các cơ sở quy mô nhỏ kết hợp thu mua - đóng gói - vận chuyển, góp phần đáng kể cho việc giải quyết lao động tại địa phương và gia tăng giá trị trong chuỗi sản xuất nông nghiệp-sơ chế-đóng gói-vận chuyển-thương mại. Sản lượng đóng gói ước tính tăng từ 2.650 tấn năm 2005 lên 30.000 tấn năm 2015 và có tiềm năng phát triển các khâu công nghiệp hóa (đông lạnh, bao bì, chế biến phụ phẩm,…)

Về cụm công nghiệp, trên địa bàn huyện đã quy hoạch 02 cụm công nghiệp Phú Cường và Long Trung; nhưng cho đến năm 2020, vẫn còn trong tình trạng thu hút nhà đầu tư.

**- Xây dựng:**

Năm 2020, trên địa bàn huyện có 49 doanh nghiệp đăng ký hoạt động lĩnh vực xây dựng, trong đó có 01 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế (tại Tam Bình), ngành xây dựng chủ yếu là các tổ xây dựng tư nhân, hoạt động nhỏ lẻ theo mùa vụ, phối hợp hoạt động với các doanh nghiệp phục vụ xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình công cộng trong và ngoài địa bàn tổng số lao động trong ngành chung quanh 1.800 người.

Đối tượng của ngành chủ yếu là xây dựng mới và chỉnh trang hạ tầng nông thôn kết hợp với nhà ở dân cư, các cơ quan công quyền, cụm tuyến dân cư nông thôn, một số cơ sở thương mại dịch vụ và các cơ sở xí nghiệp trên địa bàn, các công trình phúc lợi công cộng, kết hợp với các doanh nghiệp ngoài địa bàn trong việc thi công kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và cấp thoát nước.

**- Thương mại:**

Trên địa bàn huyện, năm 2020, có 17 chợ loại 3[[13]](#footnote-13) và 1 chợ chuyên kinh doanh trái cây tại xã Long Trung, hầu hết các xã trên địa bàn huyện đều có chợ, xã không có chợ là xã Phú Cường. Ngoài ra, trên địa bàn huyện vẫn còn xuất hiện một số chợ tự phát tại các tuyến đường chính trên địa bàn huyện.

Hệ thống chợ trên địa bàn có thể chia làm các nhóm sau:

+ Chợ trung tâm huyện: là đầu mối giao lưu hàng hóa trên địa bàn và là trung tâm tiêu thụ của huyện hoặc tiểu vùng: chợ Bình Phú; tuy nhiên hiện nay chợ Bình Phú chủ yếu là bán lẻ; chức năng bán buôn còn kém và đang trong quá trình cải tạo.

+ Chợ dân sinh: gồm chợ các xã, chủ yếu phục vụ bán lẻ trên địa bàn các xã, trong đó các chợ tại Thạnh Lộc, Long Trung, Ngã Năm Phú Nhuận, Bà Tồn và Tam Bình có quy mô hoạt động thương mại đáng kể

+ Trung tâm nông sản và chợ chuyên doanh: trên địa bàn huyện có 1 chợ chuyên doanh là chợ trái cây Long Trung (hiện chưa phân hạng chợ); chức năng thu mua, đóng gói, vận chuyển trái cây tại địa phương và theo tuyến sông Tiền (chủ yếu là nguồn hàng từ huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre). Tại xã Phú Cường còn có Trung tâm Nông sản chuyên lúa gạo do Tổng Công ty Lương thực trung ương quản lý, nhưng hiện trạng hoạt động như 01 tổng kho với các nhà máy xay xát, lau bóng.

Tổng số lao động trong lĩnh vực thương mại là 10.878 người.

Doanh số mua trong cơ cấu mua của địa phương các mặt hàng chiếm tỷ trọng cao là: hàng nông, thủy sản (25,8%), hàng công nghiệp (62,9%), còn lại 11,3%

Doanh số bán các cơ sở hoạt động thương mại có đóng góp cao trong doanh thu phân bố nhiều nhất tại các chợ xã Bình Phú, Long Trung, Tam Bình, Thạnh Lộc, Bà Tồn, Ngã 5 Phú Nhuận.

**Giáo dục:**

**- Giáo dục mầm non:**

Mạng lưới trường mầm non (mẫu giáo - nhà trẻ) đã phủ khắp trên địa bàn huyện, trung bình mỗi xã, có 01 trường mầm non. Toàn Huyện có 16 trường mầm non công lập trong đó có 03 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tỷ lệ huy động đạt 60% học sinh trong độ tuổi vào trường mầm non.

Huyện đã tập trung bồi dưỡng 100% giáo viên và cán bộ quản lý về thực hiện chương trình giáo dục mầm non, quản lý chất lượng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định.

**- Giáo dục phổ thông:**

**+ Tiểu học:**

Toàn huyện có 26 trường tiểu học với 7 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 26,9%). Số xã có 2 trường tiểu học chiếm 63% (10/16 xã), riêng các xã Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Long Tiên, Hiệp Đức, Mỹ Long và Hội Xuân có 01 trường tiểu học. Tỷ lệ huy động đối với goa1o dục tiểu học trong địa bàn đạt 100% học sinh trong độ tuổi vào tiểu học. Số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 805 giáo viên, đạt tỷ lệ giáo 1,5 giáo viên/lớp. Chất lượng giáo viên nhìn chung khá ổn định, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 100%.

**+ Trung học cơ sở:**

Huyện có 16 trường trung học cơ sở, trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm 6,3%). Tỷ lệ huy động đạt 100% số học sinh trong độ tuổi vào trung học cơ sở. Số giáo viên trên trực tiếp giảng dạy là 602 đạt tỷ lệ 1,9 giáo viên/lớp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện dạy học 2 buổi/ngày luôn được chú trọng.

**+ Trung học phổ thông:**

Toàn huyện có 02 trường trung học phổ thông (Trường Phan Việt Thống - xã Bình Phú và Trường Lưu Tấn Phát - xã Tam Bình). Tỷ lệ huy động đạt 40% số học sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông. Số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 280 giáo viên đạt tỷ lệ 2,25 giáo viên/lớp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%.

**+ Đào tạo:**

Số lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện chiếm khoảng 31,7%; trong đó lao động qua đào tạo nghề chiếm16,3% (công nhân có bằng cấp chứng chỉ 7,2%; trung học chuyên nghiệp 6,9%; cao đẳng đại học 2,2%).

**Y tế:**

Hệ thống y tế công lập trên địa bàn huyện Cai Lậy gồm có: Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (cơ sở 1) tại xã Bình Phú và Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (cơ sở 2) tại xã Phú Cường; 01 Phòng khám đa khoa khu vực tại xã Long Trung và 16 trạm y tế cấp xã, Hệ thống y tế ngoài công lập gồm có*:*06 phòng mạch và 26 quầy thuốc.

Huyện có 16/16 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng với 16/16 trạm y tế có bác sĩ và 100% xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản khoa hoạt động.

**Giao thông:**

Về giao thông đường bộ, bên cạnh các tuyến trục cơ bản (Quốc lộ 1, Đường tỉnh/ĐT.864, ĐT.865, ĐT.868, ĐT.874B, ĐT.875, ĐT.875B), huyện đã phát triển hệ thống đường huyện nhằm thông ô tô đến trung tâm xã (kế cả 2 xã cù lao Tân Phong và Ngũ Hiệp) và tạo cơ sở nâng cấp một số tuyến đường huyện lên đường tỉnh.

Về đường thủy, huyện có 150 tuyến kênh/kinh rạch với tổng chiều dài 427 km. Sông Tiền, sông Ba Rài là hai tuyến đường sông huyết mạch quan trọng chạy qua địa bàn huyện; kết hợp với hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện và tỉnh.

Các công trình giao thông nông thôn cũng đã được tích cực xây dựng theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới. Lĩnh vực phát triển các khu dân cư nông thôn cũng bước đầu đạt nhiều thành quả khả quan. Hệ thống thủy lợi về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu kiểm soát lũ vùng lúa, điều tiết nước vườn cây ăn trái. Các lĩnh vực cấp điện, bưu chính viễn thông, đặc biệt là cấp nước sạch tập trung cũng được chú trọng đầu tư và đạt nhiều thành quả khả quan.

**Văn hóa:**

Các công trình văn hóa - thể dục thể thao cấp cơ sở bao gồm: 4/16 trung tâm văn hóa xã (Cẩm Sơn, Long Tiên, Tam Bình, Thạnh Lộc)

Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 100%. Địa bàn có 16 đài truyền thanh xã mỗi ngày 2 buổi phục vụ cho 100% dân số trong toàn huyện; sóng truyền hình cũng được phủ kín trên 16 đơn vị xã, thu hút 100% hộ xem ti vi.

**Du lịch:**

Việc phát triển kinh tế vườn và 02 cù lao theo tuyến sông Tiền - sông Năm Thôn (Tân Phong, Ngũ Hiệp), Cai Lậy có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, bao gồm các dịch vụ tham quan vườn trái cây, ẩm thực miệt vườn, nghĩ dưỡng, giải trí, du lịch homestay (du lịch nghỉ tại nhà dân).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có các di tích lịch sử - văn hóa có tiềm năng phát triển du lịch như sau:

- 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia là: Đình Long Trung tại xã Long Trung.

- 03 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là: Địa điểm khảo cổ chùa Trường Tháp tại xã Mỹ Thành Bắc, Di tích căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho tại xã Long Tiên, Di tích chiến thắng Ba Rài tại xã Cẩm Sơn

**Thể thao:**

Huyện Cai Lậy có 06 sân bóng đá, 26 sân bóng chuyền và 60 sân tập luyện thể dục thể thao (phần lớn là sân xã hội hóa).

Hoạt động xã hội hóa thể dục, thể thao được tăng cường bằng nhiều hình thức phục vụ kịp thời và hiệu quả trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng nhiều. Công tác giáo dục thể chất trong trường học các cấp được duy trì và đảm bảo, việc giảng dạy thể dục thể thao đã đi vào nề nếp.

**Tổng số liệt sỹ:** 4.407 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 749 Bà mẹ.

**2. Thị trấn Bình Phú**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, yên bình

富: Phú: Giàu có

市鎮 Thị trấn: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, huyện; trên ấp.

平富市鎮 Bình Phú Thị trấn

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Phú nằm ở trung tâm huyện Cai Lậy, phía Đông giáp Phường 2, thị xã Cai Lậy, phía Tây giáp 2 xã Phú An và Phú Nhuận, phía Nam giáp 2 xã Thanh Hòa và Cẩm Sơn, phía Bắc giáp Phường 2, thị xã Cai Lậy.

**Diện tích tự nhiên:** 1.800 ha.

**Hành chính**:

Thị trấn có 11 khu phố: Bình Long, Bình Phong, Bình Trị, Bình Đức, Bình Thới, Bình Sơn, Bình Ninh, Bình Hưng, Bình Thạnh, Bình Tịnh, Bình Quới.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phú, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phú thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[[14]](#footnote-14) Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Bình Phú, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Bình Phú được chia thành hai xã là Bình Phú Bắc và Bình Phú Nam, lấy Quốc lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) làm ranh giới, thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Bình Phú, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Thuận, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Bình Phú Bắc và Bình Phú Nam được hợp nhất, lấy tên là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã Bình Phú được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V. Cũng trong năm 2018, Trung tâm Hành chính huyện Cai Lậy đặt tại ấp Bình Quới, xã Bình Phú được đưa vào hoạt động. Ngày 11/8/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 569/NQ-UBTVQH15 (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/10/2022) về việc thành lập thị trấn Bình Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Bình Phú.

**Dân số**: 18.689 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã có tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, tuyến tránh Quốc Lộ 1 và hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện trên địa bàn xã nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế. Năm 2020, toàn xã có 38 doanh nghiệp, 04 công ty may xuất khẩu, hơn 20 cơ sở sản xuất mua bán tạo công ăn việc làm cho hơn 4.660 lao động. Gần 1.000 hộ tiểu thương mua bán tại chợ Bình Phú và dọc các tuyến đường khắp các ấp.

Bình Phú là vùng đất được phù sa sông Cửu Long bồi đắp nên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp như trồng lúa từ sản xuất 1 vụ tăng lên 2, 3 vụ lúa 1 năm và trồng được nhiều loại cây ăn trái đạt năng suất cao như: dừa, xoài, bưởi, cam, chuối và hoa màu.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã có 04 trường học: Trường trung học phổ thông Phan Việt Thống (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Bình Phú, Trường mầm non Bình Phú.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ , 03 y sĩ, 2 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ và 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình, trên địa bàn xã còn có Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (Cơ sở Bình Phú) do huyện quản lý. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã cơ bản hoàn chỉnh. Xã có tuyến Quốc lộ 1 xuyên qua chia xã thành hai khu vực Bắc lộ, Nam lộ với chiều dài khoảng 03km. Có một tuyến đường tránh chạy ngang qua xã dài khoảng 03km, có tuyến Đường tỉnh 875B chiều dài khoảng 03km, một tuyến huyện lộ dài khoảng 04km. Ngoài ra, còn nhiều tuyến đường liên xã, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đi lại dễ dàng và vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

Xã có rạch Thông Lưu: Con rạch này bắt nguồn từ vùng ven Đồng Tháp Mười, phía Bắc của xã chạy xuyên qua giữa xã Bình Phú dài 7 km và ngang qua xã Phú An đổ ra sông Cái Bè tại vàm sông Cái Bè. Dọc hai bên con rạch này có các kênh rạch nhỏ khác như: rạch Tràm, rạch Bang Dầy, kênh Giồng Tre, kênh Mới đi thông sang các xã xung quanh, phục vụ tốt cho giao thông thủy và thủy lợi.

**Văn hóa:**

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, có 11/11 ấp có nhà văn hóa ấp và đạt danh hiệu ấp văn hóa.

**Du lịch**: Địa bàn xã chưa địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có một sân bóng đá diện tích trên 01 ha, các hoạt động thể dục - thể thao được tổ chức và duy trì thường xuyên.

**Tổng số liệt sĩ:** 315 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** có 57 Bà mẹ.

**3. Xã Cẩm Sơn**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

錦 Cẩm: Rực rỡ, đẹp đẽ, lộng lẫy

山 Sơn: Núi

錦山社 Cẩm Sơn Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Cẩm Sơn nằm về phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Long Khánh, phía Tây giáp xã Phú An và xã Hiệp Đức, phía Nam giáp xã Long Trung và xã Hội Xuân, phía Bắc giáp xã Thanh Hòa.

**Diện tích tự nhiên:** 1.252,82 ha.

**Đơn vị hành chánh:**

Xã có 4 ấp: ấp 1, 2, 3, 4.

**Lịch sử hình thành:**

Cuối thế kỷ XVIII, thôn Cẩm Sơn được thành lập. Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Cẩm Sơn, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Cẩm Sơn, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Cẩm Sơn, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Cẩm Sơn thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 8.215 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61,4 triệu đồng/người/năm (2020)*.*

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ lực là trồng cây ăn trái, như sầu riêng, cam, bưởi da xanh,… Trung bình hằng năm thu hoạch 35.000 tấn trái cây các loại. Đồng thời, người dân còn trồng lúa, rau màu và chăn nuôi xã với tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng hàng chục ngàn con.

Ngoài ra, xã còn có trên 600 cơ sở ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Cẩm Sơn, Trường tiểu học Cẩm Sơn (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Trần Minh Châu (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ , 03 y sĩ, 2 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ và 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Toàn xã có 29.881 m đường giao thông; trong đó; có 1.520 m Đường tỉnh 875B; 10.450 m Đường huyện 60, 54B, 54C; 17.911 m đường xã, đường ấp, đường dân sinh được trải nhựa và bê tông.

Hệ thống sông rạch trên địa bàn xã khá dày đặc, thuận lợi cho giao thông thủy và thủy lợi.

**Văn hóa:**

Xã đạt danh hiệu xã Văn hóa năm 2003, 4/4 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa.

Nhà văn hóa xã có diện tích 500,48 m², đạt chuẩn quy định. Có 02 Nhà văn hóa liên ấp, mỗi nơi có diện tích 182,5 m² .

**Du lịch:**

Có 01 trạm dừng chân trung chuyển khách du lịch của Công ty du lịch Mê - Kông ở ấp 4.

**Thể thao:**

Có 01 sân vận động đủ quy cách cấp huyện, 01 đội bóng đá nam, 02 sân bóng chuyền và 7 sân cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 372 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng:** 71 Bà mẹ.

**4. Xã Hiệp Đức**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

徳 Đức: Đạo đức, đức hạnh

合徳社 Hiệp Đức Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Hiệp Đức nằm ở phía Tây Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Hội Xuân, phía Tây giáp xã Phú An, xã Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè), phía Bắc giáp giáp xã Phú An và Cẩm Sơn, phía Nam giáp Sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 1.022,12 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Hiệp Phú, Hiệp Quới, Hiệp Nhơn, Hiệp Ngãi, Hiệp Ninh, Hiệp Thạnh

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hiệp và Tân Đức, thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Hiệp được đổi thành thôn Hiệp Hòa; cả hai thôn Tân Đức và Hiệp Hòa đều thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Tân Đức và Hiệp Hòa đều thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hiệp Hòa và Tân Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng này được hợp nhất lấy tên là làng Hiệp Đức; năm 1928, làng Hiệp Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hiệp Đức, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hiệp Đức, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Hiệp Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hiệp Đức thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 6.950 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Hiệp Đức là xã thuộc vùng châu thổ sông Cửu Long, đất đai màu mỡ, có nguồn nước ngọt quanh năm, lực lượng lao động dồi dào. Đây là tiềm năng thuận lợi để xã phát triển kinh tế theo lợi thế của mình.

Sản xuất nông nghiệp (trồng cây ăn trái, lúa, rau màu, chăn nuôi) vẫn là ngành chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế. Lĩnh vực thương mại và dịch vụ hoạt động khá nhờ kinh doanh vật tư nông nghiệp, xăng dầu, buôn bán tạp hoá, kinh doanh ăn uống giải khát,… Ngoài ra, xã còn có một số cơ sở gia công, sửa chữa thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã đạt 100% chỉ tiêu về phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Hiệp Đức, Trường tiểu học Hiệp Đức và Trường mầm non Hiệp Đức. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia.

**Y tế:**

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, đội ngũ cán bộ y tế gồm 07 nhân viên, trong đó có 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020). Các ấp đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Về giao thông đường bộ, xuyên qua xã có Đường tỉnh 875B, Đường tỉnh 864. Đường xã có 01 tuyến được trải nhựa 261,58m đạt 100%, Đường ấp có 13 tuyến với 17,991km được bê - tông hóa, đạt 100%, tạo thuận lợi trong việc đi lại của nhân dân và giao thương hàng hóa.

Về đường thủy, hệ thống sông, kênh/kinh rạch chằng chịt với trên 30 kênh, rạch lớn nhỏ. Đáng kể nhất là sông Tiền chảy qua phía Nam của xã khoảng 2 km; rạch Cái Lá và kênh/kinh Giồng Tre chảy theo hướng Bắc - Nam với tổng chiều dài 10,1 km. Hai trục sông, kênh/kinh này cung cấp nước ngọt từ sông Tiền và tiêu thoát nước lũ và có giá trị giao thông thủy,...

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trong đó có Nhà văn hóa xã, tổng diện tích 500.48m2, diện tích xây dựng 264m2, có 250 chỗ ngồi, cải tạo 03 phòng cũ khối Công an, Quân sự thành 2 phòng chức năng (phòng Đài truyền thanh, phòng hành chính) có diện tích 31.5m2/phòng và xây dựng mới 1 phòng chức năng (phòng thư viện) diện tích 52.5m2.

Có 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa. Các ấp đều có nhà văn hóa.

Xã có 02 câu lạc bộ (Câu lạc bộ Hát với nhau, Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững) thường xuyên xây dựng kế hoạch hoạt động và tham gia các hoạt động của huyện. Ngoài ra, 6/6 ấp có tổng cộng 24 câu lạc bộ như: câu lạc bộ hát với nhau, câu lạc bộ cờ tướng, câu lạc bộ hoa kiểng. Bên cạnh đó, 6/6 ấp có câu lạc bộ đờn ca tài tử, câu lạc bộ hát với nhau sinh hoạt thường xuyên thu hút đông đảo người dân tham gia, phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao luôn được duy trì.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao xã và hệ thông sân bãi tập luyện thể dục – thể thao trên địa bàn xã như sau:

Sân tập thể dục dưỡng sinh, sân bóng chuyền (02 sân), sân cầu lông (04 sân), sân tập võ thuật tại các trường học, sân Nhà văn hóa và sân nhà hộ dân trên địa bàn xã, có 4 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh với 6 điểm tập ở các ấp; có 1 câu lạc bộ võ Thuật Karate,...

Số người dân trên địa bàn luyện tập TDTT thường xuyên đạt tỷ lệ 30,18%.

Số học sinh trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước đạt tỷ lệ 60,65%.

**Tổng số liệt sĩ:** 182 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 20 Bà mẹ.

**5. Xã Hội Xuân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

會 Hội: Hội hè, tụ hội

春 Xuân: Mùa xuân

**Vị trí địa lý:**

Xã Hội Xuân nằm về phía Tây Bắc huyện; phía Đông giáp xã Long Trung, phía Tây giáp xã Hiệp Đức, phía Nam giáp xã Ngũ Hiệp, phía Bắc giáp xã Cẩm Sơn.

**Diện** **tích tự nhiên:** 1.195,61 ha.

**Hành chính:**

Xã Hội Xuân có 09 ấp: Xuân Quang, Xuân Sắc, Xuân Kiển, Hòa Điền, Hội Nhơn, Hội Nghĩa, Hội Lễ, Hội Trí, Hội Tín.

**Lịch sử hình thành:**

Hai thôn Hội Sơn và Xuân Sơn do ông Nguyễn Văn Cối lập năm 1785[[15]](#footnote-15). Năm 1808, đời vua Gia Long, hai thôn Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn đều thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn đều thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hội Sơn và làng Xuân Sơn, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, hai xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn hợp nhất thành xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Hội Xuân thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.352 người.

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Hội Xuân có đất đai phù sa màu mỡ kết hợp với khí hậu nhiệt đới thích hợp trồng cây ăn trái. Từ khi được nhà nước đầu tư xây dựng đê bao ngăn lũ (năm 2000), nhân dân trong xã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, như: sầu riêng, mít Thái siêu sớm, cam, bưởi,...

**Giáo dục:**

Có 03 trường học: Trường mầm non Hội Xuân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Hội Xuân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Hội Xuân.

Xã đạt 100% chỉ tiêu về phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

**Y tế:**

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 02 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 864; Đường huyện 54B, 54C, 67 đi ngang qua xã. Tất cả các tuyến đường xã, liên ấp, ngõ xóm đều đã được trải nhựa, bê tông, cứng hóa.

Hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, phía nam của xã có sông Năm Thôn là một nhánh của sông Tiền quanh năm được bồi đắp phù sa. Với hệ thống sông chính là sông Ba Rài[[16]](#footnote-16) cung cấp nguồn nước ngọt dồi dào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và thuận tiện cho giao thông thủy.

**Văn hóa:**

Năm 1847, vua Thiệu Trị sắc phong 02 ngôi đình để thờ các vị thần và bậc tiền hiền có công với nước. Đình Đôi tọa lạc ấp Hội Nghĩa thờ Đông chinh vương, Dực thánh vương (nhà Lý), đình thần Xuân Sơn tọa lạc ấp Xuân Quang thờ công thần Cao Văn Hạp (quan vận lương thời Nguyễn Huệ). Ngoài ra, trên địa bàn Hội Xuân còn có một số miếu thờ dân gian như: miếu Ông - ấp Hội Tín, miếu Bà - ấp Hội Nhơn, miếu Thần Nông - ấp Hội Trí, miếu Tiên Sư - ấp Hội Lễ; miếu ông Tà - ấp Xuân Quang, miếu ông Hổ - ấp Xuân Sắc, miếu Trắng (dinh Trắng) - ấp Xuân Kiển. Hàng năm, các đình, miếu đều tổ chức cúng Kỳ Yên để nhân dân đến lễ bái theo nghi thức văn hóa cổ truyền, cầu nguyện cho quốc thái dân an.

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, 03 nhà văn hóa liên ấp. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu ấp văn hóa. Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét năm 2020 có 98% số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch**: Không có.

**Thể thao**:

Xã có sân tập thể dục - thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các ấp, 01 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo.

**Tổng số liệt sĩ**: 194 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 25 Bà mẹ.

**6. Xã Long Tiên**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

先Tiên: Trước, phía trước

隆先社 Long Tiên Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Tiên nằm về phía Đông Nam của huyện, phía Đông giáp xã Mỹ Long, phía Tây giáp xã Long Trung, phía Nam giáp xã Tam Bình, phía Bắc giáp xã Long Khánh và xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

**Diện tích tự nhiên:** 1.644,1ha.

**Hành chính:**

Xã có 09 ấp: Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Mỹ Thạnh A, Mỹ Thạnh B, Mỹ Chánh, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Hưng và Ấp 9.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đông thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thêm thôn Mỹ Đông Thượng; cả thôn Mỹ Đông và thôn Mỹ Đông Thượng thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng đều thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng hợp nhất thành làng Long Tiên thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Tiên, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Long Tiên thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Long Tiên thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.740 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 65 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ lực là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái với hai loại cây trồng chính yếu là sầu riêng và vú sữa lò rèn. Các chợ quan trọng của xã là chợ Ba Dầu, chợ Cái Mít, chợ Cây Bã Đậu và chợ Ngã ba Long Tiên.

**Giáo dục:**

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Long Tiên (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Chí Liêm (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phan Văn Cẩm. Xã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 868, Đường huyện 35 và Đường huyện 62B chạy qua. Có 73 tuyến đường trên địa bàn xã với tổng chiều dài 55,92km. Đường xã và đường trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa; đường trục ấp và đường ấp được cứng hóa; đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, quan trọng nhất là Rạch Gầm, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa Thể thao; trong đó có 01 Nhà Văn hóa đạt chuẩn; hội trường 250 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị với 03 phòng chức năng: phòng hành chính và truyền thanh, phòng đọc sách, phòng sinh hoạt của các câu lạc bộ,...

Xã có 9/9 ấp của xã đã có Trụ sở ấp văn hóa, có 03 Nhà Văn hóa liên ấp: Nhà Văn hóa xã đồng thời được sử dụng làm Nhà Văn hóa liên ấp phục vụ cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Lương, Mỹ Thạnh A và Ấp 9; Nhà Văn hóa liên ấp Ấp Mỹ Thuận được sử dụng cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Thuận, Mỹ Thạnh B và Mỹ Lợi B; Nhà Văn hóa liên ấp ấp Mỹ Hưng sử dụng cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Hưng, Mỹ Chánh và Mỹ Lợi A.

Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét năm 2020 có 97,77% số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Hàng năm, xã có 9/9 ấp văn hóa trên địa bàn xã được tái công nhận ấp văn hóa đạt tỷ lệ 100%, xã được công nhận là xã Văn hóa năm 2010.

**Du lịch**: Không có

**Thể thao:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, số lượng sân bãi trên địa bàn xã năm 2020 như sau:

Sân tập thể dục dưỡng sinh, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập võ thuật tại các trường học, sân Nhà văn hóa và sân nhà hộ dân trên địa bàn xã, cụ thể: có 9 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh với 16 điểm tập ở các ấp; có 2 câu lạc bộ yoga, 1 câu lạc bộ võ thuật Karate, 1 câu lạc bộ bóng đá, 1 câu lạc bộ bóng chuyền hơi với 2 sân bóng chuyền và 9 sân cầu lông.

Số người dân trên địa bàn luyện tập TDTT thường xuyên là 4.784/12.709 người đạt tỷ lệ 37,6%; có 695/1.137 học sinh trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở thường trú tại địa phương biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước, đạt tỷ lệ 61,1%.

**Tổng số liệt sĩ**: 474 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 51 Bà mẹ.

**7. Xã Long Trung**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

忠 Trung: Trung thành

隆忠社 Long Trung Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Trung nằm về phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp với hai xã Long Tiên và Tam Bình, phía Tây giáp xã Hội Xuân, phía Bắc giáp

**Diện tích tự nhiên**: 1.525,2ha.

**Hành chính:**

Xã có12 ấp: ấp 1, ấp 3, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 11, ấp 12, ấp 14, ấp 15, ấp 16 và ấp 17.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đông Trung và thôn Trà Tân thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1882, thôn Trà Tân được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập làng Tân Thới; từ năm 1900, ba làng Mỹ Đông Trung, Trà Tân và Tân Thới thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Trà Tân và Tân Thới hợp nhất thành làng Hưng Long thuộc tổng Lợi Mỹ; năm 1932, hai làng Mỹ Đông Trung và Hưng Long hợp nhất thành làng Long Trung thuộc tổng Lợi Mỹ; năm 1934, làng Long Trung thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Trung, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Long Trung thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Long Trung thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 13.001 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái, như sầu riêng (cây chủ lực), mít, bưởi,..., sản lượng bình quân hàng năm 17.000 tấn.

Chợ quan trọng nhất là chợ Ba Dừa với mức độ buôn bán ngày càng nhộn nhịp. Năm 2020, xã có 638 hộ kinh doanh, thương mại và hơn 20 cơ sở đóng gói gia công trái cây xuất khẩu.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng, như nghề mộc gia dụng, may mặc, may gia công,… các cơ sở như: nước đá, sản xuất thùng giấy, sản xuất rổ nhựa,… Năm 2020, xã có 02 cơ sở sản xuất thùng giấy, 01 cơ sở may mặc, 10 cơ sở may gia công, 02 cơ sở sản xuất rổ nhựa.

Xã có 01 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, kinh doanh cây ăn quả, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch, dịch vụ trồng trọt, dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt nông thôn, mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, mua bán trái cây các loại.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Trung (đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học Long Trung (đạt chuẩn Quốc gia), Trường THCS Long Trung.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế**

Năm 2020, trên địa bàn xã có 01 Phòng khám đa khoa khu vực Long Trung; 01 Trạm y tế xã (đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 nữ hộ sinh, 01 dược sỹ kiêm kế toán , 05 y sĩ , trong đó có 01 y sĩ kiêm cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình). Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông**

Qua xã có Đường tỉnh 864 và 868, Đường huyện 62. Hệ thống đường liên xã, ấp, đường ngõ xóm được nhựa hóa, bê tông hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã Long Trung nối với cù lao Ngũ Hiệp ở phía nam bởi cầu Ngũ Hiệp hoàn thành xây dựng vào năm 2020 dài 285m, ngang 10m, gồm 7 nhịp.

Có nhiều con sông, kênh/kinh, rạch chảy qua địa bàn xã, quan trọng nhất là sông Năm Thôn và sông Trà Tân, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông thủy và thủy lợi.

**Văn hóa**

Hàng năm, có 100% hộ đăng ký thực hiện 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét cuối năm có trên 98% hộ đạt 3 tiêu chuẩn.

Toàn xã có 01 nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định và 02 nhà văn hóa liên ấp (ấp 4, ấp 16). Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Đình Thần Long Trung được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia, thu hút nhân dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng đá mini, 03 sân bóng chuyền, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ:** 331 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 52 Bà mẹ.

**8. Xã Mỹ Long**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美: Mỹ: Tốt, đẹp

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

美隆社 Mỹ Long Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Mỹ Long nằm phía Đông Nam của huyện Cai Lậy, phía Đông giáp huyện Châu Thành, phía Tây giáp xã Long Tiên, phía Nam giáp xã Tam Bình, xã Phú Phong huyện Châu Thành, phía Bắc giáp xã Nhị Quý, Phú Quý, thị xã Cai Lậy

**Diện tích tự nhiên:** 1.281 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: Mỹ Hội, Mỹ Phú, Mỹ Điền, Mỹ Hòa, Mỹ Chánh, Mỹ Lợi, Mỹ Thạnh, Mỹ Hưng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ An và thôn Long Điền thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; khoảng thập niên 1870, làng Mỹ An được đổi thành Mỹ Hậu; từ năm 1900, hai làng Mỹ Hậu và Long Điền thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Hậu và Long Điền hợp nhất thành làng Mỹ Long thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy; năm 1934, làng Mỹ Long thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Long, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Long thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Long thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.465 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 51,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã Mỹ Long có các ngành kinh tế mũi nhọn phục vụ cho sự phát triển chung của địa phương như:

- Sản xuất nông nghiệp: bao gồm 2.609 hộ gia đình trồng trọt (chủ yếu là trồng sầu riêng) và chăn nuôi.

- Thương mại - dịch vụ: bao gồm 245 hộ kinh doanh xăng dầu, buôn bán, tạp hoá, kinh doanh ăn uống giải khát, gia công, sửa chữa và các ngành nghề khác.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Mỹ Long (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Mỹ Long (đạt chuẩn Quốc gia), Trường mầm non Mỹ Long.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có 01 Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia, gồm 09 biên chế: có 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 y sĩ y học cổ truyền. Các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Toàn xã có 43 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài: 55.581km. Trong đó:

+ Đường Tỉnh: Đường tỉnh 874B đi qua 03 ấp: Mỹ Hội, Mỹ Điền, Mỹ Phú với chiều dài 3.820m.

+ Đường Huyện: Đường huyện 35 đi qua 05 ấp: Mỹ Phú, Mỹ Điền, Mỹ Hội, Mỹ Hòa, Mỹ Chánh dài 4.000m. Đường huyện lộ 54 đi qua ấp Mỹ Chánh dài 2.000m.

+ Đường ấp: toàn xã có 15 đường trục ấp được bê tông hóa nằm trên địa bàn của 08 ấp với tổng chiều dài là 30.000m.

+ Đường dân sinh: tổng số đường dân sinh trên toàn xã là 22 tuyến được bê tông hóa và trải đá xanh nằm trên 08 ấp với tổng chiều dài là 15.760m.

Xã Mỹ Long có nhiều kênh/kinh, rạch chảy qua, quan trọng nhất rạch Trà Tân – kênh/kinh Bang Lợi dài 17km. Hệ thống kênh/kinh, rạch chảy trên địa bàn xã là nguồn cung cấp nước ngọt cho sản xuất và đời sống, tiêu úng trong mùa lũ và là tuyến giao thông đường thủy hết sức quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

**Văn hóa:**

Xã Mỹ Long đạt chuẩn xã Văn hóa nông thôn mới vào năm 2016, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định; có 08/08 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa và có trụ sở văn hóa ấp đạt 100%.

Năm 2020, có 2.366/2.817 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, tỷ lệ 83,99%. Trong đó có 2.090/2.366 gia đình văn hóa được công nhận 3 năm trở lên, tỷ lệ đạt 88,33%.

Xã có 01 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử và có 01 Câu lạc bộ Hát với nhau.

**Du lịch:**

Xã không có điểm du lịch.

**Thể thao:**

Trên địa bàn xã có 02 sân bóng mini, 06 điểm đánh bóng chuyền, cầu lông ở 03 điểm trường, 02 nhà văn hóa liên ấp và trung tâm văn hóa thể thao xã. Có 07 Câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh và 01 Câu lạc bộ võ thuật Taekwondo.

**Tổng số liệt sĩ:** 246 liệt sĩ.

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng:** 40 Bà mẹ.

**9. Xã Mỹ Thành Bắc**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

成 Thành: Thành công

北 Bắc: Phía bắc

美成北社 Mỹ Thành Bắc Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm về phía Tây Bắc của huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Thạnh Lộc, phía Tây giáp xã Hậu Mỹ Bắc A, xã Hậu Mỹ Bắc B, xã Hậu Mỹ Trinh và xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Mỹ Thành Nam, phía Bắc giáp tỉnh Long An.

Xã có diện tích tự nhiên 1.748,73 ha, dân số năm 2021 là 8.251 người (2.041 hộ), mật độ dân số trung bình là 485 người/km2. Địa bàn xã gồm có 5 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4 và ấp 5.

**Diện tích tự nhiên:** 1.748,73 ha.

**Hành chính:**

Xã có 5 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Giai Mỹ và Lợi An thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1858, đời vua Tự Đức, ông Huỳnh Văn Tú lập thôn Lợi Thành trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Lợi An. Khi này, các thôn Giai Mỹ, Lợi An và Lợi Thành thuộc tổng Lợi Thuận, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1866, thôn Giai Phú (còn gọi là Đại Phú) được thành lập trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Giai Mỹ; từ năm 1900, các làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ, Giai Phú (Đại Phú) thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Lợi An và Lợi Thành hợp nhất thành làng An Thành, hai làng Giai Mỹ và Giai Phú (Đại Phú) hợp nhất thành làng Mỹ Phú; năm 1932, hai làng Mỹ Phú và An Thành hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Thành, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1969, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1969-1971, xã Mỹ Thành được chia thành hai xã Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Thành thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.251 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp; trong đó quan trọng nhất là trồng lúa (sản lượng bình quân hàng năm khoảng 20.000 tấn), đặt biệt xã có mô hình cánh đồng lớn với diện tích 546 ha; trồng cây ăn trái (sầu riêng, mít, bưởi và các loại cây có múi,...) với sản lượng bình quân hàng năm đạt 23.507 tấn. Ngoài ra, nhân dân còn trồng rau màu (sản lượng bình quân hàng năm đạt 1.417 tấn),

Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng phát triển theo hướng bán công nghiệp và hộ gia đình. Năm 2020, xã có đàn heo 27.531 con, đàn bò 687 con, đàn gia cầm trên 547.000 con và 08 hộ nuôi chim yến.

Năm 2020, xã có 47 cơ sở ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hút gần 300 lao động. Về thương mại, dịch vụ, xã có 220 hộ kinh doanh cá thể, giải quyết việc làm cho trên 500 lao động. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thu hút 661 thành viên. Ngoài ra, còn có 06 tổ hợp tác với gần 2.000 tổ viên hoạt động có hiệu quả cao.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Mỹ Thành Bắc, Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc, Trường trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 hộ sinh 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

**Giao thông:**

Các tuyến giao thông thuỷ bộ này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngang qua xã có Đường tỉnh 865 (đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 1,55km), Đường huyện 66 (đoạn ngang qua địa bàn xã có chiều dài 3,86km), Đường huyện 68 (đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 3,40km), Đường huyện 69 (đoạn ngang qua địa bàn xã có chiều dài 3,75km)

Đường liên xã, trục xã: gồm 01 tuyến Đường Nam kênh Tháp Mười 2 (Nguyễn Văn Tiếp), có chiều dài 1,64km, đã được trải nhựa.

Đường liên ấp, trục ấp: có 7 tuyến với tổng chiều dài khoảng 23km, đã được trải bê tông.

Đường ngõ, xóm: có 19 tuyến đường, với tổng chiều dài 66,43 km, đã trải bê tông và đá xanh.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, trong đó có các kênh/kinh lớn như: kênh/kinh Tháp Mười 2 (Nguyễn Văn Tiếp), rạch Cả Gáo, Kênh/Kinh 9, Kênh/Kinh 10, kênh/kinh Chùa Tháp, Kênh/Kinh 1 tháng 5,...

Các tuyến giao thông thuỷ bộ này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận xã văn hóa năm 2019, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Có 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa.

**Du lịch:** Không.

**Thể thao:**

Xã có các sân bãi luyện tập thể dục thể thao được bố trí ở nhà văn hóa xã, các trường học, trụ sở các ấp,…

**Tổng số liệt sĩ:** 323 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 66 Bà mẹ.

**10. Xã Mỹ Thành Nam**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

成 Thành: Thành công

南 Nam: Phía nam

美成南社 Mỹ Thành Nam Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Mỹ Thành Nam nằm phía Bắc huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Phú Nhuận và xã Thạnh Lộc, phía Tây giáp xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Phú An, Quốc lộ 1, phía Bắc giáp xã Mỹ Thành Bắc.

**Diện tích tự nhiên**: 2.164,76 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 9A, ấp 9B, ấp 10 và ấp 11.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Giai Mỹ và Lợi An thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1858, đời vua Tự Đức, ông Huỳnh Văn Tú lập thôn Lợi Thành trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Lợi An. Lúc này, các thôn Giai Mỹ, Lợi An và Lợi Thành thuộc tổng Lợi Thuận, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1866, thôn Giai Phú (còn gọi là Đại Phú) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của thôn Giai Mỹ; từ năm 1900, các làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ, Giai Phú (Đại Phú) thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Lợi An và Lợi Thành hợp nhất thành làng An Thành, hai làng Giai Mỹ và Giai Phú (Đại Phú) hợp nhất thành làng Mỹ Phú; năm 1932, hai làng Mỹ Phú và An Thành hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Thành, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1969, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1969-1971, xã Mỹ Thành được chia thành hai xã Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Thành thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.590 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Nông nghiệp là thế mạnh của xã, quan trọng nhất là trồng lúa. Xã đã được chứng nhận sản xuất và chế biến gạo đạt tiêu chuẩn Global GAP (sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu) vào năm 2009. Ðây là chứng nhận GlobalGAP đầu tiên của Việt Nam và các nước sản xuất lúa gạo ở Ðông Nam Á. Các giống lúa chất lượng cao được trồng là OM 4900 và OM 5451 trong 3 vụ Đông Xuân, Xuân Hè và Hè Thu, năng suất từ 7 tấn/ha - 9 tấn/ha.

Xã có 2 hợp tác xã là Hợp tác xã Mỹ Thành và Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành Nam. Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành Nam đi đầu trong việc trồng lúa đạt tiêu chí GlobalGAP và liên kết doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm theo mô hình “Cánh đồng lớn” với hằng trăm ha ruộng lúa. Gạo chất lượng cao của xã đã được đặt thương hiệu “Gạo Mỹ Thành”, được xuất khẩu sang nhiều nước.

Xã Mỹ Thành Nam cũng được chọn làm thí điểm nhiều mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, như: Chương trình “Sức khỏe hạt giống”, Chương trình “Quản lý chuột cộng đồng”, Chương trình “Cánh đồng lúa sạch”, Chương trình “3 giảm, 3 tăng” và chương trình “Xây dựng quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn”. Từ năm 2017, Trạm Khuyến nông tỉnh Tiền Giang phối hợp Hội Nông dân xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy) triển khai thí điểm cho nông dân trên địa bàn xã “Nuôi lươn thương phẩm không bùn an toàn sinh học” và đã đạt hiệu quả kinh tế.

Nông dân địa phương chuyển dần sang hướng đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp, bên cạnh trồng lúa còn kết hợp nhiều mô hình, như: mô hình trồng lúa chất lượng cao kết hợp trồng cây ăn trái, mô hình nuôi ếch kết hợp cá nước ngọt, mô hình trồng lúa chất lượng cao kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm

Xã có hai trung tâm mua bán lớn là chợ Bà Tồn nằm trên Quốc lộ 1 và chợ Ngã Năm nằm ở phía đông, thuộc khu vực ngã năm của 5 con sông, tiếp giáp với xã Phú Nhuận.

**Giáo dục:**

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Mỹ Thành Nam, Trường tiểu học Mỹ Thành Nam, Trường trung học cơ sở Mỹ Thành Nam (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y Tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 02 hộ sinh 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường huyện 66 và 68.

Đường liên xã, đường ấp có 11 tuyến, trong đó có 03 tuyến đường trải nhựa, 03 tuyến đường trải bê tông, 05 tuyến đường trải đá.

Đường dân sinh có 15 tuyến, trong đó có 01 tuyến đường nhựa, 03 tuyến đường bê tông, 07 tuyến đường cấp phối đá, đảm bảo sạch và không lầy lội vào trong mùa mưa.

Mạng lưới kênh rạch chằng chịt thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy, quan trọng nhất là kênh/kinh Đường Nước, Kênh/Kinh 10, kênh/kinh Cả Gáo, kênh/kinh Một Thước.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận xã văn hóa năm 2020, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận ấp văn hóa. Chùa Phước Sơn (ấp 5) có từ thế kỷ 19, là di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Đình Giai Phú (ấp 5) có từ năm 1866 là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Có 01 CLB đờn ca tài tử xã, 03 CLB đờn ca tài tử ấp

**Du Lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Trên địa bàn xã có các CLB đội nhóm, sở thích như: 01 CLB thể dục dưỡng sinh xã, 01 CLB dưỡng sinh ấp, 08 CLB bóng chuyền ấp, 08 CLB bóng đá,... thường xuyên tập luyện, tổ chức sinh hoạt giao lưu với các xã bạn.

**Tổng số liệt sĩ:** 211 liệt sĩ

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng:** 50 Bà mẹ.

**11. Xã Ngũ Hiệp**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

五 Ngũ: Năm

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

五合社 Ngũ Hiệp Xã

**Vị trí địa lý:**

Đây là xã cù lao. Nằm ở phía Nam huyện Cai Lậy, phía Bắc giáp các xã Tam Bình, Long Trung, Hội Xuân, phía Đông giáp huyện Châu Thành, phía

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: Hòa An, Hòa Hảo, Hòa Thinh, Long Quới, Tân Đông, Thủy Tây và Tân Sơn.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có năm thôn An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, năm thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1875, hợp nhất năm làng An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn thành làng Ngũ Hiệp; từ năm 1900, làng Ngũ Hiệp thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1933, làng Ngũ Hiệp, thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Ngũ Hiệp, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Ngũ Hiệp thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Ngũ Hiệp thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 16.558 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 58.567.000 đồng/người/năm (2020)

**Kinh tế:**

Đa số người dân sông chủ yếu bằng nghề nông với trồng trọt và chăn nuôi. Xã cù lao Ngũ Hiệp là vùng chuyên canh sầu riêng, ngoài ra còn có chôm chôm, bưởi, mít,… Sầu riêng là cây trồng có giá trị kinh tế cao, cả cù lao có 1.530 ha sầu riêng, với năng suất gần 49.000 tấn/năm. Do đó, cù lao Ngũ Hiệp được mệnh danh là “vương quốc sầu riêng”. Tỉnh Tiền Giang cũng đã đăng ký thương hiệu sản phẩm “Sầu riêng Ngũ Hiệp”. Ngoài ra, người dân còn nuôi cá bè dọc theo sông Năm Thôn, một nhánh của sông Tiền.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Ngũ Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Ngũ Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Ngũ Hiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Xã có 01 đoạn Đường tỉnh 868 đi ngang qua và có 01 tuyến Đường huyện 70 bao quanh xã với chiều dài gần 18 km. Toàn xã có 33 cây cầu chính được xây dựng kiên cố. Quan trọng nhất là cầu Ngũ Hiệp bắc qua sông Năm Thôn, kết nối xã cù lao Ngũ Hiệp ở bờ Nam và với xã Long Trung ở bờ Bắc thuộc địa bàn huyện Cai Lậy, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường bộ và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nhất là kinh tế vườn. Xã có 06 tuyến đường liên ấp, trong đó có 01 tuyến đường trải nhựa, số còn lại trải bê tông và đá xanh.

**Văn hóa:**

Xã có 01 đình thần tại ấp Hòa An được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh và được công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa; 03 ngôi chùa được công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa gồm chùa Hữu Phước ấp Tân Sơn, chùa Chơn Thường II ấp Thủy Tây và chùa Chơn Thường I ấp Hòa Thinh.

Xã có 01 đội Lân Sư Rồng tại chùa Hữu Phước, 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Nhà văn hóa xã diện tích 720m2 với 250 chỗ ngồi, có 02 phòng chức năng, mỗi phòng 40m2. Tất cả các ấp đều được công nhận ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch sinh thái, tham quan vườn cây ăn trái và dịch vụ câu cá tự nhiên trên sông Tiền.

Ấp Hòa An (Cồn Tròn) đã được quy hoạch phát triển mô hình du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với các khu du lịch ở huyện Cái Bè và xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy.

**Thể thao:**

Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và phát triển mạnh câu lạc bộ dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ**: 249 liệt sĩ

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng:** 27 Bà mẹ.

**12. Xã Phú An**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

安An: Bình an, an toàn, yên ổn

富**安**社 Phú An Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú An nằm về phía về phía tây huyện Cai Lậy; phía Đông giáp xã Hiệp Đức, xã Cẩm Sơn của huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã An Cư, xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Đông Hòa Hiệp, thị trấn Cái Bè của huyện Cái Bè, phía Bắc giáp xã Mỹ Thành Nam, xã Bình Phú của huyện Cai Lậy.

**Diện tích tự nhiên:** 1.577,08 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn 2 thôn Phú Sơn và An Mỹ; trong đó thôn Phú Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, thôn An Mỹ thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú Sơn thuộc tổng Phong Hòa, thôn An Mỹ thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Sơn và làng An Mỹ thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Sơn và làng An Mỹ thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Phú Sơn và An Mỹ thành làng Phú An; năm 1928, làng Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Phú An thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số**: 15.859 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 51 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã Phú An là xã thuần nông, trong đó việc trồng cây ăn trái là chủ lực với các loại cây có giá trị kinh tế cao, như sầu riêng, bưởi da xanh, mít Thái,… Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và buôn

**Giáo dục:**

Xã 03 trường học: Trường mẫu giáo Phú An, Trường Tiểu học Phú An (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 y tá. Tất cả các ấp đều có có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có đoạn Quốc lộ 1 với chiều dài 5,57 km, đoạn Đường tỉnh 875 chiều dài 2,19 km, đoạn Đường huyện 63 chiều dài 2,43 km, đoạn Đường huyện 67 chiều dài 2,77km.

Đường trục xã, liên xã: có 12 tuyến đường với chiều dài 26,93 km, đã được nhựa hóa.

Đường trục ấp, liên ấp, ấp: có 39 tuyến, dài 32 km, đã được trải bê tông.

Đường ngõ xóm: có 27 tuyến với tổng chiều dài 9,95 km vừa được trải bê tông, vừa được trải cấp phối đá.

Xã có sông Phú An, dài 9,5 km và 13 rạch.

Hệ thống giao thông thủy bộ của xã giúp cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản của nhân dân và giao thương buôn bán được thuận lợi.

**Văn hóa:**

Nhà văn hóa xã diện tích xây dựng là 326,25m2, đảm bảo 250 chỗ ngồi với 03 phòng chức năng gồm phòng hành chánh có diện tích 30m2, phòng truyền thanh có diện tích 30m2, phòng sinh hoạt các câu lạc bộ có diện tích 50m2.

Có 2 nhà văn hóa liên ấp (nhà văn hóa ấp 3, ấp 4 đặt tại ấp 4), nhà văn hóa liếp ấp (ấp 1, ấp 6 đặt tại ấp 6); có 6/6 ấp đạt ấp được công nhận là ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Có các cơ sơ sở phục vụ du lịch như:

Trạm dừng chân Le Longannier tọa lạc tại ấp 5 xã Phú An.

03 khách sạn:khách sạn Hoa Tuấn tọa lạc ấp 4, khách sạn Ban Mai Mê Kông tọa lạc ấp 4, khách sạn Minh Huy tọa lạc ấp 5.

12 nhà nghỉ:A Tiên tọa lạc ấp 4, Mỹ Đông 2 tọa lạc ấp 6, Mỹ Ảnh tọa lạc ấp 6, Đông Nam 2 tọa lạc ấp 4, Phú An tọa lạc ấp 5, Ánh Hồng tọa lạc ấp 4, Phước Hòa tọa lạc ấp 5, Xuân Hoa tọa lạc ấp 4, Minh Hương tọa lạc ấp 4, Sơn Trà tọa lạc ấp 2, 777 tọa lạc ấp 6, A Tiên tọa lạc ấp 4.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động tại ấp 1 với diện tích 12.800 m2; có 01 sân bóng đá mini tại ấp 5 với diện tích 800m2, có 04 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền và 7 sân tập thể dục dưỡng sinh với tổng diện tích là 2.545m2; có 01 hồ bơi cố định để dạy bơi cho trẻ tại ấp 2 xã Phú An với diện tích 200m2.

**Tổng số Liệt sĩ:** 338 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 73 Bà mẹ.

**13. Xã Phú Cường**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

強 Cường: Mạnh, khoẻ

富強社 Phú Cường Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Cường nằm về phía tây bắc huyện Cai Lậy, phía đông giáp xã Mỹ Phước Tây, xã Tân Bình của thị xã Cai Lậy và xã Tân Hòa Tây của huyện Tân Phước, phía Tây giáp xã Thạnh Lộc, phía Nam giáp xã Phú Nhuận, phía Bắc giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 3.260 ha.

**Hành chính:**

Xã có 07 ấp: ấp1, ấp2, ấp 3, ấp 4, ấp 5A, ấp 5B, ấp 6.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thạnh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Mỹ Thạnh thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1911, làng Mỹ Phú Đông được thành lập thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông thành làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Thạnh Phú thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Phú được chia tách thành hai xã Phú Cường và Thạnh Lộc. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.362 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, phần lớn diện tích canh tác là trồng lúa, năng suất bình quân 19 tấn/ha/năm. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái (chủ yếu là sầu riêng, mít, bưởi,…), rau màu (chủ yếu là dưa hấu, rau nhút,…), chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Trên địa bàn xã có nhiều nhà máy xay xát lớn  và Trung tâm Nông sản Phú Cường, nằm trên Đường tỉnh 865 là đầu mối tiêu thụ lúa gạo trong tỉnh và khu vực.

Xã có một số hộ làm thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công ngiệp.

**Giáo dục**:

Xã có 03 trường học gồm: Trường mầm non Phú Cường (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Phú Cường và Trường trung học cơ sở Phú Cường.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trên địa bàn xã có Trung tâm y tế huyện Cai Lậy (cơ sở Phú Cường).

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01, hộ sinh, 01 y tá. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Qua xã có Đường tỉnh 865, Đường huyện 59B, Đường huyện 65.

Đường xã dài 8.920m đã được trải nhựa, có đoạn trải bê tông; đường ấp dài 2.340m, trải bê tông; đường ngõ xóm dài 13.270m, vừa trải bê tông, vừa trải đá xanh.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng nhất là kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp và kênh/kinh Bang Dầy.

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa. Hàng tháng, tại Nhà văn hóa xã đều có sinh hoạt đờn ca tài tử,…

**Du lịch:** Chưa có điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có các hoạt động bóng đá, bóng chuyền, bơi lội, thể dục dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ**: 242 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 43 Bà mẹ.

**14. Xã Phú Nhuận**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

潤 Nhuận: Lợi nhuận, thấm ướt

富潤社 Phú Nhuận Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Nhuận nằm phía Đông Bắc của huyện Cai Lậy; phía Đông giáp xã Bình Phú của huyện Cai Lậy, xã Tân Bình của thị xã Cai Lậy; phía Tây giáp xã Mỹ Thành Nam; phía Nam giáp xã Bình Phú; phía Bắc giáp xã Phú Cường và xã Thạnh Lộc.

**Diện tích tự nhiên:** 1.364 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Phú Thuận, Phú Bình, Chà Là, Phú Lợi, Phú Hòa, Phú Tiểu.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Nhuận thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ngoài thôn Phú Nhuận còn có thôn Phú Thuận Đông thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1879, làng Phú Hưng được thành lập; năm 1900, ba làng Phú Nhuận, Phú Thuận Đông và Phú Hưng thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; năm 1904, ba làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Hưng được nhập vào Phú Nhuận; lúa này hai làng Phú Nhuận và Phú Thuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Phú Nhuận và Phú Thuận Đông hợp nhất thành làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Phú Nhuận Đông thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao

**Dân số:** 9.089 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50.471.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Sản xuất nông nghiệp mà trong đó cây lúa vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã. Bên cạnh đó, người dân còn trồng cây ăn trái với diện tích ngày càng tăng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: có nhiều cơ sở sơ chế nông sản, may gia công.

Xã có chợ Ngã Năm và chợ Phú Nhuận với quy mô kinh doanh tương đối phát triển.

**Giáo dục:**

Tất cả các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông**

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường huyện 65, Đường huyện 66.

Hệ thống giao thông nông thôn toàn xã gồm:

Đường liên xã: có 09 tuyến, tổng chiều dài 17,54 km, có 1,7km mặt đường được trải nhựa 03 m, đạt 9,7%.

Đường trục xã:có 02 tuyến, tổng chiều dài 4,6 km, được trải nhựa.

Đường trục ấp: có 03 tuyến, tổng chiều dài 7,24 km. Có 01 tuyến chiều dài 3,1km được trải bê tông, đạt 43%; số còn lại trải đá.

Đường ngõ, xóm: có 19 tuyến, tổng chiều dài 16,453km. Trong đó, có 03 tuyến được trải bê tông, với chiều dài là 5,779km, đạt 35,1%; số còn lại trải đá.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, quan trọng nhất là kênh/kinh Bang Dầy, kênh/kinh Bồi Tường, rạch Đập Đìa Dứa,…

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Du lịch**: Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Các hoạt động luyện tập thể dục - thể thao (bóng chuyền, cầu lông, dưỡng sinh,…) được thực hiện tại sân Nhà văn hóa xã, sân các trường học, sân trụ sở các ấp.

Hàng năm, xã đều có tổ chức thi đấu giải bóng đá, đại hội thể dục thể thao, đồng thời tham gia đầy đủ các phong trào thể dục thể thao do huyện tổ chức.

**Tổng số liệt sĩ:** 255 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 48 Bà mẹ.

**15. Xã Tam Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

三 Tam: Ba, số ba

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

**三平**社 Tam Bình Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tam Bình nằm ở phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp hai xã Bàn Long và Phú Phong của huyện Châu Thành, phía Tây giáp xã Long Trung, phía Nam giáp sông Tiền và xã Ngũ Hiệp; phía Bắc giáp xã Long Tiên.

**Diện tích tự nhiên:** 2.081ha.

**Hành chính:**

Xã có 11 ấp: Đông Hòa, Tây Hòa, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Tây, Bình Thuận, Bình Thanh, Bình Thạnh, Bình Đức, Bình Hòa A, Bình Hòa B, Bình Ninh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; năm 1904, ba làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; 1932, ba làng Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung hợp nhất thành làng Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Tam Bình thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 18.598 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái với cây chủ lực là cây sầu riêng, sản lượng cây ăn trái bình quân hàng năm 55.000 tấn. Xã có 01 Hợp tác xã hoạt động trên lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt nông thôn và sản xuất mua bán trái cây, hàng năm đều có lãi. Năm 2018, Tam Bình là xã duy nhất của tỉnh Tiền Giang đón nhận bằng khen Thủ tướng Chính phủ về thành tích thực hiện Nghị quyết 26 của Trung ương về Tam nông: nông nghiệp – nông dân – nông thôn.

Đồng thời, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng bán công nghiệp và hộ gia đình.

Năm 2020, trên địa bàn xã có 362 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, như may gia công quần áo, bao bì, sản xuất thực phẩm, gỗ,…. Trung tâm mua bán của xã là chợ Tam Bình.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường Mầm non Tam Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tam Bình, Trường trung học cơ sở Tam Bình (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 nhân viên, trong đó có 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nhân viên dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông**

Các tuyến đường chính chạy qua địa bàn xã là Đường tỉnh 868, đường tỉnh tỉnh 864. 100% tuyến đường chính của xã đã được nhựa hóa, 95% tuyến đường liên ấp, liên xóm được bê tông hóa.

Các tuyến đường thủy, trên địa bàn xã có 5 con rạch tự nhiên và 10 con kênh đào, trong đó quan trọng nhất là hai con rạch Cái Sơn và Mù U.

**Văn hóa**

Xã được công nhận xã Văn hóa; có 01 nhà văn hóa xã, đạt chuẩn quy định; 03 cụm nhà văn hóa liên ấp (ấp Đông Hòa - Tây Hòa; ấp Bình Thạnh - Bình Thanh; ấp Bình Hòa A - Bình Đức). Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Năm 2020, có 100% hộ đăng ký “Gia đình văn hóa”, trong đó có 96% hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng đá mini, 11 câu lạc bộ dưỡng sinh, sân nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp được sử dụng làm nơi tập luyện các môn thể dục - thể thao, như bóng chuyền, cầu lông, dưỡng sinh,…

**Tổng số liệt sĩ:** 309 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng là:** 45 Bà mẹ.

**16. Xã Tân Phong**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

豐 Phong: Đầy đủ, thịnh, được mùa, đẹp

新豐社 Tân Phong Xã

**Vị trí địa lý:**

Tân Phong là 01 xã cù lao trên sông Tiền, nằm ở phía Nam huyện Cai Lậy; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Đông giáp xã Ngũ Hiệp; phía Nam giáp huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp huyện Cái Bè.

**Diện tích tự nhiên:** 2.469,99 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: Tân Thiện; Tân Thái; Tân Luông A; Tân Luông B; Tân Bường A; Tân Bường B; Tân An.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình An thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình An được đổi tên thành Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, tỉnh Vĩnh Long; năm 1908, làng này thuộc tổng Bình Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Phong thuộc huyện Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long..

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1967, gọi là xã Tân Phong, huyện Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; từ năm 1967-1971, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1975, xã Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long.

Sau năm 1975, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 13.875 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,206 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Người dân địa phương sinh sống chủ yếu bằng trồng trọt cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, như sầu riêng, chôm chôm, mận An Phước, mít nghệ, nhãn,… Sản lượng trái cây các loại bình quân hàng năm là trên 20.000 tấn. Trên cù lao Tân Phong còn có nhiều hộ nuôi bè cá, tập trung nhiều nhất ở ven bờ sông phía đông nam của cù lao.

Xã có hợp tác xã nông nghiệp - thương mại - dịch vụ, hoạt động trên lĩnh vực cung ứng vật tư nông nghiệp, thu mua, đóng gói và bảo quản các sản phẩm từ cây ăn trái.

Đồng thời, du lịch sinh thái miệt vườn là thế mạnh của xã cù lao. Trung tâm mua bán là chợ Tân Phong với hoạt động thương mãi nhộn nhịp.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Phong (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Phong (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Phong.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 biên chế: 02 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả

**Giao thông:**

Năm 2020, tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường ngõ xóm với tổng chiều dài 12,522 km đều được trải bê tông. Xã có hệ thống sông rạch dày đặc, thuận lợi cho giao thông thủy. Tuy nhiên, xã vẫn chưa có cầu bắc qua sông nên việc đi lại đến xã này đều bằng [phà](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A0). Ở phía Tây Bắc xã là phà Tân Phong nhìn qua phía bên kia sông là bến tàu Cái Bè. Ở Phía Đông Nam của xã là phà Rạch Giông nhìn qua phía bên kia sông Tiền là tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, xã còn một số bến phà nhỏ. Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đang có kế hoạch xây dựng cầu bắc qua sông.

**Văn hóa:**

Năm 2018, xã được công nhận Xã văn hóa, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. 7/7 ấp được công nhận Ấp văn hóa. Các câu lạc bộ đờn ca tài tử đều có ở cấp xã và các ấp.

**Du lịch:**

Năm 2020, trên địa bàn xã có 09 điểm kinh doanh dịch vụ du lịch, 03 đội đò chèo và 01 điểm xuồng chèo kayak.

Trên cù lao có khu vực bãi tắm thuộc ấp Tân Thiện nổi tiếng với hình thức du lịch *tắm cồn*. Ẩm thực địa phương được biết đến nổi bật là [ốc gạo](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%90c_g%E1%BA%A1o). Loại hình du lịch sinh thái miệt vườn, homestay (ở nhà dân) là thế mạnh về du lịch của xã.

**Thể thao:**

Năm 2020,xã có 05 câu lạc bộ thể dục thể thao gồm: 02 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh; 01 câu lạc bộ võ thuật cổ truyền; 01 câu lạc bộ bóng đá; 01 câu lạc bộ bóng chuyền.

**Tổng số liệt sĩ:** 116 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 10 Bà mẹ.

**17. Xã Thạnh Lộc**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

祿 Lộc: Phúc lành, tốt lành

盛祿社 Thạnh Lộc Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Lộc nằm ở phía Tây Nam huyện, phía Đông giáp xã Phú Cường, phía Tây giáp xã Mỹ Thành Bắc, phía Nam giáp xã Mỹ Thành Nam và xã Phú Nhuận, phía Bắc giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 2.384,06 ha.

**Hành chính:**

Xã có 6 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5 và ấp 6.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thạnh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Mỹ Thạnh thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1911, làng Mỹ Phú Đông được thành lập thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông thành làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Thạnh Phú thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Phú được chia tách thành hai xã Thạnh Lộc và Phú Cường. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.308 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó cây lúa là cây trồng chủ lực của xã, mỗi năm sản xuất 03 vụ, năng suất đạt bình quân 7 tấn/ha/vụ. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái (mít, sầu riêng, chanh,...), rau màu (dưa hấu, bắp,...), nuôi cá (nhất là nghề ương cá tra bột), nuôi chim yến, gia súc, gia cầm,... Xã có 01 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động trên lĩnh vực cung ứng dịch vụ nông nghiệp và mua bán lúa gạo.

Xã có một số nhà máy xay xát và tàu, ghe tập trung trên kênh Nguyễn Văn Tiếp để vận chuyển lúa gạo. Trung tâm mua bán của xã là chợ Thạnh Lộc.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thạnh Lộc, Trường tiểu học Thạnh Lộc, Trường trung học cơ sở Thạnh Lộc.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,16% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Đường tỉnh 865, Đường huyện 59B.

Toàn xã hiện có 14 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài: 42.627m Trong đó:

- Đường xã: Không có

- Đường ấp: Có 9 tuyến, tổng chiều dài 24.581m. Trong đó có 8 tuyến với chiều dài 23.781m đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 97%.

- Đường ngõ xóm: Có 5 tuyến, tổng chiều dài 18.046m, 100% được cứng hóa đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa. Trong đó có 4 tuyến với chiều 12.086m đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 67%.

Về giao thông đường thủy, xã có nhiều kênh/kinh, rạch chảy ngang qua, quan trọng nhất là kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp.

**Văn hóa:**

Xã đạt danh hiệu Xã văn hoá năm 2017, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định; 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa.

**Du lịch:** Không có điểmdu lịch

**Thể thao:**

Năm 2020, xã có 06 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 01 hồ bơi và 10 sân tập thể dục dưỡng sinh, với tổng diện tích 4.520m2. Bên cạnh đó, xã có 01 sân bóng đá (11 người), với diện tích là 9.364,6m2 phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động thể thao ở địa phương và giao lưu với các xã lân cận.

**Tổng số liệt sĩ:** 385 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 65 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

**Quốc lộ 1**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

**\* Đường cao tốc:**

**Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) **+** Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh [Tiền Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho [Quốc lộ 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_l%E1%BB%99_1). Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng [Tây Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Nam_B%E1%BB%99) với [Thành phố Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; đuợc khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân [Đồng bằng sông Cửu Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long) lưu thông vào dịp [Tết Nguyên Đán](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%BFt_Nguy%C3%AAn_%C4%90%C3%A1n). Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

**\* Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 868**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (868).

Đường tỉnh 868, có số hiệu đường bộ ĐT.868; điểm đầu: Cầu Hai Hạt (giáp ranh tỉnh Long An - xã Phú Cường, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến đò Thủy Tây (giáp sông Tiền - xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy); chiều dài: 34,466 km.

1. **Đường tỉnh 874B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874B).

Đường tỉnh 874B, có số hiệu đường bộ ĐT.874B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Nhị Quý, thị xã Cai Lậy); điểm cuối: Cầu Mỹ Long (xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy); chiều dài: 5,040 km.

1. Đường tỉnh 875

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (875).

Đường tỉnh 875, có số hiệu đường bộ ĐT.875; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Văn Cang, xã Phú An, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến sông Tiền (thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè); chiều dài: 4,690 km.

1. Đường tỉnh 875B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (875B).

Đường tỉnh 875B, có số hiệu đường bộ ĐT.875B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Bình Phú, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến đò Hiệp Đức (nhánh sông cù lao Tân Phong, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy); chiều dài: 10,887 km.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Cai Lậy:**

**Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:**

**- Theo Điều 3,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:  Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

**- Theo Điều 40,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

**Đường huyện: 20 địa danh.**

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1. Đường huyện 35**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35).

Đường huyện 35 có số hiệu đường bộ ĐH.35; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Tiên); điểm cuối: Giáp ranh huyện Châu Thành (xã Mỹ Long); chiều dài: 9,529 km.

**2. Đường huyện 54**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54).

Đường huyện 54 có số hiệu đường bộ ĐH.54; điểm đầu: Kênh Tám Thêm, ranh thị xã Cai Lậy (xã Mỹ Long); điểm cuối: Kênh Ban Lợi, cầu Vàm Kênh Ông Mười (xã Mỹ Long); chiều dài: 2,000 km.

**3. Đường huyện 54B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 54B có số hiệu đường bộ ĐH.54B; điểm đầu: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Sông Năm Thôn (ấp Hội Tín, xã Hội Xuân); chiều dài: 11,500 km.

**4. Đường huyện 54C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 54C có số hiệu đường bộ ĐH.54C; điểm đầu: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Sông Năm Thôn (ấp Hội Nhơn, xã Hội Xuân); chiều dài: 11,708 km.

**5. Đường huyện 57B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (57) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 57B có số hiệu đường bộ ĐH.57B; điểm đầu: Đường huyện 65 (xã Bình Phú); điểm cuối: Cầu Kênh Tổng, ranh thị xã Cai Lậy (xã Bình Phú); chiều dài: 2,765 km.

**6. Đường huyện 59B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (59) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 59B có số hiệu đường bộ ĐH.59B; điểm đầu: Cầu Kênh 9, ranh huyện Cái Bè (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Cầu Kênh Năm, ranh thị xã Cai Lậy (xã Phú Cường); chiều dài: 13,190 km.

**7. Đường huyện 60**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (60).

Đường huyện 60 có số hiệu đường bộ ĐH.60; điểm đầu: Cầu Văn U, ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Đường tỉnh 875B - đường Giồng Tre (xã Cẩm Sơn); chiều dài: 3,086 km.

**8. Đường huyện 62**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (62).

Đường huyện 62 có số hiệu đường bộ ĐH.62; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Tiên - Long Trung); điểm cuối: Chợ Ba Dừa (xã Long Trung); chiều dài: 0,930 km.

**9. Đường huyện 62B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (62) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 62B có số hiệu đường bộ ĐH.62B; điểm đầu: Đường huyện 35 (xã Long Tiên); điểm cuối: Đường tỉnh 864 (xã Tam Bình); chiều dài: 5,070 km.

**10. Đường huyện 63**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (63).

Đường huyện 63 có số hiệu đường bộ ĐH.63; điểm đầu: Cầu Cả Nứa, ranh thị xã Cai Lậy (xã Bình Phú); điểm cuối: Quốc lộ 1A (xí nghiệp chăn nuôi 30/4, xã Phú An); chiều dài: 5,074 km.

**11. Đường huyện 64**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (64).

Đường huyện 64 có số hiệu đường bộ ĐH.64; điểm đầu: Bến phà BOT Hiệp Đức (bờ xã Tân Phong); điểm cuối: Bến phà Tân Phong - Ngũ Hiệp (nhánh sông Cồn Tròn, xã Tân Phong); chiều dài: 7,885 km.

**12. Đường huyện 65**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (65).

Đường huyện 65 có số hiệu đường bộ ĐH.65; điểm đầu: Quốc lộ 1A (xã Bình Phú); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam Nguyễn Văn Tiếp (xã Phú Cường); chiều dài: 8,421 km.

**13. Đường huyện 65B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (65) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 65B có số hiệu đường bộ ĐH.65B; điểm đầu: Đường huyện 66 (xã Phú Nhuận); điểm cuối: Đường Nam Hai Hạt (xã Thạnh Lộc); chiều dài: 10,200 km.

**14. Đường huyện 66**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (66).

Đường huyện 66 có số hiệu đường bộ ĐH.66; điểm đầu: Quốc lộ 1A - cầu Phú Nhuận (xã Phú Nhuận); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 12,060 km.

**15. Đường huyện 67**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (67).

Đường huyện 67 có số hiệu đường bộ ĐH.67; điểm đầu: Đường tỉnh 875 (xã Phú An); điểm cuối: Đường huyện 62 - Chợ Ba Dừa (xã Long Trung); chiều dài: 10,740 km.

**16. Đường huyện 68**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (68).

Đường huyện 68 có số hiệu đường bộ ĐH.68; điểm đầu: Đường huyện 66 (Ngã 5 xã Mỹ Thành Nam); điểm cuối: Kênh 9, ranh huyện Cái Bè (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 7,729 km.

**17. Đường huyện 68B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (68B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 68B có số hiệu đường bộ ĐH.68B; điểm đầu: Đường huyện 69 (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Phú Cường); chiều dài: 9,600 km.

**18. Đường huyện 69**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (69).

Đường huyện 69 có số hiệu đường bộ ĐH.69; điểm đầu: Đường huyện 68 - Đường Cả Gáo (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 3,570 km.

**19. Đường huyện 70**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (70).

Đường huyện 70 có số hiệu đường bộ ĐH.70; điểm đầu Đầu ấp Hòa An (xã Ngũ Hiệp; điểm cuối: Cuối ấp Long Quới (xã Ngũ Hiệp); chiều dài: 16,200 km.

**20. Đường huyện 70B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (70B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 70B có số hiệu đường bộ ĐH.70B; điểm đầu: Đầu ấp Hòa An (xã Ngũ Hiệp); điểm cuối: Cuối ấp Long Quới (xã Ngũ Hiệp); chiều dài: 13,400 km.

**Đường phố: Huyện Cai Lậy chưa có đường phố.**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Cai Lậy:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 864:**

**1. Cầu Cống Cây Sung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Sung).

- Vị trí: Km 31+297, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Sung

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**2. Cầu** **Cống Cái Lá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Sông cái, gọi tắt là Cái) + Thực vật (Lá).

- Vị trí: Km 31+475, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Lá

- Quy mô: 2 nhịp dài 17,5m; Mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**3. Cầu** **Cống Kháng Chiến**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước).

- Vị trí: Km 30+310, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Kháng chiến.

- Quy mô: 1 nhịp dài 10m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**4. Cầu** **Cống** **Sắt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) Chất liệu (Sắt).

- Vị trí: Km 30+565, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cóc.

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; Mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019.

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**5. Cầu** **Ba Rài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Baray - Ba Rài: có nghĩa là “hồ chứa nước lênh láng”).

- Vị trí: Km28+600, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Ba Rài

- Quy mô: 5 nhịp dài 166m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA; Htt: +6.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**6. Cầu Cống Rạch Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây sơn).

- Vị trí: Km 29+793, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Sơn

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**7. Cầu** **Trà Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tà đọc trại thành Trà: có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng) + Tên người (Tân).

- Vị trí: Km 25+590, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Trà Tân

- Quy mô: 3 nhịp dài 82,28m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6m; 3 dầm BTTA I.400; Htt: +4.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**8. Cầu** **Cống Ông Tùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Tùng).

- Vị trí: Km 27+458, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Tùng

- Quy mô: 3 nhịp dài 28,5m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; Dầm BTCT; Htt: +3.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H30-HK80

- Tải trọng cho phép (Tấn): H30-HK80

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**9. Cầu Cái Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) +

- Vị trí: Km 22+895, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Sơn

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m (3x12,5); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**10. Cầu Cây Còng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây còng).

- Vị trí: Km 16+994, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch cây Còng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/ nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**11. Cầu** **Cống Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng có tính chất tôn giáo (Chùa).

- Vị trí: Km 17+988, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cống Chùa.

- Quy mô: 1 nhịp dài 6m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m;dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**12. Cầu Hai Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Hai Tân).

- Vị trí: Km 18+874, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Hai Tân

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/ nhịp; Htt: +3.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**13. Cầu Tam Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

- Vị trí: Km 21+295, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Mù U.

- Quy mô: 3 nhịp dài 83,08m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 6 dầm/nhịp; Htt: +4.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**Trên Đường tỉnh 865:**

**1. Cầu Kinh/Kênh 9**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (9).

- Vị trí: Km 40+683, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 9

- Quy mô: 3 nhịp dài 74m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTDƯL chữ I; Htt: +5.30

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**2. Cầu Kinh/Kênh 10**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (10).

- Vị trí: Km 38+920, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 10

- Quy mô: 3 nhịp dài 61m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA nhịp giữa 6 dầm/nhịp; nhịp biên 11 dầm/nhịp; Htt: +4.80

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**3. Cầu Đá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Đá).

- Vị trí: Km 31+329, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Bèo

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 8/2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**4. Cầu Cống Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa).

- Vị trí: Km 33+945, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cống Chùa

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL 11 dầm/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**5. Cầu Cống Kho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kho)

- Vị trí: Km 35+142, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kho

- Quy mô: 3 nhịp dài 28m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/nhịp giữa; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 7/2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**6. Cầu 26/3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + (Sự kiện chính trị (Ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 26/3).

- Vị trí: Km32+750, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 26/3

- Quy mô: 3 nhịp dài 28m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; nhịp biên 11 dầm BTCT đỗ tại chỗ; nhịp giữa 11dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**7. Cầu Bà Trần**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Trần).

- Vị trí: Km 38+229, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Trần

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**8. Cầu Tám Dư**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Tám Dư).

- Vị trí: Km 37+524, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tám Dư

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**9. Cầu Thầy Cai**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Thầy Cai).

- Vị trí: Km 36+616, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Thầy Cai

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**Trên Đường tỉnh 874B:**

**1. Cầu Cống Bọng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Tính từ (Bọng: Rỗng bên trong).

- Vị trí: Km 2+421, xã Nhị Quí, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 13m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.56

- Tải trọng thiết kế (Tấn): 0,5 x HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**2. Cầu Long Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Long Điền)

- Vị trí: Km 3+227, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Long Điền

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): 0,5 x HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**Trên Đường tỉnh 875B:**

**1. Cầu Bình Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Bình Trị).

- Vị trí: Km 1+979, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Bình Trị

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**2. Cầu Kinh/Kênh Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 0+255, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 57,17m (3x18,6); mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**3. Cầu Bà Chóng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Chóng).

- Vị trí: Km 7+138, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Chóng

- Quy mô: 03 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm thép liên hợp; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1993

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**4. Cầu Cây Kho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Cây) + Công trình xây dựng (Kho).

- Vị trí: Km 8+524, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Kho

- Quy mô: 03 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm thép liên hợp; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**5. Cầu Ông Quý**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Quý).

- Vị trí: Km 6+142, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Quý

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3m (2x6,5+18,6); mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**6. Cầu Tham Rôn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer chỉ thực vật (Tham Rôn: gọi trại thành trôm - cây trôm).

- Vị trí: Km 3+490, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: rạch Tham Rôn

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:**

**1. Cầu Bà Tồn 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Tồn + Chữ số (1).

- Vị trí: km79+582

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 85,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**2. Cầu Cà Mau**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Cà Mau: Tưk Khmau, có nghĩa là Nước đen[[17]](#footnote-17)) .

- Vị trí: km70+447

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 59,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**3. Cầu Bình Phú 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú) + Chữ số (2).

- Vị trí: km73+957

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 312 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**4. Cầu Bình Phú 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú) + Chữ số (2).

- Vị trí: km75+711

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 87,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**5. Cầu Cai Lậy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị xã/Huyện Cai Lậy).

- Vị trí: km71+897

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 349,90 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**6. Cầu Đìa Dứa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Đìa) + Thực vật (Cây dứa dại).

- Vị trí: km78+984

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 56,23 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**7. Cầu Một Thước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Một thước/mét).

- Vị trí: km80+268

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 85,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**8. Cầu Phú Nhuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

- Vị trí: km76+759

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 350 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**9. Cầu Vượt Đường Huyện 57C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 57C) .

- Vị trí: km70+754

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 220,40m

- Chiều rộng: 7 m

**10. Cầu Vượt Đường Huyện 65**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 65).

- Vị trí: km75+410

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 208,20 m

- Chiều rộng: 7 m

**11. Cầu Vượt Kinh/Kênh Chín Thắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Chín Thắng).

- Vị trí: km78+075

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 208,40 m

- Chiều rộng: 7,50 m

**12. Cầu Vượt Võ Việt Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Họ và tên danh nhân (Võ Việt Tân).

Tiểu sử danh nhân:

### VÕ VIỆT TÂN

**(1928 – 1969)**

Võ Việt Tân tên khai sinh là Võ Văn Đợi, ông có bí danh khác là Võ Phát Huy, sinh năm 1928 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8 - 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương. Năm 1947, ông gia nhập lực lượng du kích xã Mỹ Phước Tây. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, năm 1952, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng. Đội du kích xã Mỹ Phước Tây, do ông chỉ huy, ngày càng phát triển vững mạnh, đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu biểu là trận tiêu diệt bọn lính Commandos quận Cai Lậy vào cuối năm 1952.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Lúc bấy giờ, ông đảm trách nhiệm vụ Phó Bí thư rồi Bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây (1958) kiêm Huyện ủy viên phụ trách các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Hạnh Trung.

Năm 1959, ông được chỉ định phụ trách thêm ba xã Phú Quý, Nhị Quý và Mỹ Long. Tuy bị địch theo dõi và truy bắt gắt gao; nhưng ông vẫn bám chặt địa bàn, lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh chống địch. Phong trào cách mạng ở các địa phương do ông phụ trách không những được giữ vững mà còn phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Năm 1960, ông được bầu vào Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Năm 1963, ông là Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội. Với nhiệm vụ được giao, ông đã trực tiếp chỉ đạo cuộc nổi dậy và tiến công quân sự của quân dân Cai Lậy trong cao trào phá ấp chiến lược, giải phóng nông thôn do Tỉnh ủy Mỹ Tho và Khu ủy Khu 8 phát động trong tháng 7 – 1963.

Kết quả, qua mười ngày hoạt động sôi nổi, ta đã bức hàng 7 đồn, bức rút 8 đồn và hình thành vùng giải phóng rộng lớn kéo dài từ Long Tiên, Long Trung đến Cẩm Sơn, Hiệp Đức. Từ đó, “Vùng 20 tháng 7” được ra đời và ngày càng mở rộng. Đây là vùng giải phóng lớn nhất của tỉnh Mỹ Tho, nối liền các huyện Châu Thành, Cai Lậy và Cái Bè.

Năm 1965, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho kiêm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Với cương vị này, ông và tập thể Huyện ủy đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn và sáng tạo nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở huyện nhà tiến lên, xứng đáng là một trong những địa phương dẫn đầu trong toàn tỉnh về thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như mở rộng vùng giải phóng.

Năm 1967, ông được điều về tỉnh, phụ trách công tác binh vận. Lúc này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy nhiên, với tinh thần nhiệt tình và ý chí tiến công cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tổ chức giao phó. Đến cuối năm 1968, ông đã củng cố được nhiều cơ sở binh vận ở hai huyện Chợ Gạo, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho.

Đầu năm 1969, ông được phân công trở về phụ trách huyện Cai Lậy. Ngày 21-02-1969, trên đường đi công tác, ông bị bọn lính biệt kích sát hại dã man tại Rạch Muồng, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy. Bí danh Võ Việt Tân của ông được đặt tên trường trung học cơ sở, tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: km70+182

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 298,10 m

- Chiều rộng: 7 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

1. **Cống Cái Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Cái Sơn).

Cống ở đầu vàm rạch Cái Sơn thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 15.000 ha.

1. **Cống Cây Còng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Còng).

Cống ở đầu vàm rạch Cây Còng thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 20.000 ha.

**3. Cống Hai Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Tân).

Cống ở đầu vàm rạch Hai Tân thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 25.000 ha.

4. **Cống Mù U**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Mù U).

Cống ở đầu vàm rạch Mù U thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 20.000 ha.

**\* Cống lớn:**

**1.** **Cống Cầu Kinh/Kênh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh).

Cống ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 10 m, sâu 2,3 m, diện tích phục vụ 456 ha.

**2.** **Cống Cầu Ván**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Ván gỗ).

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 8 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 300 ha.

1. **Cống Mười Nén**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mưới Nén).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 2 , chiều rộng 8 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 507 ha.

**Cống vừa và nhỏ:**

**1**. **Cống Đường nước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Đường nước).

Cống ở xã Phú Quý, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**2**. **Cống Hai Xàng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Xàng).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 175 ha.

**3. Cống Miễu Chay**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu: là nơi **thờ Thần,** các bậc trung nghĩa có công với nước, với dân**, nhỏ hơn đình, đền, còn gọi là miếu**) + Ẩm thực (Chay: là các món ăn, sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật).

Địa danh Miễu Chay có liên quan đến truyện tích dân gian có tên: Thần Thành hoàng ăn chay” như sau:

Đình (thời xưa gọi là miễu) Cẩm Sơn (huyện Cai Lậy) thờ Tống Thiên quốc sư đại vương tôn thần và Chân An Giác tính Tuệ Tĩnh Thiền Sư tôn thần. Tuệ Tĩnh là một nhà sư người làng Cẩm Sơn (Nam Định) vào cuối nhà Trần. Còn Tống Thiên quốc sư có người nói rằng là Tống Huệ Sinh, quốc sư đời Lý Thái Tông. Bên cạnh còn thờ hàng chục vị thần theo tín ngưỡng dân gian đủ màu sắc Việt, Hoa, Chăm, Khmer,… mà đứng đầu là Cao Các Quang Huệ đại vương tôn thần tức Sơn Tinh trong thần thoại Việt Nam.

Các vị thần này được các vị tiền hiền, hậu hiền làng Cẩm Sơn đem danh hiệu từ miền Bắc, miền Trung vào thờ. Do hai vị thành hoàng chính là hai nhà sư nên làng này có tục cúng chay. Thuở khai hoang, cuộc sống dân làng giản dị, tục lệ này dễ dàng được chấp nhận. Nhưng đến đời vua Gia Long, Minh Mạng thì trong làng bắt đầu lộn xộn. Hương chức chia ra hai phe. Một phe chủ trương cần phải giết trâu, giết heo cúng tế linh đình mới có thể tổ chức yến ẩm và biếu xén những làng khác. Một phe chủ trương cần phải giữ tục lệ truyền thống, không yến ẩm và biếu xén cũng không hại gì.

Phe cải cách mạnh, nhưng không được nhiều người ủng hộ. Muốn lôi kéo đông người, họ bí mật cho người lợi dụng đến tối mặc áo đội mũ lên ngọn đa giả làm thần hiện về rên la:

- Cúng chay lạt lẽo, ăn xót ruột quá! Cúng chay lạt lẽo, ăn xót ruột quá!

Trong làng có ông Cả Long không tin chuyện huyễn hoặc đó. Ông bí mật cho người chuẩn bị đèn sào, theo dõi sau mấy đêm, lực lượng của ông bắt được người giả dạng Thành hoàng. Vì ông thuộc lực lượng phe bảo vệ cổ tục nên tức giận tra khảo và bắt được kẻ chủ mưu. Phe “cải cách” phải chịu thua.

Đời Thiệu Trị, khoảng cuối năm 1845, triều đình bắt đầu ban sắc hợp thức hóa các vị Thành hoàng ở Nam bộ. Làng Cẩm Sơn được mấy lá sắc “Bổn cảnh Thành hoàng” với danh hiệu chung như những làng khác. Phe cải cách bắt đầu vùng lên. Họ cho rằng nhiệm kỳ quan lại trấn nhậm mỗi địa phương chỉ vài ba năm thì Thành hoàng cũng như thế. Triều đình gởi sắc phong cho vị Thành hoàng mới đến thay thế cho vị “Thành hoàng ăn chay”. Thế là họ ra lệnh giết heo tế lễ linh đình. Năm đầu phe bảo thủ e dè sợ oai triều đình. Nhưng năm sau họ bắt đầu phản công. Họ bí mật mua chuộc bọn đồ tể. Lúc con heo tế đã bị đâm họng làm lông đem ra bờ sông Ba Rài chờ mổ bụng, thì một người khác ngồi bên kia bờ sông bí mật kéo qua. Họ còn tung tin để sau đó có người qua sông cõng heo về để tiếp tục xẻ thịt. Thịt đã nấu chín nhưng khi để trên bàn tế thì thịt nhảy ra khỏi mâm. Từ đó họ khẳng định: Thành hoàng Cẩm Sơn vẫn là những nhà sư, vẫn còn ăn chay như cũ.

Cuộc tranh chấp đang gay gắt thì có ý kiến nên làm sớ dâng triều đình xin thêm một vị “thần ăn mặn”. Lại có ý kiến là nên lập miếu thờ cụ Điều khiển Nguyễn Cư Trinh vì sinh tiền cụ có công mộ dân Quảng Ngãi vào lập nhiều làng, trong số đó có làng Cẩm Sơn. Lúc bấy giờ, cháu nội Nguyễn Cư Trinh là Nguyễn Cư Sĩ làm Bố chánh tỉnh Định Tường nên ý kiến đó được dễ dàng chấp nhận. Thế là vào năm 1852, làng Cẩm Sơn có một ngôi đình thờ những “ông thần ăn mặn”.

Dịp may, vào năm 1887, hòa thượng trụ trì chùa Phước Lâm viên tịch. Hòa thượng vốn là một vị quan cựu trào xuất gia đầu Phật, pháp hiệu là Quảng Huệ. Phe bảo thủ ở Cẩm Sơn cho rằng quan lại tu hành thì chỉ thành thần nên tung tin trước khi hòa thượng Phước Lâm tịch có cho biết rằng ngài sẽ ra thay thế “ông thần ăn chay”. Hòa thượng là người đạo cao đức trọng, được dân làng Cẩm Sơn mến mộ. Pháp hiệu Hòa thượng lại trùng với mỹ tự thần Cao Các được thờ trong đình nên dễ gây niềm tin.

Thế là Thành hoàng Cẩm Sơn vẫn là “ông thần ăn chay[[18]](#footnote-18)”.

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 137 ha.

**4.** **Cống Ông Bảo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Bảo).

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 800 ha.

**5.** **Cống Ông Tùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Tùng).

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 800 ha.

**6.** **Cống Rạch Sâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Tính từ chỉ độ sâu (Sâu).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,6 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 250 ha.

**7.** **Cống Thanh Niên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Tầng lớp trong xã hội (Thanh niên: **Điều 1 Luật Thanh niên 2020 quy định: “T**hanh niên là người có độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi”).

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 356 ha.

**8.** **Cống Vàm Tắc 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc: là đường nước nhân tạo hoặc tự nhiên, có kích thước nhỏ, nối liền hai dòng chảy (kinh/kênh hoặc rạch) để đi tắt từ dòng nước này đến dòng nước khác cho nhanh thay vì phải đi vòng. Tắt là tính từ được chuyển hóa thành danh từ, thường viết nhầm, đọc trại thành tắc) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**9. Cống Vàm Tắc 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**10.** **Cống 26 tháng 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Sự kiện lịch sử (26 tháng 3: Ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**11.** **Cống 868**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu Đường tỉnh 868.

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 263 ha.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** | | | | | |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người | | | | | |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 | | | |  | |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) | | | | | |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích | | | | | |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | | | chung  (rộng tối thiểu 7,5 m) | | |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che | |  | | | |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng | | |  | | |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn | |  | |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | | Có phần mềm quản lý bến xe | |  | |

**1**. **Bến xe Cai Lậy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị xã Cai Lậy).

Trước năm 2014, bến xe Cai Lậy thuộc huyện Cai Lậy; sau thực hiện Nghị quyết số **130/NQ-CP** của Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 2013 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy còn lại, bến xe Cai Lậy nằm trên địa bàn thị xã Cai Lậy.

Bến xe Cai Lậy, mã số (63)14, tọa lạc tại Quốc lộ 1, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.064,7 m², điện thoại: (0273)3826474, xếp loại 5.

**2.** **Bến xe Hưng Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính đầu thế XX (Làng Hưng Long).

Bến xe Hưng Long, mã số (63)43, tọa lạc tại Ngã tư Hưng Long, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.000 m², xếp loại 6.

**\*Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**1. Bến phà Cái Bè - Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè - Xã Tân Phong).

Bến phà Cái Bè - Tân Phong bờ phải (Cái Bè) nằm trên Kinh/Kênh 28, bờ trái (Tân Phong) nằm trên sông Tiền, nối thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè với xã Tân Phong, huyện Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến phà Hiệp Đức - Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức - Xã Tân Phong).

Bến phà Hiệp Đức - Tân Phong bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối xã Hiệp Đức với xã Tân Phong (và ngược lại), thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến phà Ngũ Hiệp - Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp - Xã Tân Phong).

Bến phà Ngũ Hiệp - Tân Phong bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp với ấp Tân Bườm, xã Tân Phong (và ngược lại), thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Cai Lậy).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy:

+ Địa chỉ: Tỉnh lộ 875B, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3826435

+ Trang thông tin điện tử: ttythuyencailay.com.vn

+ Email: [trungtamyte\_cailay@yahoo.com.vn](mailto:trungtamyte_cailay@yahoo.com.vn)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 8.727m2; diện tích sử dụng: 6.720m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 318; trong đó Nam: 120 ; Nữ: 198.

Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 3524/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ sinh sản: tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hoá gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy có 05 chi bộ với 79 đảng viên; lãnh đạo đơn vị gồm giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 318 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 26 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số; 07 khoa chuyên môn: Lâm sàng (03 khoa): Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Ngoại - Sản, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu; Cận lâm sàng (02 khoa): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; y tế dự phòng (02 khoa): Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 185 giường bệnh.

Đồng thời, Trung tâm có 01 phòng khám đa khoa và 16 trạm y tế xã: Phòng khám Đa khoa Long Trung, Trạm Y tế các xã Bình Phú, Phú Nhuận, Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc, Thạnh Lộc, Phú Cường, Phú An, Cẩm Sơn, Hiệp Đức, Hội Xuân, Tân Phong, Ngũ Hiệp, Long Trung, Tam Bình, Mỹ Long, Long Tiên.

Về trình độ chuyên môn, Trung tâm có Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa I: 11; Bác sĩ chuyên khoa 2: 01; Bác sĩ: 36; Dược sĩ chuyên khoa I: 02; Cử nhân đại học: 63; Cử nhân cao đẳng: 44; Trình độ khác: 160.

\***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Tượng đài:**

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

**Tượng đài Chiến thắng Ba Rài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ba Rài).

Sự kiện lịch sử:

Từ tháng 3/1965, đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ ồ ạt đổ quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh của Mỹ cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam Việt Nam, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Đây là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân lính chính quyền Sài Gòn; trong đó, quân Mỹ giữ vai trò nòng cốt, nhằm chống lại phong trào cách mạng và nhân dân miền Nam.

Để thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), do hệ thống sông rạch chằng chịt, không tiện cho việc triển khai lực lượng cơ giới đường bộ, Mỹ đã đề ra chiến thuật “thiết giáp hạm trên sông” bằng cách “tạo ra một lực lượng hỗn hợp hải - lục đường sông (Joint army-navy riverine force) đóng trên các căn cứ nổi, có thể cơ động nhanh theo đường sông từ nơi này đến nơi khác” nhằm tấn công bất ngờ và chớp nhoáng, tiêu diệt bộ đội chủ lực quân giải phóng và lực lượng du kích.

Trong khuôn khổ đó, tháng 7/1966, nhiệm vụ này được giao cho Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ đóng ở căn cứ Đồng Tâm (Mỹ Tho), mà lực lượng chủ yếu để thực hiện việc tác chiến đường sông là Lữ đoàn 2, gồm có 3 tiểu đoàn cùng các đơn vị trực thuộc, do đại tá William B. Fulton chỉ huy. Đến tháng 4/1967, Hải đoàn đặc nhiệm 117 Mỹ được tăng cường đến Đồng Tâm. Tại đây, Hải đoàn này đã phối hợp với Lữ đoàn 2 Mỹ tạo thành lực  lượng hải lục cơ động tác chiến đường sông (Mobile riverine force -  viết tắt là MRF) với quân số 5.000 người. Lần đầu tiên, lực lượng hỗn hợp hải - lục cơ động tác chiến đường sông Mỹ được thành lập trên chiến trường miền Nam nói chung và  ĐBSCL nói riêng.

Lực lượng hỗn hợp hải lục này, khi hành quân, đi đầu là một vài chiếc tàu bọc thép (thiết giáp đỉnh - Armored troop carrier, viết tắt là ATC) không chở quân có nhiệm vụ rà mìn và thủy lôi; tiếp theo là những chiếc tàu bọc thép chở quân; khi đến trận địa, binh lính bộ binh sẽ đổ bộ lên bờ dưới sự yểm trợ hỏa lực của pháo binh, máy bay ném bom và trực thăng chiến đấu, nhất là sự chi viện tại chỗ của các tàu xung kích (tiền phong đỉnh - Monitor); mỗi chiếc tàu xung kích được trang bị 1 đại bác 80 li, 1 đại bác 40 li, 1 súng cối 81 li bắn trực xạ, 2 trọng liên 12.7 li, 1 đại liên 30 và nhiều súng phóng lựu M.79. Ngoài ra, còn có tàu cứu thương, phà để máy bay trực thăng cất và hạ cánh.

Trước tình hình đó, quán triệt Nghị quyết 11 (tháng 3/1965) và Nghị quyết 12 (tháng 12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho đã đề ra chủ trương “quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”; trong đó có việc chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để đánh thắng lực lượng hỗn hợp hải - lục và chiến thuật “thiết giáp hạm trên sông” của Mỹ. Trên thực tế chiến trường, các đơn vị võ trang của Khu 8 và tỉnh Mỹ Tho đã từng đương đầu và đánh bại lực lượng này ở Long Tiên, Cẩm Sơn (huyện Cai Lậy) tháng 5/1967, ở Bàn Long (huyện Châu Thành) đầu tháng 9/1967.

Ngày 15/9/1967, lực lượng hỗn hợp hải - lục thuộc Lữ đoàn 2 Mỹ mở cuộc hành quân Cohort, tấn công vào xã Cẩm Sơn (Cai Lậy) với quy mô lớn, lực lượng hùng hậu, tần suất dày và mức độ vô cùng ác liệt nhằm tiêu diệt tiểu đoàn 263 chủ lực Khu 8. Sau một ngày kiên cường chiến đấu, mặc dù có sự chênh lệch lớn về lực lượng và vũ khí, nhưng tiểu đoàn 263 của ta đã anh dũng, mưu trí đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét của địch, bắn chìm, bắn cháy, bắn hư 16 tàu các loại, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 200 lính Mỹ, bắn rơi 01 chiếc máy bay phản lực F100.

Chiến thắng Ba Rài ngày 15/9/1967 có ý nghĩa vô cùng to lớn trong tiến trình cách mạng miền Nam. Đây là trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, tàu chiến và phương tiện chiến tranh của Mỹ nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Chiến thắng này thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn sáng tạo, năng động, đầy quyết tâm của Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho trong giai đoạn đối đầu với chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch. Đồng thời, chiến thắng Ba Rài đánh dấu bước trưởng thành vượt bật của lực lượng võ trang tỉnh Mỹ Tho và Khu 8, tạo ra nền tảng vững chắc để bộ đội ta lập nên những chiến thắng lẫy lừng sau đó.

Nếu chiến thắng Ấp Bắc ngày 02/01/1963 làm thất bại chiến thuật cơ động bằng xe bọc thép và máy bay trực thăng (chiến thuật “thiết xa vận”, “trực thăng vận”), báo hiệu sự phá sản tất yếu của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy, thì chiến thắng Ba Rài là chiến thắng của một trận đột phá, có tính chất quyết định trong việc bẻ gãy chiến thuật “Thiết giáp hạm trên sông” của lực lượng hỗn hợp hải - lục Mỹ, có không quân và pháo binh yểm trợ tối đa, góp phần quan trọng trong việc đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đối phương trên toàn chiến trường miền Nam.

Tượng đài Chiến thắng Ba Rài nằm trong Khu di tích Chiến thắng Ba Rài, có diện tích với tổng diện tích 17.828,2 m2 (trong đó khu vực 1: 5009,5 m2, Khu vực 2: 12.818,7 m2), khánh thành nhân kỷ niệm 40 năm Chiến thắng Ba Rài (15/9/1967 - 15/9/2007), tọa lạc tại xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài do nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh tạo mẫu, cao 12 m, được tạo tác bằng bê tông cốt thép, thể hiện các cuộn sóng dâng trào mạnh mẽ của sông Ba Rài nói riêng và sông nước Tiền Giang nói chung đã nhấn chìm các tàu chiến hiện đại của Mỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khu di tích Chiến thắng Ba Rài được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 01/8/1970, cơ quan Tỉnh ủy Mỹ Tho chính thức chuyển về ấp Mỹ Lợi A (xã Long Tiên, huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho, nay là ấp Mỹ Lợi A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Huyện ủy Cai Lậy Nam và Chi ủy xã Long Tiên xây dựng lực lượng quần chúng làm cơ sở nuôi dưỡng, che chở, tiếp tế lương thực, thực phẩm. Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho ở Long Tiên tồn tại từ tháng 8-1970 đến tháng 4-1975. Tại đây, mặc dủ địch đánh phá vô cùng ác liệt, nhưng Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều hội nghị quan trọng nhằm lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân tỉnh Mỹ Tho tiến lên giành thắng lợi rực rỡ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và được nhân dân yêu thương đùm bọc, lực lượng an ninh vũ trang tỉnh đã mưu trí, dũng cảm phối hợp với dân quân du kích và nhân dân địa phương, đánh hàng trăm trận đánh, tiêu diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, bảo vệ an toàn cơ quan Tỉnh ủy trong điều kiện khó khăn, ác liệt. Ngày 29-01-1996, xã Long Tiên được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang”.

Năm 1996, tại ấp Mỹ Lợi A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng trong  khuôn viên 583 m2, trên nền cao khoảng 1 m với hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời tượng trưng cho sức mạnh chiến đấu hào hùng, oanh liệt của quân dân tỉnh nhà. Liền kề là lá cờ Đảng đỏ thắm được cách điệu nằm phía sau thanh gươm, thể hiện là nơi Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến. Trên nền lá cờ có in dòng chữ “Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho thời chống Mỹ”. Bên dưới thanh gươm và lá cờ là thiết kế nhằm tái hiện lại những chiếc hầm lớn nhỏ, để làm nơi bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ địch. Trên nóc hầm là hình 5 vòng tròn biểu tượng của những thân dừa chịu đựng bom đạn, khói lửa chiến tranh.

Xung quanh Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho có những chậu hoa kiểng được chăm sóc tươi tốt, rực rỡ sắc màu. Phía trước Bia là khoảng sân rộng có lát gạch men để du khách tham quan, hành lễ, chiêm ngưỡng được thuận lợi.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**1. Công viên Cẩm Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Công viên được khánh thành năm 2021 ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.553 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (giáng hương, bằng lăng,…); cây tạo hình (cọ dầu, cau kiểng,…); cây cho hoa (hoa trang, hoa dâm bụt, hoa giấy,..); cây lá màu và các thảm cỏ,… Công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đèn chiếu sáng; hệ thống điện nước; nhà vệ sinh, đường đi nội bộ lát bằng gạch Terrazo,…

**2. Công viên Quảng trường huyện Cai Lậy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Quảng trường) + Địa danh hành chí (huyện Cai Lậy).

Công viên được khánh thành năm 2020, tọa lạc tại thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 6.300 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (giáng hương, bằng lăng,…); cây tạo hình (cọ dầu, cau kiểng,…); cây cho hoa ( sứ Thái, hoa giấy,..); cây lá màu và các thảm cỏ,… Công viên còn có sân lễ, đường nội bộ, ghế đá, hệ thống điện nước, hồ nước với hệ thống nhạc nước nghệ thuật, hệ thống chiếu sáng công cộng và hệ thống chiếu sáng trung tâm với cột đèn cao 29 m,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[19]](#footnote-19).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[20]](#footnote-20).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[21]](#footnote-21).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[22]](#footnote-22).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[23]](#footnote-23).

**\* Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác  
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[24]](#footnote-24):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1 | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng  - Chợ hôm  - Chợ chiều  - Chợ đêm  - Chợ phiên |
| 2 | Theo lịch sử | - Chợ truyền thống  - Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3 | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê  - Chợ ven đô  - Chợ đô thị  - Chợ đồng bằng  - Chợ miền núi |
| 4 | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng  - Chợ xã (liên làng)  - Chợ huyện (liên xã)  - Chợ thị trấn  - Chợ thị xã |
| 5 | Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa | - Chợ đầu mối  - Chợ bán lẻ  - Chợ chuyên doanh  - Chợ tổng hợp |
| 6 | Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ | - Chợ vải  - Chợ trâu  - Chợ trái cây  - Chợ hải sản |
| 7 | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố  - Chợ bán kiên cố  - Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[25]](#footnote-25):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[26]](#footnote-26):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa  
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua  
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**\* Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[27]](#footnote-27):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Cai Lậy:**

**1. Chợ Ấp 6**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 6).

Chợ loại 3, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, diện tích 2.000 m², có 12 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**2. Chợ Ba Dầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dầu). Chợ Ba Dầu là chợ ở ngã ba có nhiều cây dầu hoặc có cây dầu to.

Chợ loại 3, ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, diện tích 1.000 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**3. Chợ Ba Dừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa). Chợ Ba Dừa là chợ ở ngã ba có trồng nhiều cây dừa hoặc có cây dừa cao.

Chợ loại 3, ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, diện tích 3.223 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**4. Chợ Bà Tồn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Bà) + Tên người (Tồn).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, diện tích 1.113 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**5. Chợ Bình Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Chợ loại 3, ở xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, diện tích 3.213 m², có 223 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

**6. Chợ Cái Mít**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Cây mít). Dân gian gọi trại thành chợ Cả Mít.

Chợ loại 3, ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, diện tích 1.322 m², có 18 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**7. Chợ Cẩm Sơn (Chợ Bà Văn, Chợ Tham Rôn)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Cẩm Sơn).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Bà) + Tên người (Văn)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer: Tham Rôn: cây trôm).

Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, *tập 2*, chợ do một người phụ nữ tên là Bà Văn lập năm 1890, nên có tên là chợ Bà Văn. Do chợ nằm ở gần cầu Tham Rôn và rạch Tham Rôn nên còn được gọi là chợ Tham Rôn. Năm 2010, chợ được xây cất mới, có tên chính thức là chợ Cẩm Sơn.

Chợ loại 3, ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, diện tích 1.200 m², có 18 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**8. Chợ Hiệp Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hiệp Đức).

Chợ loại 3, ở xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, diện tích 1.200 m², có 14 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**9. Chợ Hội Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hội Xuân).

Chợ loại 3, ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, diện tích 1.500 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**10. Chợ Mỹ Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Long).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, diện tích 714 m², có 21 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**11. Chợ Ngã Năm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã Năm).

Chợ loại 3, ở xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, diện tích 9.200 m², có 40 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, kim khí điện máy, quần áo, tạp hóa,…

**12. Chợ Ngũ Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Ngũ Hiệp).

Chợ loại 3, ở xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, diện tích 1.528 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**13. Chợ Phú An (Chợ Cái Lá)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú An).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Lá: chỉ những hàng dừa nước mọc ken dầy ở hai bên bờ sông).

Chợ loại 3, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, diện tích 1.374 m², có 46 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**14. Chợ Tam Bình (Chợ Cả Công)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tam Bình).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Hương cả, gọi tắt là Cả) + Tên người (Huỳnh Thanh Công).

Chợ do Hương cả Huỳnh Thanh Công (Cả Công) lập vào đầu thế kỷ XIX. Đây là chợ loại 3, ở xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, diện tích 4.196 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**15. Chợ Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phong).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, diện tích 800 m², có 16 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**16. Chợ Thạnh Lộc**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Lộc).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, diện tích 1.944 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**17. Chợ Xoài Tư**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Xoài) + Số lượng (Tư). Xoài Tư là nơi có cây xoài cổ thụ có bốn nhánh to hoặc là nơi có bốn cây xoài to.

Chợ được thành lập năm 1853. Trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* được xuất bản đầu thế kỷ XX, Nguyễn Liêng Phong viết:

*Đương khi thiết lập đồn điền,*

*Hãy còn nền chợ ở miền Xoài Tư.*

Đây là chợ loại 3, ở xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, diện tích 2.500 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**\* Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

**1. Kho Bà Tồn**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho: là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...) + Giới tính (Bà) + Tên người (Tồn).

\* Khái quát Kho Bà Tồn:

- Địa chỉ: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: 0273.3816670       Fax:0273.3816665

**- Hoạt động chính:** Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Diện tích: 3.202,2 m2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 1.400 m2

- Tổng tích lượng quy ra gạo: 5.000 tấn

**- Máy móc thiết bị:**

+ 02 cân điện tử thành phẩm

+ 01 dây chuyền xát và lau bóng gạo lức với tổng năng suất 10 tấn/giờ.

+ 01 dây chuyền đấu trộn gạo trắng năng suất 30 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 140 tấn.

+ 02 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 25tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 103m.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 6 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 30.000 tấn/năm.

**2. Kho Mỹ Phước Tây**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phước Tây).

\* Khái quát Kho Mỹ Phước Tây:

- Địa chỉ: xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, Tiền Giang

- Điện thoại: 0273.3777555                  Fax: 0273.3777666

**- Hoạt động chính:** Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Diện tích : 4.115,2 m2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 1.764 m2

- Tổng tích lượng quy ra gạo: 5.500 tấn

**- Hoạt động chính:** Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

**- Máy móc, thiết bị:**

+ 01 dây chuyền xát và lau bóng gạo lức đạt năng suất 8 - 10 tấn/giờ.

+ 01 dây chuyền đấu trộn gạo trắng 25 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 110 tấn.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 98m.

- Năng lực chế biến: 40.000 tấn/năm

**3. Kho Phú Cường**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Phú Cường).

\* Khái quát Kho Phú Cường:

- Địa chỉ: Xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại : 02733.827338

- Năm thành lập : 12/07/2006

- Hoạt động chính : Xay xát, chế biến và kinh doanh gạo xuất khẩu và nội địa. dịch vụ công ích: phơi , sấy, bảo quản nông sản, gia công xay xát lúa, lau bong gạo, môi giới mua bán nông sản cho nông dân, thông tin giá cả, thị trường nông sản, hàng hóa.

- Diện tích : 26.219 m²

- Diện tích chứa : 15.000 m²

- Tổng tích lượng quy ra gạo 47.100 tấn

- Năng lực xay xát, chế biến lúa, gạo:

+ Sấy lúa : 200 tấn/ngày

+ Xay xát, bóc vỏ lúa : 20 tấn/giờ

+ Xát trắng và lau bóng : 32 tấn/giờ

- Máy móc, thiết bị :

+ 3 dây chuyền Xát và lau bóng gạo lức đạt năng suất 8 -10 tấn/giờ

+ 4 dây chuyền Đấu trộn gạo trắng 25 tấn/giờ

+ 10 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 110 tấn

+ 62 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hoá trong kho với tổng chiều dài 500 m.

- Năng lực chế biến 45.000 tấn/năm.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1. Trường Trung học phổ thông Lưu Tấn Phát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Lưu Tấn Phát).

Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 828 315

Trang thông tin điện tử: <http://luutanphat.tiengiang.edu.vn>

Email: c3luutanphat.tiengiang.edu.vn

Năm 1980, Phân hiệu Tam Bình trực thuộc Trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều được thành lập. Năm 1986, Trường Trung học phổ thông Tam Bình được thành lập theo Quyết định số 110/UB ngày 09/01/1986 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2005, trường được đổi tên thành tên Trường Trung học phổ thông Lưu Tấn Phát theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 20/07/2005 của Ủy ban Nhân dân Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**LƯU TẤN PHÁT**

**(1910 – 1966)**

Lưu Tấn Phát, bí danh Ba Đoàn, sinh năm 1910 tại làng Long Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung lưu yêu nước.

Sau khi tốt nghiệp bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, TP Mỹ Tho), ông học sư phạm tại Trường Sư phạm Sài Gòn; rồi trở thành giáo viên dạy học tại Trường Tiểu học Long Khánh, huyện Cai Lậy. Là một trí thức dưới chế độ thực dân Pháp, ông luôn mang trong lòng nỗi đau của người dân mất nước và nung nấu ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì thế, khi Chi hội Hội Việt Nam cách mạng thanh niên xã Long Trung được thành lập, ông đã tích cực tham gia và hoạt động rất năng nỗ nhằm giáo dục, tuyên truyền và giác ngộ cách mạng cho đội ngũ nhà giáo và học sinh tại những nơi ông dạy học.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 - 2 - 1930), ông càng hăng say công tác và luôn tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đấu tranh giành nền độc lập cho đất nước. Năm 1940, ông là một trong những hạt nhân nòng cốt trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ diễn ra rất sôi nổi và quyết liệt ở xã nhà.

Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Tuy giữ được bí mật của nhân thân, nhưng ông cũng bị chính quyền thực dân nghi ngờ; nên đầu năm 1941, ông bị buộc thuyên chuyển đến dạy học ở huyện An Hóa, tỉnh Bến Tre. Tại nhiệm sở mới, bất chấp sự nguy hiểm của thời kỳ địch đang tiến hành cuộc “khủng bố trắng”, ông lại âm thầm xây dựng cơ sở cách mạng. Chính quyền thực dân, do không đủ chứng cớ để bắt, nên buộc ông phải thôi dạy học vào giữa năm 1942.

Liền ngay lúc đó, ông trở về Mỹ Tho, mướn một góc sân của tiệm buôn Nam Thành để sửa đồng hồ. Năm 1943, ông mở tiệm sửa và bán đồng hồ, lấy tên hiệu buôn Tấn Phát ở đường Trưng Bắc - Mỹ Tho, nhằm tạo nguồn tài chánh cho đoàn thể và biến nơi đây trở thành tụ điểm hội họp, liên lạc của cách mạng. Tháng 8 - 1945, hòa trong khí thế sôi nổi của quần chúng, ông nhiệt tình tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho.

Cuối tháng 10 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Mỹ Tho. Với lòng yêu nước nồng nàn và ý chí quyết tâm bảo vệ thành quả của cách mạng cũng như nền độc lập của Tổ quốc, ông đã hiến toàn bộ tài sản cho cách mạng và thoát ly ra bưng biền tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ tháng 10-1945 đến cuối năm 1947, ông phụ trách Dân quân huyện Cai Lậy, làm Huyện đội phó. Năm 1948, ông được đề bạt làm Huyện đội trưởng, chỉ huy nhiều trận đánh vào các đồn bót của địch trên địa bàn huyện, thu được những chiến công oanh liệt. Trong thời gian này, các chiến sĩ thuộc Huyện đội Cai Lậy chiến đấu rất tài giỏi với danh xưng “Bộ đội thầy giáo Phát”. Năm 1949, ông được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Năm 1950, ông được phân công làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Mỹ Tho, phụ trách Mặt trận 15A. Năm 1952, ông tham gia Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách Huyện đội chánh.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam tiếp tục chiến đấu,  làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách các xã phía trong của huyện Cai Lậy. Lúc bấy giờ, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn kiên trì bám trụ địa bàn được phân công, ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, lực lượng chính trị của quần chúng và nhất là lực lượng vũ trang, góp phần quan trọng trong việc chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân huyện nhà tiến lên vững chắc, trở thành một trong những địa phương có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất của tỉnh Mỹ Tho.

 Năm 1956, ông được điều động lên Khu 2 Trung Nam Bộ (Khu 8 sau này), được phân công chỉ huy lực lượng vũ trang của Khu dưới danh nghĩa là lực lượng giáo phái ly khai “Cao Thiên Hòa Bình” (Cao Đài, Thiên Chúa, Hòa Hảo, Bình Xuyên) nhằm chống chính quyền thân Mỹ của Ngô Đình Diệm, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ của địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Sau đó, ông được giữ chức vụ Chủ nhiệm hậu cần Quân khu 2 Trung Nam Bộ với cấp bậc Trung tá. Đây là lúc Mỹ đang đổ quân viễn chinh Mỹ ồ ạt vào miền Nam; và vì thế, cường độ của chiến tranh trở nên vô cùng khốc liệt. Tuy nhiên, với sự năng nỗ, nhiệt tình, không ngại khó khăn, gian khổ, ông đã làm mọi cách để đảm bảo hậu cần cho lực lượng vũ trang của toàn quân khu, giúp cho các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chiến đấu.

Năm 1966, trên đường đi công tác, ông đã bị trực thăng của địch bắn anh dũng hy sinh tại Cả Trắp, tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp). Được biết, ông có tất cả 7 người con đều tham gia cách mạng, trong đó có 3 người đã anh dũng đền nợ nước.

Trong quá trình tham gia cách mạng, ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba, 03 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 13; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam:00; nữ: 02. Công đoàn: 80 công đoàn viên; nam: 40; nữ: 40. Đoàn thanh niên: 680 đoàn viên, nam: 304; nữ: 376.

Tổng số viên chức: 80; nam: 40; nữ: 40. Tổng số giáo viên: 73; nam 38; nữ: 35. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 68; Cử nhân (Cao đẳng): 01. Tổng số học sinh: 1.660; nam: 716; nữ: 944.

Tổng diện tích: 3.8514,3 m2; diện tích sử dụng : 4.962m2

Trường có 05 dãy lầu, trong đó: 03 dãy 1 trệt, 1 lầu; 01 dãy 1 trệt, 2 lầu; 01 dãy 1 trệt; 3 lầu.

Phòng làm việc: 04; Phòng học: 24; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng vi tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01 ; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu; Hồ bơi: 01.

**2. Trường Trung học phổ thông Phan Việt Thống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Phan Việt Thống).

Địa chỉ: Khu phố Bình Ninh, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733772128

Trang thông tin điện tử: <http://phanvietthong.tiengiang.edu.vn>

Email: [c3phanvietthong.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3phanvietthong.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 2003, Trường Trung học phổ thông Phan Việt Thống được thành lập theo Quyết định số 2773/QĐ-UB ngày 24 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt trên trường:

# PHAN VIỆT THỐNG

# (1930 – 1971)

Phan Việt Thống tên khai sinh là Phan Văn Thống , sinh năm 1930 tại làng Tân Bình, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1947, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập đội du kích của xã nhà, chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, nên đầu năm 1954, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng xã Tân Bình.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7 – 1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam, tiếp tục cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Dưới sự chỉ huy của ông, đội du kích xã Tân Bình đã đánh hàng chục trận, làm thất bại nhiều cuộc càn quét ác liệt của địch, từng bước mở rộng vùng giải phóng của xã. Năm 1962, ông được bầu làm Bí thư Xã ủy Tân Bình.

Năm 1963, do yêu cầu của chiến trường huyện Cai Lậy vốn rất nóng bỏng và căng thẳng, ông được bổ sung vào Huyện đội, phụ trách du kích liên xã; và đến năm 1967, đảm nhận trọng trách là Huyện đội trưởng. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, ông là người chỉ huy quân dân trong huyện thực hiện các cuộc tiến công mạnh mẽ vào các đồn bót và căn cứ quân sự của địch ở trên toàn huyện Cai Lậy, lập nên những chiến công vang dội, tiêu biểu là trận diệt đồn Cây Kè (xã Mỹ Thành), đồn Lộ Quẹo (xã Phú Nhuận) và giải phóng tuyến lộ 12 từ xã Mỹ Phước Tây đến xã Tân Bình,... Sau đó, ông chỉ huy bộ đội địa phương huyện và du kích các xã kiên quyết đánh địch phản kích, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng ở bắc Lộ 4 và các lõm du kích ở nam Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1).

Năm 1969, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội địa phương quân huyện Cai Lậy tấn công tiêu diệt 1 trung đội Mỹ khi bọn chúng càn quét ở lộ Hòa Thượng (xã Phú Nhuận). Cũng trong năm này, ông được giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Cuối năm 1970, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện Cai Lậy được chia thành hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc. Đầu năm 1971, ông được bầu làm Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện ủy Cai Lậy Bắc. Vào thời điểm này, tuy địch tăng cường đánh phá ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám sát địa bàn, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương tiến lên.

Ngày 8-12-1971, địch đổ bọn biệt kích bất ngờ bao vây căn cứ Huyện ủy đóng ở khu vườn Bờ Rô, ấp Bình Hưng, xã Bình Phú. Với tinh thần thà hy sinh chứ nhất quyết không để địch bắt sống, ông đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30 – 4 – 1975), ông được Nhà nước truy tặng nhiều Huân chương cao quý. Bí danh của ông - Phan Việt Thống - được đặt tên trường trung học phổ thông ở thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy; tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên; nam: 13; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 46. Đoàn thanh niên: 1.256 đoàn viên; nam: 598; nữ: 658.

Tổng số viên chức: 72; nam: 26; nữ: 46. Tổng số giáo viên: 62; nam: 21; nữ: 41. Thạc sĩ: 19; Cử nhân (Đại học): 48; Cử nhân Cao đẳng: 01; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.321; trong đó nam: 581; nữ: 740

Tổng diện tích: 1.973.7 m²; diện tích sử dụng: 1.973.7 m²

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 09; Phòng học 23; Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 02; Nhà vệ sinh: 04 khu; căn tin; nhà xe.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Phan Văn Cẩm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Cẩm).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733811726

Trang thông tin điện tử: thcsphanvancam.pgdcailay.edu.vn

Email: c2phanvancamel.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Long Tiên và Trường Phổ thông cấp 2 Long Tiên được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Tiên. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Tiên. Năm 2011, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phan Văn Cẩm theo Quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**PHAN VĂN CẨM**

**(1928 - 1967)**

Phan Văn Cẩm sinh năm 1928 tại làng Long Tiên, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Tiên , huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1961, ông giác ngộ cách mạng, tham gia Đội du kích xã. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, năm 1963, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tháng 12/1964, ông được đề bạt giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ xã Long Tiên. Tháng 9/1965, ông là Bí thư Chi bộ xã Long Tiên. Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy do ông làm Bí thư, phong trào cách mạng ở xã Long Tiên phát triển vô cùng mạnh mẽ, là xã được Tỉnh ủy Mỹ Tho chọn làm căn cứ của Tỉnh ủy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 02/1967, ông được tín nhiệm bầu làm Huyện ủy viên Huyện ủy Cai Lậy.

Ngày 02/3/1967, trong một chuyến đi công tác, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06. Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 436 đội viên; nam: 239; nữ: 197.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 12; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 25; nam: 12; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 436; nam: 239; nữ: 197.

Tổng diện tích: 2.384 m²; diện tích sử dụng: 2.384 m²

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Trần Minh Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Trần Minh Châu).

Địa chi: Ấp 4, xã Cẩm sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733911397

Trang thông tin điện tử:

Email: c2camsoncl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Cẩm Sơn và Trường Phổ thông cấp 2 Cẩm Sơn được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Cẩm Sơn. Năm 1991, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Cẩm Sơn. Năm 2012, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2015, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trần Minh Châu theo Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**TRẦN MINH CHÂU**

**(1902 – 1941)**

Trần Minh Châu, tên khai sinh là Trần Văn Phát, sinh năm 1902 tại làng Cẩm Sơn, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông học ở trường làng, trường quận rồi lên Sài Gòn vừa làm thuê, vừa đi học. Ông có trình độ học vấn Diplôme thời Pháp (tương đương với cấp trung học cơ sở ngày nay).

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, tham gia cách mạng và hoạt động ở Cai Lậy. Trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Cao trào dân chủ 1936 - 1939, ông làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, đòi tự do, dân chủ. Năm 1939, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Tháng 11/1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ ở Cai Lậy. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Trong một lần đi công tác, ông bị quận trưởng Cai Lậy Nguyễn Văn Tâm (Quận Tâm) bắt được. Trải qua các nhà tù Cai Lậy, Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông luôn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, kiên quyết không khai báo, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhân dân.

Tại Tòa án đại hình Sài Gòn, với vốn Tiếng Pháp thông thạo, ông không cần luật sư biện hộ mà tự bào chữa một cách đanh thép, kiên quyết bác bỏ những lập luận vu khống của bọn quan tòa thực dân, nêu cao lòng yêu nước và lý tưởng giải phóng dân tộc của những chiến sĩ cách mạng. Sau đó, ông bị kết án tù khổ sai, đày đi Côn Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, nơi được mệnh danh là “địa ngục trần gian”, bất chấp đòn roi hành hạ, khủng bố của bọn cai ngục, ông vẫn không sờn ý chí kiên cường, bất khuất; tham gia sinh hoạt Đảng; tích cực đấu tranh chống đánh đập, cực hình; đòi cải thiện chế độ lao tù.

Năm 1941, do bị tra tấn cùng với sự thiếu ăn thường xuyên, sức khỏe của ông suy kiệt dần và hy sinh tại Côn Đảo. Ông đã cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì nền độc lập, tự do cho Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chỉ ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 00. Đội Thiếu niên: 535 đội viên; nam: 274; nữ: 261.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 16; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 29; nam: 15; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 535; nam: 274; nữ: 261.

Tổng diện tích: 6.337,6 m²; diện tích sử dụng: 6.337,6 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 11; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**3. Trường Trung học cơ sở Hiệp Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức).

Địa chỉ: Ấp Hiệp Nhơn, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733911829

Trang thông tin điện tử:

Email: c2hiepduccl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Hiệp Đức và Trường Phổ thông cấp 2 Hiệp Đức được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Đức. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hiệp Đức theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hiệp Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 08 đảng viên; nam: 05; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 12. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02. Đội Thiếu niên: 395 đội viên; nam: 193; nữ: 202.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 13 ; nữ: 12. Tổng số giáo viên: 23; nam: 12 ; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 395; nam: 193; nữ: 202.

Tổng diện tích: 4.554 m²; diện tích sử dụng: 4.554 m²

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**4. Trường Trung học cơ sở Hội Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hội Xuân)

Địa chỉ: Ấp Hòa Điền, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3 912 354

Trang thông tin điện tử: http://thcshoixuan.pgdcailay.edu.vn

Email: c2hoixuancailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Hội Xuân và Trường Phổ thông cấp 2 Hội Xuân được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hội Xuân. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hội Xuân theo Quyết định số 58/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 5; nữ: 5; Chi ủy: 03; nam: 03 ; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ:01. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 14 ; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03; Đội thiếu niên: 390 đội viên; nam: 183; nữ: 207.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 14; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 25; nam: 14; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 20 ; Cử nhân (cao đẳng): 05. Trung học sư phạm: 00. Trình độ khác: 00.

Tổng số học sinh: 390; nam: 190; nữ: 200.

Tổng diện tích: 8.101,3 m2; diện tích sử dụng: 2.291,0m2

Trường có 01 dãy lầu, 2 tầng, phòng làm việc:07; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**5. Trường Trung học cơ sở Long Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Trung).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733811646

Trang thông tin điện tử: thcs-longtrung-tiengiang.violet.vn

Email: c2longtrungcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1973, Trường Trung học tỉnh hạt liên xã Long Trung - Long Tiên được thành lập. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trường hợp nhất với Trường Tiểu học cộng đồng Mỹ Đông Trung thành Trường Phổ thông cơ sở Long Trung. Năm 1979, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Trung A. Năm 1992, bộ phận Cấp II tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Trung theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 18 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 04; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 47 đoàn viên; nam: 17; nữ: 30. Đội thiếu niên: 886 đội viên; nam: 472; nữ: 414.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 17; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 41; nam: 17; nữ: 24. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 20.

Tổng số học sinh: 898; nam: 472; nữ: 426.

Tổng diện tích: 5.389 m²; diện tích sử dụng: 4.750 m².

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03. Thư viện, 01 phòng Y tế, 01 phòng tiếp dân, 01 phòng thiết bị xuống cấp trầm trọng.

**6. Trường Trung học cơ sở Mỹ Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Long).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733799061

Trang thông tin điện tử: [http://thesmylong.tiengiang.edu.vn](http://thesmylong.tiengiang.edu.vn/)

Email: c2mylongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Long và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Long được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Long. Năm 1994, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Long. Năm 2012, trường nhận được Quyết định số 1876/ QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy về việc công nhận tên và năm thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Long. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Long.

Năm 2023, Chỉ bộ nhà trường có 08 đảng viên; nam 06; nữ: 02. Ban giám Hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 17; nữ: 20. Đội thiếu niên: 804 đội viên; nam: 379; nữ: 425.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 17; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 35; nam 16; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng) 08.

Tổng số học sinh: 804; nam 379; nữ: 425.

Tổng diện tích: 6.219 m²; diện tích sử dụng: 6.219 m²

Trường có 01 dãy lầu, gồm có 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 10; phòng thí nghiệm 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**7. Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Bắc).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 813814

Trang thông tin điện tử: [http://thcsmythanhbac.tiengiang.edu.vn](http://thcsmythanhbac.tiengiang.edu.vn/)

Email: c2mythanhbaccailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Thành Bắc và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Thành Bắc được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Bắc. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Thành Bắc.

Năm 2023, Chỉ bộ nhà trường có 09; nam: 08; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 09. Đoàn thanh niên: 41 đoàn viên; nam: 19; nữ: 22. Đội thiếu niên: 857 đội viên; nam: 415; nữ: 442.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 13; nữ: 09. Tổng số giáo viên: 18; nam: 11; nữ: 07. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng diện tích: 4.155 m²; diện tích sử dụng: 960 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 11; phòng thí nghiệm 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**8. Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Nam).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733775524

Trang thông tin điện tử: http://thesmythanhnam2.tiengiang.edu.vn

Email: c2mythanhnam2cailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Thành Nam được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam. Năm 1980, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam chia thành Trường Phổ thông cơ sở A Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cơ sở B Mỹ Thành Nam theo Quyết định tạm thời của Ban Giáo dục huyện Cai Lậy ký ngày 04/ 09/1980 và được Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy công nhận chính thức với Quyết định số 41/QĐUB ngày 15/11/1980. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở A Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cơ sở B Mỹ Thành Nam tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 49/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2012, Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam tách thành hai trường là Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam 1 và Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam 2 theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Thành Nam.

Năm 2023, Chỉ bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 05; nữ: 12; Chỉ ủy: 04; trong đó nam: 01; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn; 64 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08. Đội Thiếu niên: 1.192 đội viên; nam: 602; nữ: 590.

Tổng số cán bộ, viên chức: 64; nam: 26; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 61; nam: 24; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 16.

Tổng số học sinh: 1.192; nam: 602; nữ: 590.

Tổng diện tích: 11.200 m²; diện tích sử dụng: 8.300 m²

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

**9. Trường Trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Địa chỉ: Ấp Bình Quới, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 816259.

Trang thông tin điện tử: http://thcsdoanthinghiep.tiengiang.edu vn 5.

Email: c2doanthinghiepcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1970, Trường Trung học tỉnh hạt Bình Phú được thành lập. Sau ngày 30/4/1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở A Bình Phú, bao gồm các lớp cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5) và các lớp cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1983, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Phú 1. Năm 1990, bộ phận Cấp 2 được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**ĐOÀN THỊ NGHIỆP**

**(1925 – 1972)**

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mảng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương “Bám trụ đánh địch” của Tỉnh đội, bà đã thành lập “ Mặt trận chống phá bình định”, mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gẫy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Huyện đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ  ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tên đường tại thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện “Rặng trâm bầu” do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch “Rặng trâm bầu” do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ: 08; Chỉ ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 23; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02. Đội thiếu niên: 976 đội viên; nam: 465; nữ: 511.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 23; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 49; nam: 22; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 29; cử nhân (cao đẳng): 19.

Tổng số học sinh: 976; nam: 465; nữ: 511.

Tổng diện tích: 9.902 m²; diện tích sử dụng: 9.902 m².

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**10. Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

Địa chỉ: Ấp Hòa Hảo, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3812910 4. Trang thông tin điện tử: /

Email: c2nguhiepcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Ngũ Hiệp và Trường Phổ thông cấp 2 Ngũ Hiệp được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Ngũ Hiệp.

Năm 2023, Chỉ bộ nhà trường có 05 đảng viên; nam: 04; nữ 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 20. Đội Thiếu niên: 631 đội viên; nam: 359; nữ: 272.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 28; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 36; nam: 27; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 22.

Tổng số học sinh: 631; nam: 359; nữ: 272.

Tổng diện tích: 8.579,9 m²; diện tích sử dụng: 8.579,9 m²

Trường có 01 dãy phòng trệt; 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**11. Trường Trung học cơ sở Phú Nhuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

Địa chỉ: Ấp Phú Tiểu, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3816181

Trang thông tin điện tử: http://thcsphunhuan.tiengiang.edu.vn

Email trường: [c2phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn)

Lịch sử nhà trường:

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú Nhuận và Trường Phổ thông cấp 2 Phú Nhuận được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú Nhuận theo Quyết định số 61/QĐ.UB ngày 30 tháng 7 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên, nam: 05; nữ: 05 ; Chi ủy: 02; nam: 02, nữ: 00. Ban giám hiệu: 01; nam: 01, nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam:12 ; nữ: 14. Đội Thiếu niên: 435 đội viên; nam: 207; nữ: 228.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26, nam: 12; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 24; nam: 11; nữ: 13. Cử nhân (đại học); 21; cử nhân (cao đẳng):05; trung cấp sư phạm:00; trung cấp: 00.

Tổng số học sinh: 435; nam: 207; nữ: 228.

Tổng diện tích: 5.119m2; diện tích sử dụng: 861m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**12. Trường Trung học cơ sở Tam Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.828.347

Trang thông tin điện tử: http://thcstambinh.pgdcailay.edu.vn

Email: c2tambinhcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Tam Bình và Trường Phổ thông cấp 2 Tam Bình được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tam Bình. Năm 1995, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Tam Bình tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tam Bình theo Quyết định số 390/QĐ.UB ngày 21/10/1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lây. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 14; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban Giám hiêu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 66 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 05; nam: 02; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 1.361 đội viên; nam: 692 ; nữ: 669.

Tổng số cán bộ, viên chức: 66; nam: 31; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 66; nam: 31; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 49; Cử nhân (Cao đẳng): 17.

Tổng số học sinh: 1.361; nam: 692 ; nữ: 669.

Tổng diện tích: 9.480m2; diện tích sử dụng: 9.480 m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng lầu và 01 tầng trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Anh văn: 01; phòng thiết bị: 02; phòng Đoàn-Đội: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

**13. Trường Trung học cơ sở Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Địa chỉ: Ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.810.006

Trang thông tin điện tử: http://thcstanphong.pgdcailay.edu.vn

Email: c2tanphongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Phong và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Phong được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong. Năm 2012, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Phong theo Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 06; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam:01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 07; nữ: 03.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam:16; nữ: 11 Tổng số giáo viên: 22; nam: 12; nữ:10. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 561; nam: 304; nữ: 257.

Tổng diện tích: 5.903 m2; diện tích sử dụng: 5.903 m2.

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng thực hành: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**14. Trường Trung học cơ sở Thạnh Lộc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Lộc).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733813085

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhloc.pgdcailay.edu.vn

Email: c2thanhloccailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Thạnh Lộc và Trường Phổ thông cấp 2 Thạnh Lộc được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Thạnh Lộc theo Quyết định số 57/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 8; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiêu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 06; nam: 03; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 739 đội viên; nam: 366 ; nữ: 373.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 19; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 30; nam: 17; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 739; nam: 366 ; nữ: 373.

Tổng diện tích: 13.976m2; diện tích sử dụng: 13.976 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng lầu và 01 tầng trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 02; phòng máy tính: 02 ; phòng thư viện: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Anh văn: 01; phòng thiết bị: 02; phòng Đoàn-Đội: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**15. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tuấn Việt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733911978

Trang thông tin điện tử: http://thcsnguyentuanviet.pgdcailay.edu.vn.

Email: c2nguyentuanvietcl.tiengiang@moet.edu.vn;

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú An và Trường Phổ thông cấp 2 Phú An được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú An. Năm 1980, Trường Phổ thông cơ sở Phú An chia thành Trường Phổ thông cơ sở A Phú An và Trường Phổ thông cơ sở B Phú An. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở A Phú An và Trường Phổ thông cơ sở B Phú An tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú An theo Quyết định số 49/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2011, Trường Trung học cơ sở Phú An được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt theo Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN TUẤN VIỆT**

**(1951 - 1975)**

Nguyễn Tuấn Việt sinh năm 1951 tại làng Phú An, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1968, ông gia nhập bộ đội, làm chiến sĩ trinh sát thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho. Năm 1971, trong một trận chiến đấu chống địch càn quét, ông bị thương nặng: mất tay trái và ba ngón của bàn tay phải. Tuy vậy, ông vẫn xin ở lại đơn vị, tiếp tục chiến đấu.

Năm 1972, địch cho 3 tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường tấn công vào xã Long Tiên (huyện Cai Lậy) và đóng Sở chỉ huy hành quân gần căn cứ của Tỉnh đội.

Được sự phân công của cấp trên, ông cùng với 6 chiến sĩ khác nhận nhiệm vụ trinh sát nơi đóng quân của địch. Bằng sự mưu trí và dũng cảm, ông và đồng đội đã hoàn thành xuất sắc công tác được giao. Ngay sau đó, bộ đội ta đã tấn công quyết liệt vào vị trí trú đóng của địch, khiến cho 3 tiểu đoàn ngụy bị tiêu hao nặng, phải rút chạy. Thừa thắng, bộ đội truy kích địch đến tận Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1), bức rút thêm 6 đồn bót, giữ vững vùng căn cứ của Tỉnh đội.

Bên cạnh đó, ông còn làm công tác đưa đón cán bộ qua lại Lộ 4. Đây là công tác cực kì nguy hiểm; bởi vì Lộ 4 là tuyến giao thông huyết mạch, địch thường xuyên phục kích, tuần tra, kiểm soát rất nghiêm ngặt. Từ năm 1972 đến đầu năm 1975, ông đã đưa đón 1.484 lượt cán bộ qua lại Lộ 4 tuyệt đối an toàn. Trong quá trình chiến đấu, với cương vị Chính trị viên đại đội trinh sát, Bộ Tham mưu Quân khu 8, ông đã chỉ huy đại đội đánh 40 trận, diệt khoảng 800 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, bản thân diệt 190 tên, làm bị thương 80 tên khác và phá hủy 9 xe quân sự, trong đó có 3 xe tăng.

Ngày 6-1-1975, ông cùng 4 đồng đội làm nhiệm vụ đưa đoàn cán bộ vượt Lộ 4, đoạn ngang qua xã Điềm Hy (huyện Châu Thành). Sau khi hoàn thành công tác; trên đường trở về, gặp phải đoàn xe bọc thép M.113 của địch chạy từ Long Định lên, sau khi ra ám hiệu cho các đồng đội ẩn nấp, ông nhanh chóng di chuyển ra mặt đường để quan sát và tìm cách đánh địch. Phát hiện ra ông, từ trên xe M.113, địch dùng súng trọng liên bắn ra. Ông bị trúng đạn và anh dũng hy sinh.

Ông được tặng 9 bằng khen và giấy khen, 3 lần được công nhận danh hiệu Dũng sĩ. Ngày 15-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được tên trường trung học cơ sở ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 07; nữ: 02; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 03; nữ: 05. Đội Thiếu niên: 893; nam: 489; nữ: 404.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 21; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 41; trong đó nam: 20; nữ: 21. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đăng): 14.

Tổng số học sinh: 893; nam: 489 ; nữ: 404.

Tổng diện tích: 6.586 m²; diện tích sử dụng: 6.586 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Bình Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú).

Địa chỉ: Ấp Bình Tịnh, thi trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733816232.

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1binhphucl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1binhphucl.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường được thành lập trước ngày 30/4/1975 với tên gọi là Trường Tiểu học Bình Long Tịnh. Năm 1976, là trường Phổ thông cơ sở Bình Phú A, bao gồm Cấp 1 (từ lớp 1 - lớp 5) và Cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1984, Cấp 1 được tách ra khỏi trường để thành lập Trường Tiểu học Bình Phú 2. Năm 1995, trường được tách ra thành 02 trường là Trường Tiểu học Bình Phú 1 và Trường Tiểu học Bình Phú 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phú.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Bình Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 12; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 07; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 62 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 00; nữ: 10 . Đội thiếu niên: 753 đội viên; nam: 402; nữ: 351

Tổng số cán bộ, viên chức: 62; nam: 26; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 60; nam: 26; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng):09; Trung học sư phạm: 13.

Tổng số học sinh: 1.149; nam: 600; nữ: 549.

Tổng diện tích: 11.646 m²; diện tích sử dụng: 11.646 m²

Cơ sở vật chất:

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 10 tầng trệt và 02 tầng lầu, phòng làm việc: 07; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

**2. Trường Tiểu học Cẩm Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733911395

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1camsoncl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1camsoncl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Cẩm Sơn. Từ năm 1977 – 1991, là Trường Phổ thông cơ sở Cẩm Sơn. Năm 1992, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Cẩm Sơn theo Quyết định số 59/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 430 đội viên; nam: 220; nữ: 210.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 19; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 31; nam: 18; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 744; nam: 383; nữ: 361.

Tổng diện tích: 6.906 m²; diện tích sử dụng: 6.906 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**3. Trường Tiểu học Hiệp Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức).

Địachỉ: Ấp Hiệp Phú, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang..

Số điện thoại: 02733923629

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1hiepduccl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1hiepduccl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Hiệp Đức. Từ năm 1977 – 1991, Trường Cấp 1 Hiệp Đức và Trường Cấp 2 Hiệp Đức hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Đức. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Hiệp Đức theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 06 đảng viên; nam: 03; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03. Đội thiếu niên: 281 đội viên; nam: 144; nữ: 137.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 12; nữ: 15.

Tổng số giáo viên: 25; nam: 11; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 486; nam: 240; nữ: 246.

Tổng diện tích: 5.188 m²; diện tích sử dụng: 5.188 m²

Phòng làm việc: 05; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**4.** **Trường Tiểu học Hội Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hội Xuân).

Địachỉ: Ấp Xuân Kiển, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733912408

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1hoixuanccl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1hoixuanccl.tiengiang@moet.edu.vn)

Sau năm 1975, trường mang tên là Trường Cấp 1 Hội Xuân A và Trường Cấp 1 Hội Xuân B. Năm 1992, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu Hội Xuân theo Quyết định số 58/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09. Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 382 đội viên; nam: 182; nữ: 200.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 13; nữ: 23.

Tổng số giáo viên: 35; nam: 12; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 651; nam: 330; nữ: 321.

Tổng diện tích: 10.422 m²; diện tích sử dụng: 10.422 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu , phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**5. Trường Tiểu học Nguyễn Chí Liêm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Liêm).

Địachỉ: Ấp Mỹ Lương, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733811818

Trang thông tin điện tử: thnguyenchiliem/sites.google.com/

Email: [c1nguyenchiliem.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1nguyenchiliem.tiengiang@moet.edu.vn)

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

Nguyễn Chí Liêm sinh năm 1937 làng Long Tiên, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Tiên , huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8/1960, ông giác ngộ cách mạng, tham gia du kích xã, sau đó được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1963 - 1965, ông là Thư ký văn phòng Huyện ủy Cai Lậy. Từ năm 1966 - 1969, ông được đề bạt giữ chức vụ Trưởng văn phòng Huyện ủy Cai Lậy

Ngày 29/11/1969, trong khi làm nhiệm vụ quan sát địch hành quân càn quét tại xã Phú An, huyện Cai Lậy, ông đã anh dũng hy sinh.

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Long Tiên. Năm 1978, Trường Cấp 1 Long Tiên và Trường Cấp 2 Long Tiên hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Tiên. Năm 1991, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Long Tiên. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Chí Liêm theo Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 15; nữ: 11. Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 00 đoàn viên; nam: 00; nữ: 00. Đội thiếu niên: 366 đội viên; nam: 272; nữ: 94.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 21; nữ: 11.

Tổng số giáo viên: 32; nam: 21; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 11.

Tổng số học sinh: 696; nam: 370; nữ: 326.

Tổng diện tích: 5.912 m²; diện tích sử dụng: 5.912 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu , phòng làm việc: 07; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**6. Trường Tiểu học Long Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Trung).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733811609

Trang thông tin điện tử: http://thlongtrung.pgdcailay.edu.vn/

Email: [c1longtrungcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1longtrungcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường được thành lập năm 1960 với tên gọi là Trường Tiểu học Mỹ Đông Trung. Năm 1976, trường đổi tên là Trường Cấp 1 Long Trung. Năm 1997, trường tách ra thành Trường Tiểu học Long Trung 1 và Trường Tiểu học Long Trung 2. Ngày 01/8/2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Long Trung.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 04; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 855 đội viên; nam: 440; nữ: 415 .

Tổng số cán bộ, viên chức: 59; nam: 18; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 58; nam: 18; nữ: 40. Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 14.

Tổng số học sinh: 1.380; nam: 729; nữ: 651.

Tổng diện tích: 5.233 m²; diện tích sử dụng: 5.233 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**7. Trường Tiểu học Mỹ Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Long).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733911395

Trang thông tin điện tử: http://thmylong.pgdcailay.edu.vn/

Email: [c1mylonggcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1mylonggcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Long được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành Trường Tiểu học Mỹ Long.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 09; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 03; nữ: 15. Đội thiếu niên: 634 đội viên; nam: 309; nữ: 325.

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 24; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 50; nam: 23; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 11.

Tổng số học sinh: 1.044; nam: 520; nữ: 524.

Tổng diện tích: 8.889 m²; diện tích sử dụng: 8.889 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**8. Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Bắc).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733813066

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1mythanhbaccl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1mythanhbaccl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Bắc được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 00; nữ: 08. Đội thiếu niên: 243 đội viên; nam: 117; nữ: 126.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 21; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 37; nam: 19; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 675; nam: 323; nữ: 352.

Tổng diện tích: 17.374 m²; diện tích sử dụng: 4.503 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 20; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 04; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

**9. Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Nam).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733775949

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1mythanhnamcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1mythanhnamcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam 1 và Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 68 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 478 đội viên; nam: 253; nữ: 225.

Tổng số cán bộ, viên chức: 68; nam: 27; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 64; nam: 25; nữ: 39. Cử nhân (đại học): 43; Cử nhân (cao đẳng): 22; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.337; nam: 713; nữ: 624.

Tổng diện tích: 11.822 m²; diện tích sử dụng: 2.416 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 45; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

**10. Trường Tiểu học Ngũ Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

Địa chỉ: Ấp Hòa Thinh, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733812069

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1nguhiepcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1nguhiepcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Ngũ Hiệp 1 và Trường Tiểu học Ngũ Hiệp 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Ngũ Hiệp theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 09; nữ: 04; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 71 công đoàn viên; nam: 36; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 429 đội viên; nam: 226; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 71; nam: 36; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 69; nam: 34; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 60; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.214; nam: 621; nữ: 593.

Tổng diện tích: 20.888 m²; diện tích sử dụng: 15.000 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 44; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

**11. Trường Tiểu học Phú An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú An).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733823850

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1phuancl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1phuancl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú An được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú An 1 và Trường Tiểu học Phú An 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Ngũ Hiệp theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 04; nam: 03; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 23 đoàn viên; nam: 03; nữ: 20. Đội thiếu niên: 699 đội viên; nam: 358; nữ: 341.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 24; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 58; nam: 22; nữ: 36. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 1.150; nam: 571; nữ: 579.

Tổng diện tích: 14.099 m²; diện tích sử dụng: 8.600 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 22; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

**12. Trường Tiểu học Phú Cường**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Cường).

Địa chỉ: Ấp 5A, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733827366

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1phucuongcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1phucuongcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Cường được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú Cường.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 367 đội viên; nam: 187; nữ: 180.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 15; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 35; nam: 12; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1.150; nam: 571; nữ: 579.

Tổng diện tích: 9.612 m²; diện tích sử dụng: 9.612 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 04; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 07.

**13. Trường Tiểu học Phú Nhuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733772006

Trang thông tin điện tử: http// thphunhuanpgdcailay.edu.vn

Email: [c1phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú Nhuận theo Quyết định số 61/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 179 đội viên; nam: 86; nữ: 93.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 17; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 30; nam: 16; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 533; nam: 269; nữ: 264.

Tổng diện tích: 10.007 m²; diện tích sử dụng: 7.000 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

**14. Trường Tiểu học Tam Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

Địa chỉ: Ấp Tây Hòa, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733828988

Trang thông tin điện tử: http// thtambinhpgdcailay.edu.vn

Email: [c1tambinhcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1tambinhcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Tam Bình 1 và Trường Tiểu học Tam Bình 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tam Bình theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 61 công đoàn viên; nam: 34; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 718 đội viên; nam: 361; nữ: 357.

Tổng số cán bộ, viên chức: 61; nam: 34; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 59; nam: 32; nữ: 27. Thạc sĩ: 01. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 10.

Tổng số học sinh: 1.204; nam: 617; nữ: 587.

Tổng diện tích: 8.770 m²; diện tích sử dụng: 8.770 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 27; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 05; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

**15. Trường Tiểu học Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Địa chỉ: Ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733810033

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1tanphongcl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1tanphongcl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Tân Phong 1 và Trường Tiểu học Tân Phong 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Phong theo Quyết định ngày 01/7/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 09; nữ: 04; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 477 đội viên; nam: 262; nữ: 215.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 28; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 52; nam: 26; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 13.

Tổng số học sinh: 808; nam: 437; nữ: 371.

Tổng diện tích: 10.970 m²; diện tích sử dụng: 10.970 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 39; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

**16. Trường Tiểu học Thạnh Lộc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Lộc).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733813065

Trang thông tin điện tử: http://ththanhloc.pgdcailay.edu.vn

Email: [c1thanhloccl.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1thanhloccl.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Thạnh Lộc 1 và Trường Tiểu học Thạnh Lộc 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Thạnh Lộc theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường ghép với Trường Mầm non Thạnh Lộc có 36 đảng viên; nam: 15; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 22 đoàn viên; nam: 07; nữ: 15. Đội thiếu niên: 562 đội viên; nam: 290; nữ: 272.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 21; nữ: 33. Tổng số giáo viên: 52; nam: 19; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 935; nam: 486; nữ: 449.

Tổng diện tích: 14.245 m²; diện tích sử dụng: 14.245 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 37; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 04; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 07.

\***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1. Kinh Kênh Hai Tân - Ông Mười**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Hai Tân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Ông Mười).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Bình, Long Tiên, Mỹ Long, Nhị Mỹ thuộc huyện Cai Lậy; xã Phú Quý, phường Nhị Quý thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Năm Thôn, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Đất, dài 12,6 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 2 - 3 m, diện tích phục vụ 3.000 ha.

**2. Kinh/Kênh Lộ Giồng Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Địa hình thiên nhiên (Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[28]](#footnote-28)) + Thực vật (Tre).



Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè; các xã Hiệp Đức, Cẩm Sơn, Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy; điểm đầu nối với Sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Xáng Mới, dài 10,55 km, bề ngang 10 - 25 m, sâu 1,0 - 3,0 m, diện tích phục vụ 625 ha.

**3**. **Kinh/Kênh Một Thước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Kích thước (Một Thước).

Kinh/Kênh lấy nước từ rạch Bà Tồn qua các xã Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc của huyện Cai Lậy và xã Hội Cư, Hậu Mỹ Trinh của huyện Cái Bè . Điểm đầu tại xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy) và điểm cuối giáp Kinh/Kênh 9 của xã Hậu Mỹ Trinh (huyện Cái Bè), dài 10 km, bề ngang 25 - 35 m, sâu 2 - 6 m, diện tích phục vụ 1.787 ha.

**4**. **Kinh/Kênh Mỹ Long - Bà Kỳ**

-Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Long).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Bà Kỳ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy; phường Nhị Quí, các xã Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Đông thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với rạch Bang Lợi, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp , dài 14,58 km, bề ngang 25 - 40 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 3.383 ha.

**5. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thưở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là “Arroyo Commercial” (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: “Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh”.

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

**6.** **Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (Huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt) + Họ và tên người (Trương Văn Sanh).

Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (đoạn chảy trên địa bàn huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè) xuyên quaxã Phú Cường, huyện Cai Lậy và xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 12, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 6, dài 15,66 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 280 ha, được đào năm 1990.

**7**. **Kinh/Kênh 10**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (10).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy; điểm đầu nối với Ngã 5 Kênh 10, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt, dài 11,5 km, bề ngang 25 - 40 m, sâu 2 - 4 m, diện tích phục vụ 1.150 ha; được đào năm 2001.

**8. Kinh/Kênh 12**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (12).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Hội Xuân, Cẩm Sơn, Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy; các xã Thanh Hòa, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt và kinh/kênh Trương Văn Sanh, dài 30,89 km, bề ngang 40 - 60 m, sâu 3,0 - 7,0 m, diện tích phục vụ 4.603 ha.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1. Đình Bình Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú)

Đình Bình Phú tọa lạc thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, được xây dựng khoảng năm 1785. Từ ngày thành lập cho đến nay, trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, đáng chú ý nhất là lần trùng tu vào năm 1995 - 1996 đình có diện mạo khang trang như ngày nay. Đình thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục[[29]](#footnote-29), ngoài ra còn thờ ba vị vua nhà Lê là Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông và thờ các vị tổ tiên của nhà Nguyễn từ Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim đến các vị chúa Nguyễn. Đình có nhiều di vật giá trị như: đôi long trụ, hoành phi, câu đối được chạm trổ công phu, 06 sắc phong của vua Thiệu Trị và vua Tự Đức.

Đình được xây dựng theo lối chữ Tam (≡), diện tích 621,43 m², gồm có: nhà thờ Tiên sư, vỏ ca và chánh điện.

Đình Bình Phú được Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

**2. Đình Cẩm Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Đình Cẩm Sơn tọa lạc xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII. Năm 1924 đình được xây dựng lại. Trong chiến tranh, ngôi đình đã bị tàn phá. Đến năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận cho xã Cẩm Sơn xây dựng lại ngôi đình bằng nguồn kinh phí xã hội hóa.

Nơi đây còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị và tập tục sinh hoạt tín ngưỡng độc đáo: Thờ Tống Thiên Quốc Sư Đại Vương *(Quốc sư, nhà sư thời nhà Lý Thánh Tông có công bình Chiêm Thành thế kỷ thứ 11)*, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải *(thần phù hộ người đi biển)*, Chúa Xứ Thánh Nương, Ngũ Hành Nương Nương... và nhiều di vật có giá trị như: 06 sắc phong của vua Thiệu Trị (1845) và vua Tự Đức (1850)*.*

Đình được xây dựng theo kiểu chữ Nhị (=), gồm vỏ quy và chánh điện. Với diện tích 398,76m2, đình có các hạng mục: Chánh điện, Nhà khói, Bàn thờ Thần nông và các Miếu phối tự, được xây dựng bằng vật liệu hiện đại, xây tường, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc, nền lót gạch men khang trang.

Đình Cẩm Sơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

**3.** **Đình Hòa An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Ấp Hòa An).

Đình Hòa An tọa lạc tại ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy.

Theo các sắc phong còn lưu giữ, đình Hòa An được thành lập vào giữa thế kỷ XIX.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ, đình Hòa An là cơ sở cách mạng quan trọng của huyện và xã: Các vị chức sắc của đình (các ông kế hiền, ông chánh bái…) phần lớn có tham gia Việt Minh chống Pháp; là nơi che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng; là nơi lực lượng thanh niên của xã tập hợp thành lập hội đá banh, tranh thủ thế hợp pháp để hoạt động cách mạng; là cơ sở mở lớp bình dân học vụ. Năm 1960, đình là một trong những nơi phong trào đồng khởi nổi dậy rất mạnh mẽ, tiến hành diệt ác, phá kềm, làm cho bọn tề làng và lực lượng phòng vệ của địch ở xã tan rã, bỏ trốn. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước 30/4/1975, các cuộc họp của xã đều tổ chức tại đình (đến khi xây dựng trụ sở xã).

Đình có diện tích xây dựng 400m2 trên diện tích 3.860,8m2 đất gồm: vỏ ca có diện tích 114 m2, kết cấu cột kèo theo kiểu tứ trụ; chánh điện có diện tích 132 m2, được xây dựng theo kiểu tứ trụ gồm 2 tầng mái (cổ lầu); và nhà khói có diện tích 132 m2, là nơi nấu nướng trong các dịp cúng đình. Hằng năm, đình có 02 lễ cúng: Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 6 âm lịch; Lễ cúng Thượng điền vào ngày 16 tháng chạp âm lịch.

Đình Hòa An được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 26/10/2020.

**4.** **Đình Phú Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Sơn).

Đình Phú Sơn tọa lạc tại xã Phú An, huyện Cai Lậy.

Đình được xây dựng năm 1915. Về sau, ngôi đình được xây lại lớn hơn bằng gỗ gỗ quý. mái lợp ngói âm dương*.* Đình được nhiều lần trùng tu: 1936, 1960, 1995, 2000.Đình còn là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Phú An trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Khuôn viên di tích rộng 2.070 m². Đình rộng 443 m2 gồm: các bàn thờ, miếu thờ ở sân đình, vỏ ca, chánh điện, nhà khói.

Đình thờ thờ Mai Thành hoàng đại vương[[30]](#footnote-30), Cẩn Ma ha Thành hoàng đại vương[[31]](#footnote-31), Văn Khánh hầu Thành hoàng đại vương[[32]](#footnote-32).

Đình Phú Sơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

**5.** **Đình Phú Thuận Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Thuận Đông).

Đình tọa lạc tại ấp Phú Bình, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19.

Theo lời kể của những người cao tuổi, ngôi đình đầu tiên có kết cấu sườn gỗ, vách ván, nền lót gạch, mái ngói, gồm các phần vỏ ca, chánh điện và nhà tiền vãng. Đến năm 1946, vì sợ thực dân Pháp trở lại đóng đồn bót, nhân dân địa phương đã tự nguyện dỡ đình, tiêu thổ kháng chiến. Từ năm 1955 - 1958, ngôi đình được trùng tu. Mấy năm sau bị bom đạn của quân đội Sài Gòn thiêu hủy. Hiện vật còn lại là bàn Thần Nông bên ngoài sân đình được xây dựng năm 1958, một số táng đá cột và 1 chiếc mõ thời kháng Pháp.

Đình Phú Thuận Đông được triều đình nhà Nguyễn cấp 6 đạo sắc phong, bao gồm: 2 đạo sắc Thần Thành hoàng và 2 đạo sắc Thần Đại càn cấp năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), 1 đạo sắc Thần Thành hoàng và Thần Đại càn được cấp năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Đình là di tích cách mạng, nơi đây là điểm tập hợp lực lượng trong phong trào Đông Dương đại hội (1936 - 1939) và cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa (tháng 11/1940). Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ năm 1971 đến năm 1974, Văn phòng Huyện ủy Cai Lậy Bắc về đóng căn cứ ở đây. Cơ quan Ban Tuyên giáo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Trường Thiếu sinh quân Trừ Văn Thố, Quân y huyện… cũng từng đóng quân ở đây.

Đình Phú Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 26/10/2022.

**6.** **Đình Giai Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chí xưa (Thôn Giai Phú).

Đình Giai Phú tọa lạc ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào thế kỷ giữa thế kỷ 19. Đình còn có tên gọi khác là đình Cả Gáo (đọc trại từ Cái Gáo), do vùng này xưa kia mọc rất nhiều cây gáo - một loại cây lấy gỗ khá phổ biến ở vùng Đồng Tháp Mười. Năm 1852, đình được vua Tự Đức ban sắc phong nhưng sắc phong đã bị cháy trong một lần giặc Pháp đốt phá đình.

Không chỉ là nơi cúng bái của người dân địa phương, đình Giai Phú còn là di tích lịch sử cách mạng của huyện Cai Lậy trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tại đây đã diễn ra các cuộc hội họp bí mật của cách mạng; từng là trụ sở Ủy ban Hành chánh kháng chiến huyện Cai Lậy, Ủy ban Nhân dân cách mạng và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng xã Mỹ Thành và là nơi thường xuyên tổ chức các lớp bình dân học vụ.

Đình Giai Phú đã nhiều lần bị giặc đốt phá và được dân làng xây cất lại bằng tre lá để tổ chức lễ cúng đình hàng năm. Năm 1979, đình được xây mới bằng bê tông, mái lợp tôn, nền lát gạch men. Năm 2012, ngôi đình được trùng tu khang trang như ngày nay dựa theo kiến trúc của ngôi đình Nam bộ xưa, với vỏ ca, chánh điện, nhà khói và sân đình, diện tích 148 m². Đình thờ Thành hoàng làng và tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ. Ngoài ra, còn có bàn thờ Thần nông, bàn thờ Tiên sư và bia ghi danh 57 liệt sĩ của Ấp 5.

Lễ cúng đình được tổ chức 3 kỳ trong năm: ngày 16, 17 tháng 4 (gọi là lễ Hạ Điền); ngày 11, 12 tháng 12 (lễ Thượng Điền) và cúng ốm đau dịch tễ vào ngày mùng 7 tháng Giêng âm lịch.

Đình Giai Phú được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

**7. Đình Long Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (xã Long Trung).

Đình Long Trung tọa lạc tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, **được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19.**

Đình Long Trung thuộc loại hình kiến trúc nghệ thuật cổ, có giá trị về lịch sử. Theo sắc phong của Triều Nguyễn vào năm 1841 (thời vua Thiệu Trị) phong cho Thần làng Mỹ Đông Trung (nay là xã Long Trung) là Thượng Đẳng Thần, gồm có 6 lá sắc thần: 03 lá Đại Càn thờ ở Miếu, 03 lá thờ ở đình. Nhìn tổng thể kiến trúc, đình được xây dựng theo dạng chữ tam (≡) gồm 3 dãy nhà ngang: vỏ ca, chánh điện, hậu đường đều được xây dựng bằng các loại gỗ quí, gạch ngói và chất kết dính là hồ ô dước theo kỹ thuật truyền thống; kèo cột, xiên trích và bộ sườn của mái kết cấu với nhau bằng hệ thống mộng, chốt rất tinh vi và sắc sảo. Bên trong đình được trang trí các bao lam, cửa võng, các tấm hoành phi, câu đối, các bàn thờ… được chạm trỗ công phu, tinh xảo, đặc sắc.

Đình Long Trung còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể rất độc đáo ở Tiền Giang. Đặc biệt là các tấm hoành chạm 3 lớp kết hợp với các tượng tròn trang trí bên trên, các nghi thức tế lễ và lễ hội chưng nghi của nhân dân vào ngày 16/11 (âm lịch) hàng năm.

Mỗi năm đình có 03 lần cúng vào các ngày 12/01; 16-17/11 và 12/12 (âm lịch). Lần cúng vào ngày 16-17/11 là lệ cúng Kỳ Yên. Đây là lần cúng quan trọng và lớn nhất ở Đình Long Trung. Trong lần cúng này có tổ chức trưng bày những tác phẩm chưng kết, hoa kiểng, mâm ngũ quả… là những nông sản của nhân dân địa phương làm ra, đồng thời trong lễ hội Kỳ Yên cũng là dịp trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

Đình Long Trung được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13/9/1999.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

**Khái niệm Chùa**

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

**Chùa Phước Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Phước Sơn).

Chùa Phước Sơn tọa lạc tại xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ 19. Trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp, chùa bị quân Pháp tàn phá hoàn toàn. Nhân dân dựng lại vào năm 1960. Đến năm 1965, do chiến tranh, chùa được dời ra đồng. Năm 1972, chùa dời về vị trí hiện nay. Năm 1978, phật tử tại chợ An Đông, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh 04 tượng Phật về tôn trí ở chùa. Năm 1980, ngôi chùa được trùng tu. Khuôn viên Chùa Phước Sơn có diện tích 3.127,6 m2, gồm: Chánh điện, Hậu tổ, nhà bếp, nhà ăn.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cứu nước, Chùa Phước Sơn là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Mỹ Thành Nam và của huyện Cai Lậy. Đây là nơi được sử dụng làm xưởng chế tạo vũ khí, từng là nơi đóng quân của Tiểu đoàn 307, Tiểu đoàn 261, Tiểu đoàn Đặc công 283 và lực lượng cách mạng địa phương.

Chùa được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1. Thánh thất Bình Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Thánh thất Bình Phú được xây dựng năm 1935, xây dựng mới năm 2009, tọa lạc tại ấp Bình Quới, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy.

**2. Thánh thất Long Tiên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chánh (xã Long Tiên).

Thánh thất Long Tiên được xây dựng năm 1965, xây dựng mới năm 1990, tọa lạc tại ấp Mỹ Thạnh A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**3. Thánh thất Phú Cường - Thạnh Lộc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Cường - xã Thạnh Lộc).

Thánh thất Phú Cường - Thạnh Lộc được xây dựng năm 1958, xây dựng mới năm 2011, tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Cai Lậy.

**4. Thánh thất Tam Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tam Bình).

Thánh thất Tam Bình được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy.

**5. Thánh thất Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Phong).

Thánh thất Tân Phon, được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. **Xóm Chòi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Chòi: Nhà nhỏ được dựng sơ sài trên cây cao, thường dùng làm nơi canh phòng).

Vào giữa thế kỷ 18, ông Hồ Đắc Lại từ Xứ Truồi - Huế (nay thuộc hai xã Lộc An và Lộc Điền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế) di cư vào thôn Mỹ Đông Trung (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) khẩn hoang, lập nghiệp. Khi mới đến vùng đất mới, do có nhiều thú dữ, nhất là cọp và rắn, nên ông dựng chòi trên cây cao để cư trú. Về sau, người dân đến khai hoang ngày càng nhiều. Từ đó, hình thành nên Xóm Chòi. Ông Hồ Đắc Lại và vợ được dân gian gọi là ông Chòi, bà Chòi.

Địa danh này liên quan đến trận đánh bọn biệt kích quân đội Sài Gòn ngày 26/01/1968 của Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho. Trận đánh này, ta tiêu diệt khoảng 100 tên địch (trong đó có 05 cố vấn Mỹ), bắn rơi 01 chiếc máy bay trực thăng, thu 100 súng các loại và 07 máy truyền tin PRC25. Chiến thắng Xóm Chòi tạo điều kiện thuận lợi cho lực lương vũ trang huyện Cai Lậy phát triển mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

**2. Xóm Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tre).

Xóm Tre là xóm nhà có nhiều bụi tre. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Tre, gồm:

- Xóm Tre (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Nơi đây là căn cứ lõm (căn cứ cách mạng nằm sâu trong vùng địch tạm chiếm, có quy mô nhỏ) của lực lượng du kích Phường 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

- Xóm Tre (Huyện Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Tại đây, đêm 24 rạng sáng ngày 25/7/1967, Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho tập kích Sở chỉ huy hành quân của Tiểu đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ, tiêu diệt hơn 100 lính Mỹ, thu 160 súng các loại, 03 máy truyền tin PRC25 và thu hồi toàn bộ số súng mà địch lấy được của Tiểu đoàn 263 (chủ lực Quân khu 8) ngày 23/7/1967. Đây là trận đánh trực tiếp với lính Mỹ giành được thắng lợi giòn giã nhất của Tiểu đoàn 514 trên chiến trường Mỹ Tho năm 1967.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

**Khái niệm:**

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

**1. Xứ Ba Rài**

Xứ Ba Rài là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Hội và thôn Cẩm Sơn, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy và xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Ba Rài: Theo Vương Hồng Sển, Ba Rài là “hồ chứa nước lớn để dùng vào việc dẫn thủy nhập điền”[[33]](#footnote-33). Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Ba Rài có nghĩa là “hồ chứa nước ngọt”[[34]](#footnote-34).

Xứ Ba Rài là vùng đất có hồ lớn chứa nước ngọt. Xứ Ba Rài có liên quan đến chiến thắng Ba Rài ngày 15/9/1967 tại xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy. Chiến thắng này có ý nghĩa vô cùng to lớn trong tiến trình cách mạng miền Nam. Đây là trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, tàu chiến và phương tiện chiến tranh của Mỹ nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long; thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn sáng tạo, năng động, đầy quyết tâm của Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho trong giai đoạn đối đầu với chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch. Đồng thời, chiến thắng Ba Rài đánh dấu bước trưởng thành vượt bật của lực lượng võ trang tỉnh Mỹ Tho và Khu 8, tạo ra nền tảng vững chắc để bộ đội ta lập nên những chiến thắng lẫy lừng sau đó. Nếu chiến thắng Ấp Bắc ngày 2/1/1963 làm thất bại chiến thuật cơ động bằng xe bọc thép và máy bay trực thăng (chiến thuật “thiết xa vận”, “trực thăng vận”), báo hiệu sự phá sản tất yếu của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy, thì chiến thắng Ba Rài là chiến thắng của một trận đột phá, có tính chất quyết định trong việc bẻ gãy chiến thuật “Thiết giáp hạm trên sông” của lực lượng hỗn hợp hải lục Mỹ, có không quân và pháo binh yểm trợ tối đa, góp phần quan trọng trong việc đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đối phương trên toàn chiến trường miền Nam.

**2. Xứ Dầu Chai**

Xứ Dầu Chai là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Đông Thượng, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Vật liệu (Dầu chai: dầu được cất từ nhựa của cây chai dùng để trám chỗ hở của xuồng, ghe).

Xứ Dầu Chai là vùng đất có nghề sản xuất dầu chai.

**3**. **Xứ Nam Mai**

Xứ Nam Mai là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Chánh Đông, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Thực vật (Nam Mai, còn gọi là Bạch mai - Mai trắng hay mai mù u).

Xứ Nam Mai là nơi trồng nhiều cây bạch mai/mai trắng hay mai mù u. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có hai địa danh Chùa Cây Mai và Gò Cây Mai là để chỉ loài Bạch Mai. Cảnh gò và chùa cây mai ở đây đã trở thành đề tài xướng họa của nhiều thi nhân trong nửa đầu thế kỷ XIX.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. **Khu du lịch sinh thái miệt vườn Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái miệt vườn)+ Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Cù lao Tân Phong nằm trên sông Tiền, phía trên cù lao Năm Thôn, dọc theo chợ nổi Cái Bè, thuộc xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, có diện tích tự nhiên là 24,3 km² [[35]](#footnote-35).

Trên cù lao có các cồn nhỏ: Cồn Quản Thoi (7,1 ha), cồn Giáo Đôi (2,2 ha), cồn Quản Lý (40,1 ha) ở ấp Tân An, Cồn Giữa (48,2 ha) ở ấp Tân Bường B, Cồn Đại Diện (41,9 ha), Cồn Ngậm (42,7 ha), Cồn Tre (20,2 ha) ở ấp Tân Thái, Cồn Bầu (16,2 ha) ở ấp Tân Bường A, Cồn Trích ở ấp Tân Thiện (23 ha)…

Khác với nhiều cồn, bãi khác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, ở cù lao Tân Phong đa phần bốn bên đều được đất phù sa bồi, tình trạng bị sạt lở ít xảy ra. Hàng năm các bên bờ của cù lao này đều xuất hiện thêm những diện tích bồi đáng kể. Đặc biệt là ở khu vực hạ lưu hiện nay đã xuất hiện diện tích đất bãi bồi hơn 2 ha. Ở nhiều khu vực khác của cù lao thì đất bồi cũng cách bờ vài chục mét[[36]](#footnote-36).

Cù lao Tân Phong xưa được dân gian gọi là Cồn Cù[[37]](#footnote-37). Trước năm 1808, cù lao Tân Phong có tên là thôn Tân Cù Bình An, tức cồn mới bình an, thuộc tổng Bình Dương, châu Định Viễn, dinh Long Hồ. Năm 1808, thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1836, đổi tên thành thôn Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long. Dưới thời thực dân Pháp, năm 1876, xã cù lao Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, hạt Vĩnh Long. Năm 1890, thuộc tổng Bình Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. Từ năm 1955 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; về phía chính quyền cách mạng, thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Sau năm 1975, xã cù lao Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Được phù sa bồi đắp, nước ngọt quanh năm, Tân Phong có vị trí thuận lợi trong việc phát triển kinh tế vườn cũng như nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Cù lao là vùng chuyên canh cây ăn trái (sầu riêng, chôm chôm, mít nghệ,…) và điểm du lịch sinh thái nổi tiếng của huyện Cai Lậy. Hàng năm, cứ vào mỗi dịp lễ, tết, hàng ngàn lượt du khách từ các nơi thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long lại đến Tân Phong tận hưởng thú vui “tắm cồn”. Ngoài các loại trái cây ngon, cù lao Tân Phong còn nổi tiếng với đặc sản ốc gạo. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết: “Ốc gạo vỏ trắng xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, khi nấu chín thì dưới yếm của nó lồi ra hạt mỡ trắng như hạt gạo, vị thơm ngon[[38]](#footnote-38)”. Ốc gạo ở cù lao Tân Phong sinh sản trên nhiều lưu vực sông Cồn Bầu, Cồn Tre, Cồn Tròn... Đặc biệt, ốc gạo ở Cồn Tre là ngon nhất với ốc to, vỏ màu xanh ngọc, ruột đầy. Ốc gạo đẻ vào khoảng tháng 7 âm lịch năm trước; khoảng tháng 4, tháng 5 âm lịch năm sau là đến mùa thu hoạch. Vào mùa ốc rộ, lưu vực Tân Phong, xuồng ghe tấp nập. Hàng trăm chiếc giăng mắc đan xen nhau náo nhiệt cả vùng. Đến lúc con nước vừa ròng, tiếng tù và nổi lên trầm vang trên mặt sông nước mênh mông là hiệu lệnh mọi người xúm nhau đẩy xuồng ghe ra cào ốc.

**2**. **Khu trù mật Mỹ Phước Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu trù mật: khu dồn dân do chính quyền Sài Gòn lập ra vào năm 1959 nhằm tách dân ra khỏi cách mạng. Năm 1962, do thất bại, khu trù mật bị thay thế bởi ấp chiến lược) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Phước Tây).

Khu trù mật Mỹ Phước Tây do chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1959, tọa lạc tại xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy).

Đây thực sự là trại giam lớn, tập trung hàng trăm hộ dân sinh sống chen chút, cực khổ dưới sự o ép, khủng bố của địch. Từ đó, nhân dân trong khu trù mật liên tục đấu tranh đòi trở về thôn xóm cũ.

Liên quan đến khu trù mật này có các hoạt động đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của ta. Ngày 16/6/1960, địch cho 2 tiểu đoàn biệt động quân và lực lượng phòng vệ Tổng thống phủ, có máy bay, xe thiết giáp, tàu chiến, pháo binh yểm trợ tổ chức càn quét xã Mỹ Phước Tây để chuẩn bị cho việc tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm đến chủ trì lễ khánh thành Khu trù mật Mỹ Phước Tây.

Sáng ngày 17/6/1960, địch càn quét ở khu vực Gò Đôi, gần kinh/kênh Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây. Tại đây, lính địch dàn đội hình, dùng hỏa lực mạnh bắn phá dọn đường hành quân. Trước tình hình đó, 2 trung đội bộ binh thuộc Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho và lực lượng du kích địa phương đã bí mật phục kích, chờ địch đến gần 50 m, bất ngờ đồng loạt nổ súng; đồng thời, phất cờ xung phong và dùng loa kêu gọi lính địch đầu hàng. Lầm tưởng là đụng phải bộ đội chủ lực của ta, bọn đi đầu rối loạn hàng ngũ và đầu hàng. Tuy nhiên, do quân đông, hỏa lực mạnh, bọn đi sau chống trả quyết liệt. Đến 16 giờ, lực lượng của ta chủ động rời khỏi trận địa về đến kinh/kênh Hai Hạt an toàn. Trong lúc chiến sự đang diễn ra, du kích xã Mỹ Phước Tây bí mật đột nhập vào khu trù mật, tiêu diệt một tên ác ôn và đốt cháy toàn bộ những dãy nhà “kiểu mẫu” ở đây.

Với trận đánh này, ta đã bẻ gãy cuộc càn quét của địch, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 300 tên lính, phá hủy nhiều phương tiện quân sự, bắn cháy 01 máy bay trinh sát L.19. Địch buộc phải thay đổi kế hoạch khánh thành Khu trù mật Mỹ Phước Tây.

Sau đó, ngày 11/6/1961, Nhân dân 5 xã xung quanh Khu trù mật Mỹ Phước Tây tổ chức biểu tình đấu tranh chống địch dồn dân vào khu trù mật. Quận trưởng Cai Lậy cho đại đội lính bảo an quận và lực lượng dân vệ các đồn dọc theo Lộ 12 ra ngăn chặn, bắn chết một phụ nữ tên là Thái Thị Kiểu và làm bị thương 3 người khác. Nhân dân khiêng thi hài của chị Kiểu ra thị trấn Cai Lậy đòi bồi thường nhân mạng, đòi không được càn quét, bắt bớ, gom dân vào khu trù mật. Trước sự đấu tranh quyết liệt của Nhân dân, quận trưởng Cai Lậy buộc phải nhân lỗi, cam kết bồi thưởng thỏa đáng và bỏ việc gom dân. Cuộc biểu tình giành được thắng lợi. Sau đó, địch buộc phải chuyển đổi khu trù mật thành căn cứ quân sự với tên gọi Trại Mỹ Phước Tây.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng**

**Khái niệm:**

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

**Vùng giải phóng 20 tháng 7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Động từ (Giải phóng. *Từ điển Tiếng Việt*ghi nhận*giải phóng*có 4 nghĩa. Đó là: 1. “Làm cho được tự do, cho thoát khỏi bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng”; 2. “Làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc”; 3. “Làm thoát khỏi tình trạng bị vướng mắc, cản trở” và 4. “Làm cho thoát ra một chất nào đó hay năng lượng”[[39]](#footnote-39))  + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký kết Hiệp định Genève, 20/7/1954).

Với khí thế “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”, đầu năm 1964, kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Genève (1954-1964), Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết tâm lãnh đạo nhân dân nổi dậy mở “Vùng giải phóng 20 tháng 7” bao gồm 14 xã phía Nam Lộ 4 thuộc 2 huyện Cai Lậy (8 xã: Phú An, Cẩm Sơn, Long Trung, Long Tiên, Phú Quí, Nhị Quí, Mỹ Long, Tam Bình) và Châu Thành (6 xã: Bàn Long, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng).

Đó là khu vực đông dân thuộc huyện Cai Lậy và huyện Châu Thành, có vị thế quan trọng đối với lực lượng cách mạng và quân Mỹ - ngụy; là nơi diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt giữa “bình định” của giặc và chống phá bình định của cách mạng nhằm giành quyền kiểm soát, giành đất, giành dân.

Để “bình định”, kẻ địch không từ bỏ một thủ đoạn tàn bạo nào hòng khuất phục người dân, buộc họ phải rời bỏ ruộng vườn, nhà cửa vào sống trong “khu trù mật”, “ấp chiến lược”. Thực hiện điều này, Mỹ - ngụy muốn xóa bỏ hạ tầng cơ sở của chiến tranh nhân dân, bao gồm cơ sở chính trị, căn cứ du kích, vùng giải phóng và triệt phá vùng hậu phương - nơi cung cấp quan trọng tiềm lực cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát vùng nông thôn diễn ra dai dẳng, quyết liệt trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong cuộc đấu tranh này, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Vùng giải phóng 20 tháng đã thực hiện phương châm “ba bám” (bám đất, bám dân, bám cơ sở cách mạng), “một tấc không đi, một ly không rời”, đẩy mạnh ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), không ngừng mở rộng quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng xã, ấp chiến đấu thành vùng hậu phương cho cuộc kháng chiến. Vùng giải phóng “20 tháng 7” thật sự trở thành hậu phương tại chỗ của lực lượng cách mạng, của dân quân du kích, bộ đội địa phương và các đơn vị bộ đội chủ lực quân khu và của miền.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

**Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh Hán Việt (Trường: 長: lâu, dài; Tháp: 塔: Tòa tháp).

Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp nằm ở Ấp 2, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy. Tại đây, người ta phát hiện nhiều di vật, như gạch, bình gốm, mảnh gồm vỡ, 01 linga, 01 bàn nghiền (pesani), một bệ thờ và ba đoạn của một cột đá có thể là dấu vết kiến trúc của một ngôi tháp,… thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

**1. Miệt Ba Dừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa).

Trong bài *Tản mạn Ba Dừa*, Nguyễn Ngọc Phan cho biết: “Miệt Ba Dừa gắn liền với tên con rạch nhỏ cùng tên, có lưu vực rộng, tưới mát cả vùng cây ăn trái rộng lớn của cuộc đất ven sông Tiền. Có lẽ vì vậy mà ngày xưa, bọn khai thác thuộc địa của người Pháp đã lưu ý ghi vào tài liệu. Nó có tên là rạch Trà Tân. Ở chỗ nó chia ba, ngã rẽ về hướng bắc, có tên là Ông Bảo, bản đồ xưa gọi là rạch Bà Mương, rạch Bà Bang, không biết từ lúc nào bà đổi thành ông… Ngã xuống Long Tiên nhập vào rạch Ba Dầu, còn dòng nước đổ ra sông Tiền thì đi theo nhiều hướng, có chỗ đi tắt qua xã Hội Xuân, nhập vào rạch Ba Rài gọi là tắt Trà Tân và nhiều nhánh nối qua các con rạch nhỏ chằng chịt, ngoằn ngoèo, khó tìm nơi bắt nguồn, nơi kết thúc.

Theo các vị lão niên, nơi người ta nhớ nhất là rạch Trà Tân, có một ngôi làng cổ xưa nằm trên bờ rạch - làng Trà Tân, tên làng không theo qui củ tiêu chí đặt tên và ngôi chợ cùng tên rất cổ xưa, nay không còn. Năm tháng đi qua, người ta không nhớ và không cần thiết phải nhớ Ba Dừa là cái ngã ba có những cây dừa cao vút. Nên Ba Dừa tồn tại trong ký ức của mọi người là ngôi chợ, là cái đình được công nhận di tích quốc gia và xa rộng hơn là một vùng đất nổi tiếng qua câu hát thời chống Mỹ *“ghé lại Ba Dừa ngọt vị sầu riêng”*, hay qua lời truyền miệng “cây kiểng cổ Ba Dừa”.

Miệt Ba Dừa thời chống Mỹ là vùng đất dữ. Trong chiến tranh, đất dữ không nhất thiết là nơi xảy ra những trận đánh ác liệt mà có khi nó là địa bàn cài răng lược, giằng co của ta và địch suốt cuộc chiến. Quân đội Sài Gòn đặt ở đây một chi khu quân sự nhằm kiểm soát con đường chiến thuật xuống bờ sông Tiền, đến tận Mỹ Tho. Sát sườn sào huyệt của địch là địa bàn đứng chân của ta: Ban Tuyên huấn tỉnh, Khu 8 và nhiều đơn vị lực lượng vũ trang, bộ đội chủ lực... Và Ba Dừa trong máu lửa đã được nhiều người biết đến.

Ba Dừa là vùng đất học. Ngoài họ Trần Thế, xã Long Trung còn có những kiếng họ nổi tiếng, như họ Nguyễn Đăng, tiền hiền khai khẩn và họ Hồ Đắc, hậu hiền khai cơ làng Mỹ Đông Trung. Chuyện các khoa bảng lưu danh hậu thế của hai họ này sẽ nhắc ở dịp khác. Nay xin nói về một nhân sĩ Nho học nổi tiếng ở đất Ba Dừa là cử nhân Đặng Văn Thạnh”[[40]](#footnote-40).

**2**. **Miệt chôm chôm Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Chôm chôm) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Tân Phong là cù lao sông nước thuộc huyện Cai Lậy, có đất phù sa màu mỡ, nước ngọt quanh năm, thích hợp trồng nhiều loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao mà nổi bật là chôm chôm với 550 ha, đây là diện tích trồng chôm chôm lớn nhất tỉnh Tiền Giang.

Cây chôm chôm trồng được nhiều nơi ở Nam Bộ; nhưng có lẽ không nơi đâu cho trái to đẹp, chất lượng ngon ngọt bằng chôm chôm trên đất cù lao Tân Phong. Thương hiệu “chôm chôm Tân Phong” chiếm trọn niềm tin của khách hàng phía Nam nhiều năm nay bởi chất lượng vượt trội.

Giống chôm chôm truyền thống hiện diện từ lâu đời đã làm nên tên tuổi cho miệt vườn Tân Phong là giống chôm chôm Java. Ưu điểm giống chôm chôm này là năng suất cao, dễ chăm sóc, ít sâu bệnh và giá trị kinh tế cao. Thông thường, chôm chôm trồng khoảng 4 năm tuổi trở đi bắt đầu cho thu hoạch với năng suất ổn định. Những năm về sau, vườn cây càng lâu năm, năng suất càng cao.

Để thâm canh chôm chôm đạt hiệu quả, các khâu quan trọng cần chú ý là: Tỉa cành, tạo tán, có chế độ chăm sóc phù hợp, bón nhiều phân hữu cơ hoai mục, biết xử lý để chủ động mùa vụ thu hoạch vừa trúng mùa, trúng giá và bội thu. Chôm chôm Tân Phong đã đạt chứng nhận VietGAP vào năm 2011.

Thịt chôm chôm rất giàu vitamin C, đồng, mangan, các nguyên tố khoáng vi lượng (kali, calcium, sắt,...), protein, chất béo tốt,... nên rất tốt cho sức khỏe. Chôm chôm dùng để ăn tươi hoặc đóng hộp dưới nhiều hình thức, để dự trữ hoặc xuất khẩu. Ngoài ra, chôm chôm còn được chế biến thành nhiều món ngon, như mứt chôm chôm, chè hạt sen chôm chôm, gỏi chôm chôm hải sản, bắp bò hầm chôm chôm,…

**3. Miệt Nhãn giồng Nhị Quý**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Nhãn) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Giồng) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Quý).

Nhãn Nhị Quý được trồng ở vùng đất giồng thuộc xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy. Với diện tích trồng nhãn trên 500ha, Nhị Quý là vùng chuyên canh nhãn lớn nhất ở Tiền Giang  hiện nay.

Nhãn Nhị Quý đã nổi tiếng từ rất lâu, được trồng tập trung ở các ấp Quý Thành, Quý Chánh và Quý Lợi. Nhãn ở đây có rất nhiều loại, nhưng được phân ra làm 4 loại chính: nhãn da bò, nhãn tiêu quế, nhãn xuồng cơm vàng, long nhãn. Mỗi loại có hương vị riêng, rất độc đáo. Đặc biệt, ở ấp Quý Chánh có cây nhãn da bò cổ thụ, được trồng trước năm 1950, cao 15 m, bề hoành thân cây đo được 1,5 m, tán cây xòe rộng khoảng 45m, mỗi năm cây cho trái một lần vào tháng 7 với khoảng 250-300 kg trái. Năm 2011, nhãn Nhị Quý đã đạt chứng nhận VietGAP.

Nhãn bắt đầu ra hoa vào khoảng tháng 4-5 dương lịch. Đến tháng 7-8 dương lịch, nhãn chín rộ. Nhãn ở đây trái nào cũng rất to, nhỏ hột, cùi dày và mỏng vỏ. Có lẽ vì điều này mà nhãn Nhị Quý sớm nổi tiếng. Khi nhãn chín đượm một màu vàng sẫm tươi (riêng long nhãn có màu vàng nhạt) mùi thơm tỏa ngào ngạt, vị ngọt đậm. Hạt nhãn màu nâu sẫm. Riêng nhãn tiêu có hột rất nhỏ, cỡ đầu đũa.

Theo Đông y, nhãn có nhiều công dụng trong việc chữa bệnh, nhất là bệnh đau bao tử/dạ dày. Nhãn dùng để ăn tươi, đóng hộp hoặc bóc vỏ, bỏ hột, sấy khô làm long nhãn (nhãn nhục). Nhãn còn được chế biến thành nhiều món ngon, như chè hạt sen long nhãn, chè hạt sen nhãn khô, sâm bổ lượng,… Người dân nơi đây kết hợp việc trồng nhãn lấy quả với việc nuôi ong lấy mật trong khu vườn của mình.

**4. Miệt ốc gạo Tân Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình ốc (Ốc gạo) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Xã Tân Phong (huyện Cai Lậy) là một cù lao nằm giữa sông Tiền, tiếp giáp với thị trấn Cái Bè, gồm có nhiều cồn như: cồn Tre, cồn Bầu, cồn Tròn. Nơi đây có ốc gạo nổi tiếng, đặc biệt là ở khu vực cồn Tre, nên người ta thường gọi là *ốc gạo cồn Tre*.

Lòng sông Tiền đoạn này có nhiều cát nên là môi trường thuận lợi để ốc gạo sinh sôi. Ốc gạo sinh sản vào khoảng tháng 7 âm lịch, đến khoảng tháng 5 âm lịch năm sau thì đến độ chuẩn bị sinh sản, to bằng hột mít, cũng là mùa người ta khai thác ốc. Ốc gạo có vỏ màu xanh ngọc, ruột trắng ngà, ngọt giòn và không tanh, không nhớt như các loại ốc khác. Ốc gạo đến dịp tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) thì vừa đúng lứa, to mập (*“Ốc gạo cồn Tre, hai người đè, một người lể”* - tục ngữ) mà chưa có con trong bụng nên ăn rất ngon. Sau đó, ốc bắt đầu có nhiều con bên trong, ăn nghe “rào rạo”.

Ốc gạo cồn Tre từ các thế kỉ trước đã nổi tiếng khắp Nam Bộ nên được ghi chép khá kĩ trong sách *Gia Định thành thông chí*: *“Sông Kiến Đăng có thứ ốc gạo, vỏ trắng, xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, khi nấu chín thì dưới cái yếm của nó lồi ra hạt mỡ trắng như hột gạo, vị thơm ngon; nguyên nó ở dưới sông sâu, tháng 4, 5 bò lên bến cạn, người làm nghề đem thuyền đến cào chở bán khắp xa gần. Ốc này tháng 7 mang thai, tháng 8 trở về sông sâu, vỏ nó có thể đốt thành than làm vôi”*.

Ốc gạo sống lẫn trong cát dưới đáy sông nên người ta phải lặn để cào bắt, đem về rộng chừng một ngày cho ốc nhả cát ra rồi mới đem luộc. Khi ốc vừa chín tới thì phải nhắc xuống ngay, vì nếu luộc chín quá thì khi lể ốc sẽ bị đứt ngang thân, phần còn lại không lể ra được.

Ruột ốc có thể dùng để ăn trực tiếp bằng cách chấm với nước mắm gừng hay nước mắm sả ớt. Ngoài ra người ta còn có thể dùng ruột ốc để làm nhưn cho món gỏi cuốn hay nấu cháo, um với nước dừa, rang bơ…

Trong hồi ký *Hơn nửa đời hư*, Vương Hồng Sển có kể thú vui mò ốc gạo sông Tiền tại chợ Cồn (có thể là cồn Tre) và thưởng thức món ốc này mà ông cho rằng *“ngày xưa đó là một món ăn lạ, được dâng lên vua ngự thiện và được các quan hộ tống chở ra tận Huế dưới danh từ cống phẩm của Nam Kỳ lục tỉnh”*. Đến những năm 1930, ốc gạo sông Tiền vẫn là món đặc sản nổi tiếng đến mức Vương Hồng Sển còn ghi chép lại được một bài thi mẫu của học trò thời bấy giờ miêu tả về nó:

Bãi hạc cồn nhàn thảy rạng danh,

Cháu con gò đống nhóm nên thành.

Xa cừ đồng tánh tôn như chú,

Thô mễ trùng danh cứng bẵng anh.

Tây chẳng phải thời nam phải tiết,

Xuân sang vừa nghén hạ vừa sanh.

Hàm rồng ngon ngọt bao là đáng,

Tuy cũng đồng loài khí chẳng tanh.

(Khuyết danh, trước năm 1919[[41]](#footnote-41))

**5. Miệt vườn sầu riêng Ngũ Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Vườn) + Trái cây (Sầu riêng) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

Là một trong những cù lao lớn nằm ở hạ lưu sông Tiền thuộc huyện Cai Lậy, Tiền Giang, cù lao Ngũ Hiệp được thiên nhiên ưu ái ban tặng đất đai màu mỡ, nước ngọt quanh năm, không khí trong lành, mát mẻ… Ban đầu, cù lao có tên Trà Tân, sau đó đổi thành Năm Thôn vì nơi này có 5 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú và Tân Sơn), rồi 5 thôn này hợp nhất lại thành Ngũ Hiệp.

Đây là nơi 3 con sông lớn hội tụ là sông Tiền, sông Ba Lai và sông Hàm Luông, dòng nước cuồn cuộn chảy, bồi đắp phù sa nên cây cối quanh năm tươi tốt, xóm làng trù phú. Trong quá trình hình thành và phát triển, cù lao Ngũ Hiệp trải qua nhiều bước thăng trầm với nhiều biến cố. Hiện nay, cù lao Ngũ Hiệp nổi danh là “vương quốc sầu riêng” của Tiền Giang.

Câu chuyện cù lao này trở thành “vương quốc sầu riêng” bắt đầu từ nhiều về năm trước. Sau năm 1975, Ngũ Hiệp “loay hoay” với nhiều mô hình trồng cây ăn trái, trong đó cây chuối già chiếm ưu thế nhờ có thị trường xuất khẩu, nhưng việc tiêu thụ ngày càng bấp bênh. Vì lẽ đó, một số hộ dân chuyển qua trồng tiêu, nhưng cũng không mang lại hiệu quả, vì không hợp với thổ nhưỡng của cù lao.

Làm nhiều, nói ít, ông Hai Tôn (một trong những nông dân sau này có thương hiệu “Vua sầu riêng”) từ xã Tam Bình (huyện Cai Lậy) sang cù lao Ngũ Hiệp lập vườn từ năm 1960, là người đầu tiên đem giống sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh sang trồng trên đất cù lao. Đây là giống sầu riêng của ông Chánh bái Mẫn ở làng Tam Bình, trồng vào khoảng năm 1930. Sau năm 1975, đất cù lao cũng bị cuốn theo phong trào tập đoàn sản xuất nông nghiệp, trái sầu riêng ít người nhắc đến, bởi lẽ thời bao cấp gạo còn không đủ ăn. Ông Hai Tôn thì vẫn lặng lẽ chăm sóc những gốc sầu riêng với tâm trạng “bỏ thì thương, vương thì tội”.

Rồi thiên nhiên tình cờ mang lại cho ông một bài học kinh nghiệm đắt giá. Đó là, năm 1978 nước triều dâng làm bể bờ bao, khiến ông phải vất vả bơm nước ra, không ngờ sầu riêng bị sốc ra hoa đậu trái rất nhiều. Sau vụ lở đê này, ông mới nghĩ ra kỹ thuật xiết nước, rồi dùng ni lông đậy gốc cho cây sầu riêng ra hoa trái vụ. Từ đó, ông Hai Tôn đầu tư trồng sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh thành vườn chuyên canh, cho năng suất từ 20 - 30 tấn/ha, giá bán trên thị trường luôn cao, cho hiệu quả gấp 3 - 4 lần trồng lúa năng suất cao. Nhờ cây trồng này mà ông có “tiếng tăm” ở miệt vườn Ngũ Hiệp.

Rất nhiều nông dân trong vùng đã làm theo ông Hai Tôn ở Ngũ Hiệp, tích cực chuyển đổi sản xuất từ vườn tạp sang chuyên canh sầu riêng và đều thành công, trở thành những điển hình làm giàu. Từ năm 2000 trở lại đây, có rất nhiều nông dân ở xã Ngũ Hiệp đã mạnh dạn chuyển đổi các giống sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh sang trồng các giống sầu riêng mới chất lượng cao như: RI 6, Monthong, Chuồng bò..., có nhiều ưu điểm như cơm dày, hạt lép, phẩm chất ngon, luôn được thị trường trong nước và nước ngoài ưa chuộng, người trồng bán được giá cao.

Hơn thế nữa, sầu riêng đã được xác định là một trong các loại cây trồng chủ lực của tỉnh. Riêng xã cù lao Ngũ Hiệp hiện có hơn 1.500 ha vườn chuyên canh sầu riêng, chiếm hơn 98% diện tích đất nông nghiệp của xã. Những năm qua, xã đã tập trung chuyển giao khoa học - kỹ thuật, vận động nông dân trồng các giống sầu riêng chất lượng cao, với sản lượng mỗi năm đạt gần 50.000 tấn. Đặc biệt, nhiều nông dân nắm vững kỹ thuật xử lý cây ra hoa nghịch vụ và rải vụ “đón” giá nên mau chóng làm giàu.

Sầu riêng Ngũ Hiệp bao gồm nhiều giống được thị trường ưa chuộng, như: sầu riêng Ri 6, monthong, hạt lép chuồng bò (Tư Tây), sữa hạt lép (Chín Hóa), khổ qua xanh, lá quéo, bí,…Năm 2011, Sầu riêng Ngũ Hiệp đạt chứng nhận VietGAP.

 Sầu riêng Ngũ Hiệp trái to như một trái mít cỡ trung bình, vỏ dày và cứng, có gai nhọn lởm chởm. Khi ăn chỉ cần lấy mũi dao tách nhẹ vào đường rãnh vỏ rồi mở ra sẽ thấy những múi sầu riêng màu vàng ngà trông như có phết một lớp bơ bên ngoài, hạt nhỏ, dày, thơm, rất béo. Mùi hương của sầu riêng Ngũ Hiệp đậm đà, quyến rũ. Sầu riêng rất bổ dưỡng vì giàu vitamin B, C và E và hàm lượng sắt cao. Do đó, loại quả này có tác dụng tốt cho sức khỏe. Ngoài ra, sầu riêng còn được sử dụng để tạo hương vị cho nhiều món ăn trong ẩm thực.

1. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-1)
2. # *Cây găng - công dụng và cách dùng làm thuốc*, Trang thông tin điện tử Cây thuốc quý tỉnh Hòa Bình.

   [↑](#footnote-ref-2)
3. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 538. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 699. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trong thần thoại, con cù là con rồng con, mới ló sừng. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, con cù giống con rồng nhưng có cặp sừng khủng hơn. Theo tín ngưỡng dân gian, con cù là loài thủy quái gây ra sấm sét, gió mưa và lụt lội.  [↑](#footnote-ref-6)
7. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 554. [↑](#footnote-ref-7)
8. # Thái Sơn (2011), *Tổng cục Đường bộ giải thích khái niệm “ngã ba”*, Báo điện tử Thanh Niên, ngày 14/11/2011.

   [↑](#footnote-ref-8)
9. Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 32. [↑](#footnote-ref-9)
10. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 87. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*). [↑](#footnote-ref-12)
13. Chợ loại 3: Theo Nghị định số 02 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, chợ loại 3 là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hoá của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

    [↑](#footnote-ref-13)
14. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo Monographie de là province de Mytho - 1902 (Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho - 1902). [↑](#footnote-ref-15)
16. Sông Ba Rài liên quan đến chiến thắng Ba Rài của quân dân ta ngày 15/9/1967. [↑](#footnote-ref-16)
17. Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 158. [↑](#footnote-ref-17)
18. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb TP Hồ Chí Minh, trang 29. [↑](#footnote-ref-18)
19. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-19)
20. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-20)
21. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-21)
22. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-22)
23. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-23)
24. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-24)
25. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-25)
26. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-26)
27. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-27)
28. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-28)
29. Phi vận tướng quân Nguyễn Phục một vị tướng dưới thời Lê Thánh Tông bị trị tội chết do không vận chuyển lương thảo kịp thời khi quân Đại Việt hành quân đến Chiêm Thành. Sở dĩ, ông không thi hành quân lệnh là do bão biển. Việc làm của ông vừa cứu được lương thảo, vừa cứu được sinh mạng của nhiều binh lính. Sau đó, nhà vua hối hận và xét lại công trạng của ông, sắc cho dân chúng tôn thờ. Ông được xem là vị thần bảo trợ người đi biển. [↑](#footnote-ref-29)
30. Mai Thành hoàng đại vương là Mai Văn An, nguyên là lính vũ lâm thời nhà Lê, chết trận trong lúc hành quân đến Chiêm Thành, nổi tiếng linh thiêng, được dân làng Thủy Lan, h. Lệ Thủy, t. Quảng Trị lập miếu thờ. [↑](#footnote-ref-30)
31. Cẩn Ma ha Thành hoàng đại vương là một vị thần của dân tộc Chăm. Ma ha có nghĩa là Ông Lớn. [↑](#footnote-ref-31)
32. Văn Khánh hầu Thành hoàng đại vương là Nguyễn Phúc Kỳ, con của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Năm 1614, ông được cử làm Trấn thủ dinh Quảng Nam. Trong thời gian ông trị nhậm**, dinh Quảng Nam được bảo vệ vững chắc, nhiều nơi hoang vu được khai phá, phát triển cả về kinh tế lẫn văn hóa. Ông mất năm 1631, được truy tặng Thiếu Bảo Khánh Quận công.** [↑](#footnote-ref-32)
33. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48. [↑](#footnote-ref-33)
34. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 538. [↑](#footnote-ref-34)
35. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 554. [↑](#footnote-ref-35)
36. Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 17. [↑](#footnote-ref-36)
37. Trong thần thoại, con cù là con rồng con, mới ló sừng. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, con cù giống con rồng nhưng có cặp sừng khủng hơn. Theo tín ngưỡng dân gian, con cù là loài thủy quái gây ra sấm sét, gió mưa và lụt lội.  [↑](#footnote-ref-37)
38. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 155. [↑](#footnote-ref-38)
39. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, 2020, trang 373. [↑](#footnote-ref-39)
40. Nguyễn Ngọc Phan, *Tản mạn Ba Dừa*, Trang Thông tin điện tử Hội Văn học - Nghệ thuật Tiền Giang, ngày 29/8/2011. [↑](#footnote-ref-40)
41. ### Vương Hồng Sển (1974, tái bản 1997), *Hơn nửa đời hư*, Nxb Văn hoá Thông tin, tr.225 – 226.

    [↑](#footnote-ref-41)